

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TRỰC CHỈ

QUYỂN CHÍN

ĐOẠN II

SẮC GIỚI

CHI 1. SƠ THIÊN THIÊN

A-nan, tất cả người tu tâm trong thế gian, nếu không nhờ Thiên-na, thì không có trí tuệ.

Thanh Lương Tam Địa Sớ nói: “Thiên-na”, là tiếng Tây Vực, Trung Hoa dịch là “Tĩnh lực”. Tĩnh nghĩa là tịch tĩnh; lực là xét nghĩ. Tĩnh thì hay đoạn kiết sử; lực thì hay chính quán. Các trời vô sắc có tĩnh mà không lực, tuy hay đoạn kiết sử mà không thể chính quán. Dục giới chính giữ gìn có lực mà không tĩnh, tuy hay chính quán mà không thể đoạn kiết sử, nên chỉ có sắc giới mới riêng nhận xứng với tên này. “Tứ Thiên”: ban đầu một là, có “tâm” có “tứ”

tĩnh lự, hai là, “không tâm” “không tứ” tĩnh lự; ba là, lìa hỷ tĩnh lự, bốn là lìa lạc tĩnh lự. Nay nói không nhờ Thiên-na, thì không có trí tuệ, chính bảo rằng người thế gian tu tâm phải nhờ Thiên-na mới phát sinh trí tuệ. Sắc giới đây chính là lúc phải nhờ vào Thiên-na. Nên từ quả ban đầu cho đến quả thứ ba đều tạm gọi ngôi vị nơi này, ngõ hầu chứng đến vô học. Văn sau nói, tuy không phải chân tu Tam-ma-địa, chính do loại này dù ở trong Thiên-na, nhưng chưa phát chân trí, không thể so với Tam-ma-địa, định tuệ bình đẳng vậy.

Người nào giữ được thân không làm việc dâm dục, hoặc trong lúc đi lúc ngồi cũng không nghĩ nhớ, lòng ái nhiễm không sinh, thì không còn ở trong cõi Dục, người ấy liền đó thân được làm phạm lữ; một loài như thế, gọi là Phạm Chúng Thiên.

Nghĩ nhớ đều không, ái nhiễm không sinh. Đây là lựa ra không phải Dục giới, cũng để hiển bày thân tâm xa lìa, bắt đầu vào tĩnh lự, nên gọi là Phạm Chúng.

Tập quán ngũ dục đã trừ, tâm ly dục hiện ra, vui vẻ thuận theo luật nghi, thì người ấy liền có thể thực hành phạm đức; một loài

người như thế, gọi là Phạm Phụ Thiên.

Tâm ly dục hiện ra, vui vẻ thuận theo, đây chính là “ly sinh hỷ lạc” vậy. Hay thực hành Phạm đức, lại trợ giúp và tuyên dương công đức giáo hóa, nên gọi là Phạm phụ.

Thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, oai nghi không thiếu, cấm giới trong sạch, lại có thêm trí sáng, thì người ấy liền thống lãnh phạm chúng, làm Đại Phạm Vương; một loại người như thế, gọi là Đại Phạm Thiên.

Thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, bởi để chỉ về tâm giới được giải thoát viên mãn, lộ bày khi động khi dừng đều phát ra thắng giải; nên nói là oai nghi không thiếu, lại thêm được trí sáng. Đây chính là chủ trương của Phạm giáo, để hiểu qua các cõi trời trước.

A-nan, ba loài tốt đó, tất cả khổ não không thể bức bách, tuy không phải chân chính tu Tam-ma-địa của đạo Phật, nhưng trong tâm thanh tịnh, những lầm lạc của Dục giới không lay động được, nên gọi là Sơ Thiên.

Khổ não sinh nơi các dục, Sơ Thiên là dục vắng lặng, sức giác quán thù thắng, không

bị các thứ thô lậu lay động. Ở đây là từ khi chưa đến được chỗ định, phát sinh định này từ lý dục về sau, thân tâm dứt bật, ngồi, nằm rỗng rang như hư không, có thể sinh Sơ Thiên, nên nói trong tâm thanh tịnh.

CHI 2. NHỊ THIÊN THIÊN

A-nan, thứ nữa là các hàng Phạm Thiên thống lãnh phạm chúng lại tu tập phạm hạnh được viên mãn, tâm đứng lặng không lay động, và do sự đứng lặng ấy mà phát sinh sáng suốt; một loài như thế, gọi là Thiếu Quang Thiên.

Đây là từ Sơ Thiên, tăng thêm thù thắng bên trong vắng lặng sinh ra sáng suốt, do cái sáng suốt mới phát sinh, nên gọi là Thiếu Quang. Hai thứ tinh lự ban đầu cái sáng có khác, một như hạt châu Ma ni, bên ngoài có ánh sáng, bên trong không có ánh sáng; hai, như đèn sáng bên ngoài phát ra ánh sáng, bên trong tự chiếu rõ, hoặc ở trong hoặc ở ngoài đều có ánh sáng.

Hào quang sáng suốt thêm nhiều, chói sáng không cùng, ánh vào mười phương thế giới đều thành ngọc lưu ly; một loài như thế, gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

Ở đây so với hào quang sáng của cõi trời trước càng vượt bậc hơn, như ngọc lưu ly trong sạch ánh ra càng xa. Mười phương là căn cứ nơi thế giới này mà nói, chứ không phải khắp mười phương thế giới.

Nắm giữ ánh sáng viên mãn tạo thành giáo thể, phát ra sự giáo hóa thanh tịnh, ứng dụng không cùng; một loài như thế, gọi là Quang Âm Thiên.

Đây là do từ hào quang mà giữ gìn giáo thể, lấy hào quang để tuyên dương giáo hóa. “Ứng dụng” là chỉ cho cơ dụng phát ra để chỉ bày không cùng. Ngài Trường Thủy cho chỗ Nhị thiên là năm thức trước không phân biệt vì ở trong Định. Do phạm phu, ngoại đạo và Nhị thừa khi ở trong Định, thì năm thức trước không khởi, để phân biệt cảnh. Thế giới chỉ nói: Đức Quán Âm dùng hào quang làm tiếng, thì chư Thiên các cõi trên đối với các oai nghi, động tĩnh đều là ngôn giáo vậy.

A-nan, ba loài tốt đó, tất cả lo buồn xa xôi không bức bách được, tuy không phải chân chính tu Tam-ma-địa của Phật, nhưng trong tâm thanh tịnh; những lầm lạc thô động đã dẹp xuống, nên gọi là Nhị Thiên.

Nhị Thiên do định mà sinh hỷ lạc, gọi chỗ vui cùng tột, nên không có lo buồn. Sơ Thiên thì những lầm lạc về thô không còn động, cõi trời này đã hàng phục được cái thô ấy. Tam Địa Sở nói: “Nơi định mà sinh hỷ lạc đó là vì cái vui của Sơ Thiên đã trái với dục ác, nên gọi là ly sinh, nay vui vì tâm giác quán dứt nên gọi là định sinh, như gương sạch nước đứng lặng nên thân tâm được vui thích. Dục ác như bùn, định của Sơ Thiên như nước động để đứng yên. Nay không có dục ác, lại diệt các giác quán như nước đã đứng yên. Ấy là Sơ Thiên kia thì vui vì đã ly. Đây là cái vui đã sở đắc, vì được quên cái chiểu vậy”.

CHI 3. TAM THIÊN THIÊN

A-nan, loài trời như thế khi dùng hào quang viên mãn để làm âm thanh giáo hóa, do âm thanh giáo hóa càng lộ rõ lẽ nhiệm mầu, phát ra hạnh tinh tiến thông với cái vui yên lặng; một loài như thế, gọi là Thiểu Tịnh Thiên.

Nương hào quang thành tựu pháp âm ở trên, dùng hào quang này để bày lý, lý và hạnh phù hợp nhau, nên phát ra cái vui yên lặng, diệt tâm hỷ ở trước, thuận hiện bày tịch

tịnh. Ban đầu phát ra nói là thông, cũng gọi là Thiếu Tịnh.

Cảnh thanh tịnh rộng rang hiện tiền dẫn phát không có bờ bến, thân tâm khinh an thành tựu được cái vui vắng lặng; một loài như thế, gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

Tướng tịnh không tướng tịnh, nên được định. Định tức là không có bờ mé, thành tựu được cái vui vắng lặng, vì thân tâm vắng lặng nên gọi là khinh an, cái vui ấy đâu có hạn lượng.

Thế giới và thân tâm tất cả đều thanh tịnh viên mãn, công đức thanh tịnh thành tựu, cảnh giới thù thắng giá nơi hiện tiền, trở về với cái vui tịch diệt; một loài như thế, gọi là Biến Tịnh Thiên.

Cái vui ở trước không lường, chỉ ở nơi thân tâm, nay thì khắp cả thế giới đều rộng rang vắng lặng, trong ngoài đều vắng bật, thành tựu được chỗ an trụ, nên gọi cảnh giới thù thắng giá nơi hiện tiền. Trở về tức là trở về nơi đây vậy.

A-nan, ba loại tốt đó đầy đủ công hạnh đại tùy thuận, thân tâm yên lặng được cái vui không lường, tuy không phải chân chính được pháp Tam-ma-địa của

Phật, nhưng trong tâm an ổn hoan hỷ đầy đủ, gọi là Tam Thiên.

Tam Thiên là cái hỷ được cái diệu lạc. Hỷ cùng với Ưu đối nhau, chỗ này thì là cái hỷ, khắp thân thể đầy đủ, cái vui không có lỗi, nên nói đầy đủ đại tùy thuận. Vui tốt thì rời cả cái mừng (hỷ) mà nói rằng hoan hỷ đầy đủ là trong tâm an ổn, khác hơn cái mừng thô động, cũng nói là được cái vui đầy đủ vậy. Luận Trí Độ nói: Vui có ba: “Thượng, Trung và Hạ”. Hạ là Sơ Thiên, trung là Nhị Thiên, thượng là Tam Thiên. Sơ Thiên có lạc căn và hỷ căn. Năm thức trước tương ứng với lạc căn, ý thức tương ứng với hỷ căn. Trong Nhị Thiên ý thức tương ứng với hỷ căn. Trong Tam Thiên ý thức tương ứng với lạc căn. Năm thức trước không thể phân biệt, chẳng biết được tướng danh tự. Nhân thức sinh, như chỉ trong khoảng khảy móng tay ý thức đã sinh; thế nên năm thức trước tương ứng với lạc căn, cái vui không thể đầy đủ, ý thức tương ứng lạc căn, cái vui mới hay đầy đủ.

CHI 4. TỨ THIÊN THIÊN

A-nan, lại nữa loài trời đó thân tâm không bị bức bách, nguyên nhân của khổ đã hết, lại xét cái vui không được thường trụ, lâu

cũng phải tiêu tan, nên cả hai tâm khổ vui đồng thời đều buông bỏ, những tướng thô trọng đã diệt, thì phước thanh tịnh sinh ra; một loài như thế, gọi là Phước Sinh Thiên.

Câu “Thân tâm không bị bức bách, nhân khổ đã hết”, là kết lại ban đầu, khi được Nhị Thiên. Câu “xét lại cái vui không được thường trụ, lâu rồi cũng phải tiêu tan”, là kết lại khi được Tam Thiên. Câu “Cả hai tâm khổ vui đồng thời đều buông bỏ”, chính là chỉ cho Tứ Thiên này. Ba ngôi thiên trước còn niệm chán khổ, ưa vui đều là tướng thô trọng, đến cái vui cũng đều không thọ, xả niệm thanh tịnh, ấy là Phước Thanh Tịnh vậy.

Tâm buông bỏ được viên mãn, sự nhận hiểu cao xa càng thanh tịnh, trong cái phước không gì trở ngại đó, được sự tùy thuận nhiệm mầu cùng tột mé vị lai; một loài như thế, gọi là Phước Ái Thiên.

Tâm buông bỏ được viên mãn, nghĩa là không trụ nơi tâm xả, trở lại hay huân phát ra trí vô lậu. Do các bậc Thánh nhân đều nương nơi đây mà tu hành trí tuệ và nguyện lực Vô Trách Tam-muội, nên nói: “Được sự tùy thuận nhiệm mầu”. Cùng tột mé vị lai, tức là cùng tột

vị lai của chỗ này. Lại nếu hay huân phát trí vô lậu, thì thông cả ba đời không có hạn lượng vậy. Chỗ phước xả cái vui này lần lần thêm thù thắng, đối với thế gian không có hai, riêng đáng ưa thích vậy.

A-nan, từ cõi trời đó có hai con đường tể; nếu dùng cái tâm sáng suốt thanh tịnh vô lượng trước kia mà tu chứng thì an trụ nơi phúc đức viên mãn sáng suốt; một loài như thế, gọi là Quảng Quả Thiên.

Ở trong cõi trời Phước Ái có chia hai đường tể. Do Tứ Thiên, tâm xả quá thiên lệch; nếu từ trong cõi trời Vô Lượng Quang trợ giúp phát khởi tứ vô lượng tâm, thẳng đến cõi Trời Quảng Quả, thì cùng với Trời Ngũ Tịnh đồng phân chung ở để phát minh trí tuệ, hoặc chứng quả A-la-hán, hoặc vào hàng Bồ-tát; nếu một bề trụ nơi xả tức vào cõi trời Vô Tướng; gọi là ngoại đạo vậy. Vô Lượng Tịnh Quang, là Tam thiên chưa vào ngôi vị xả, tâm này hiện ra viên mãn, vốn là nguyên nhân đặc biệt ở đây, “Quảng Quả”, ngài Thanh Lương nói, đối với quả lành trong loại dị sinh thì ở đây rất rộng lớn, chỗ có các công đức thù thắng hơn quả Nhị Thiên và Tam Thiên ở dưới vậy.

Nếu đối với tâm trước kia nhằm chán cả cái khổ cái vui, tinh cần nghiên cứu tâm buông bỏ tương tục không gián đoạn, đi đến cùng tột sự buông bỏ, thân tâm đều diệt, ý nghĩ bật mất trải qua năm trăm kiếp. Song người ấy đã lấy cái sinh diệt làm nhân, thì không thể phát minh tính bất sinh bất diệt, nên nửa kiếp ban đầu diệt, nửa kiếp sau lại sinh; một loài như thế, gọi là Vô Tướng Thiên.

Tự tính bản giác không có sinh diệt, cũng không thủ xả. Bởi chúng sinh không thể ngay đó phát minh, hẳn là do pháp tĩnh lự mà ly dục, chấp tướng tịnh xả cái mừng, ưa cái vui, tột nơi cái khổ và cái vui đều bỏ. Cái xả này tuy vi tế, nhưng hay làm chướng ngại con mắt trí tuệ, bèn thành không biết xoay trở lại. Nửa kiếp ban đầu diệt là do nắm giữ tâm diệt, nên không phải chân tịch diệt; diệt rồi lại sinh, ấy là lấy sinh diệt làm nhân vậy.

A-nan, bốn loại tốt đó, tất cả các cảnh khổ vui trong thế gian không thể làm lay động được. Tuy không phải là chỗ chân thật bất động của đạo vô vi, song nơi tâm có sở đắc, công dụng đã thuần thực, nên gọi là Tứ Thiên.

Luận Du Già nói: “Từ tịnh lự ban đầu, thì

tất cả tai hoạn của địa dưới đã đoạn, nghĩa là tâm tứ hỷ lạc, xuất tức (thở ra), nhập tức (thở vào). Thế nên, ở trong niệm xả này được thanh tịnh rõ ràng. Do đó thiền này trụ tâm không động, nên gọi là tâm có sở đắc, công dụng thuần thực. Thiền này nói đủ có bốn chi: Chi một: không khổ, không vui. Khi xả Tam Thiên mỗi mỗi đều quả trách cái vui, cái vui đã diệt hết, thì cái định bất động và cái xả đều phát sinh; nên ở trong tâm vắng lặng, không khổ, không vui. Chi hai: xả, đã chứng được chân định bất động của Tứ thiền, thì xả được cái vui của Tam Thiên khó xả, không sanh tâm ăn năn. Chi ba: niệm thanh tịnh, đã được chân định của Tứ Thiên, thì ngay đương niệm đã qua, chỗ địa dưới, lại suy nghĩ là công đức của tự mình phương tiện đem nuôi dưỡng, khiến không lui sụt tiến lên vào phẩm thù thắng. Chi bốn: nhất tâm, đã được định của Tứ Thiên, dùng hai chi xả niệm ở trước đem ủng hộ. Nhất tâm trong định, cũng như gương sáng nước đứng yên, vắng lặng mà thường chiếu soi vậy”.

CHI 5. NGŨ TỊNH CƯ THIÊN

A-nan, trong đây lại có năm tầng Bát Hoàn Thiên, các vị này đã diệt hết tập khí chín phẩm trong cõi dưới, khổ vui đều hết, ở

bên dưới không có chỗ ở nên an lập chỗ ở nơi chúng đồng phần của tâm buông bỏ.

Tập khí chín phẩm, tức là Dục giới Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên đều có chín phẩm. Nhị thừa đoạn cửu địa tứ hoặc trong tam giới chín lần chín là tám mươi một phẩm thành A-la-hán. Quả thứ ba A-na-hàm đều đã đoạn Dục giới, Tam Thiên, Tứ Thiên mỗi địa đều có chín phẩm hoặc. Đoạn chín phẩm của một địa trong Dục giới thì khổ đã hết không có chỗ ở trong Dục giới. Đoạn ba địa trên, mỗi chỗ có chín phẩm thì cái vui hết, không có chỗ ở trong Sắc giới. Đây là Ngũ Tịnh Cư Thiên, từ Tứ Thiên mà lập riêng, tên phổ thông là xả niệm thanh tịnh. Nên gọi là chúng đồng phần của tâm buông bỏ. Trong kinh Niết-bàn phẩm Ca-diếp nói: “Trong Tứ Thiên lại có hai hạng: 1/- Vui trong Thiên định; 2/- Vui trong Trí tuệ”. Hạng vui trong Trí tuệ thì vào Ngũ Tịnh Cư, vui trong Thiên định thì vào Vô Sắc giới. Hai người như thế, một là tu Tứ Thiên có năm giai cấp sai biệt; hai là không tu. Thế nào là năm giai cấp? – Hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Người tu thượng thượng ở Vô Tiểu Thiên; người tu thượng trung ở Thiên Kiến Thiên; người tu Thượng phẩm ở chỗ Thiên Khả

Kiến Thiên; người tu trung phẩm ở chỗ Vô Nhiệt Thiên; người tu hạ phẩm ở chỗ Tiểu Quảng Thiên. Lại có hai thứ: 1/- Người tu chú trọng về Thiên định vào Ngũ Tịnh Cư Thiên. 2/- Người tu không chú trọng về Thiên định sanh Vô Sắc Giới, khi thọ mạng đã hết vào Bát Niết-bàn; ấy gọi là thượng lưu Bát Niết-bàn. Nếu người muốn vào Vô Sắc Giới thì không thể tu năm thứ lớp sai biệt của Tứ Thiên; nếu tu năm thứ lớp sai biệt thì hay chê trách cái định Vô Sắc giới.

A-nan, khổ vui cả hai đều diệt, không còn tâm niệm đấu tranh; một loài như thế, gọi là Vô Phiền Thiên.

Khổ vui cả hai đều diệt, thì hai tâm ưa ghét không còn đối đãi nhau, nên nói là không còn tâm niệm đấu tranh. Tứ Thiên đã xa lìa khổ vui mà không gọi là Vô Phiền; nghĩa là phàm phu tạm thời hàng phục chứ chưa phải diệt được rốt ráo.

Tự tại buông xả, không còn năng xả, sở xả; một loài như thế gọi là Vô Nhiệt Thiên.

“Cơ” là cái bẫy nỏ, “Quát” chót đầu mũi tên, chui vào dây cung. Người độc hành là nói nơi tay buông thông, chỉ có đương niệm, lại

không có chỗ giao tiếp. Bởi do năng xả, sở xả gọi là chỗ giao tiếp, không giao tiếp, thì tuệ dụng viên mãn siêu thoát vậy. Ít nóng gọi là nhiệt, không nóng so sánh vi tế hơn.

Khéo thấy mười phương thế giới thấy đều đứng yên, lại không còn tất cả những cấu nhiễm trầm trọng của trần cảnh; một loài như thế gọi là Thiện Kiến Thiên.

Trời Ngũ Tịnh Cư đều vui nơi trí tuệ. Cái thấy nhiệm mầu này, chính là do xả tột cùng mà phát trí tuệ. Ở trong tuệ tâm, thấy khắp cả mười phương bên ngoài không có các hình tượng của tiền trần, bên trong tâm không có cấu nhiễm vậy.

Tri kiến thanh tịnh hiện tiền, nhồi nắn hun đúc không ngại; một loài như thế, gọi là Thiện Hiện Thiên.

Đây tức là cái thấy khéo léo ở trước, nói tri kiến thanh tịnh là do cái dụng của trí tuệ được giữ lại tự tại, đứng lặng hiện bày cùng tột sự biến hóa, như dùng nước lửa đã nhồi nắn hun đúc làm thành được tất cả đồ dùng.

Quán sát rớt ráo các cực vi cùng tột tính của sắc pháp vào tính không bờ bến; một loài như thế, gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên.

Quán sắc đến cực vi, gọi là ky (cơ). Tột sắc tướng thì tính hiện bày, ấy là cùng tột tính của sắc pháp. Tính của sắc pháp này, không có bờ bến, chính là chỗ của ba quả vị Thánh phát tâm trở về nguồn chân vậy. Nên biết, cõi Ngũ Bát Hoàn Thiên này, chính là nương nơi tu tập đồng phần, tức là đối với chỗ này, chê trách cái định Vô Sắc Giới. Đoạn tư hoặc của bốn địa trên, không thể cho là vào tính không bờ bến được; nghĩa là đại khái đều vào Tứ không, văn sau tự rõ.

A-nan, những bậc Bát Hoàn Thiên đó, bốn vị Tứ Thiên Vương Tứ Thiên chỉ được kính nghe, nhưng không thể thấy biết. Như hiện nay có các đạo tràng của chư Thánh nơi rừng sâu đồng rộng ở thế gian đều là nơi trụ trì của các vị A-la-hán, nhưng những người thô thiển ở thế gian không thể thấy được.

Kinh Nhân Vương nói: “Hàng Thập địa Bồ-tát làm Tứ Thiên Thiên Đại Tịnh Thiên Vương, được Tam-muội tột lý, đồng hành xử với chư Phật, tột nguồn Tam giới giáo hóa chúng sinh”. Đây chính là Bồ-tát vì chư Thánh thị hiện dấu vết kỳ đặc khiến phát trí tuệ nên được kính nghe gồm dụ cho Tứ Thiên, khiến cho ra khỏi thế gian vậy.

CHI 6. KẾT LUẬN VỀ SẮC GIỚI

A-nan, mười tám cõi trời đó tâm thường ở trong định, không dính dáng với trần cảnh, song chưa hết cái lụy của hình hài. Song từ đây trở lại gọi là sắc giới.

Nói chung mười tám cõi trời, nghĩa là đã vượt khỏi cảnh của ngũ dục, nên gọi là tâm ở trong Thiền định, không dính dáng với Trần cảnh. Đồng một sắc chất làm chướng ngại, nên gọi là chưa hết cái lụy của hình hài.

ĐOẠN III

VÔ SẮC GIỚI

CHI 1. KHÔNG XỨ- TRƯỚC LỰA CHỖ HỒI TÂM

Lại nữa, A-nan! Từ trong bờ mé sắc của trời Hữu Đảnh lại có hai đường tể. Nếu nơi tâm buông bỏ phát minh trí tuệ, trí tuệ sáng suốt được viên thông bèn ra khỏi cõi trần, thành A-la-hán vào Bồ-tát thừa; một loài như thế, gọi là Hồi Tâm Đại A-la-hán.

“Hữu” tức là sắc. “Đảnh” là cứu cánh. “Bờ mé sắc”, nghĩa là chỗ hạn cuộc của sắc giới. “Tứ thiên có hai đường tể”: Một, do ưa tu

Tam-muội nên sinh thẳng về Tứ Không. Hai, do ưa tu trí tuệ bèn vào cõi Ngũ Tịnh Cư Thiên. Đây chính là lối thường. Đã vào Ngũ Tịnh Cư, tự sẽ phát minh hết sạch các trần lụy, thành A-la-hán. “Vào Bồ-tát Thừa”, nghĩa là do A-la-hán vào Bồ-tát thừa, nên nói rằng hồi tâm, ấy là do từ quả thứ ba thành A-la-hán rồi sau mới vào vậy.

Nếu nơi tâm buông bỏ thành tựu được sự chán bỏ rồi lại cảm thấy cái thân là ngại, và tiêu cái ngăn ngại vào hư không; một loài như thế, gọi là Không Xứ.

Đây là khái quát chỉ về Tứ Thiên. Nếu ở Ngũ Tịnh Cư Thiên làm A-na-hàm, thì chính khi chứng Tu-đà-hoàn, cái kiến chấp về thân đã diệt, đâu còn cảm thấy cái thân làm ngại! Song Niết-bàn cũng có phàm phu và ngoại đạo, người chẳng do Tu-đà-hoàn mà chứng Nhị quả, Tam quả, hoặc tức là loài này.

CHI 2. THỨC XỨ

Các chất ngại đã tiêu trừ, nhưng không diệt được cái không ngại, trong ấy chỉ còn lại thức A-lại-da và còn nguyên vẹn phân nửa vi tế của thức Mạt-na; một loài như thế gọi là Thức Xứ.

Các chất ngại, tức là thân làm ngăn ngại ở trước. Cái ngăn ngại về thân, nếu không tiêu trừ, thì tất cả các thứ ngại khác không thể diệt được. Nói các chất ngại tiêu, thì cái ngăn ngại y thân cũng tiêu vậy. Đây chẳng những các chất ngại tiêu, mà tâm diệt các chất ngại cũng tiêu. Ở đây chẳng biết, thì chỉ y theo thức A-lại-da và nguyên vẹn nơi thức Mạt-na vậy. Thức A-lại-da khi mê, thì mê nơi thức Mạt-na. Nên nói rằng, nguyên vẹn phân nửa vi tế của thức Mạt-na; tức là chỗ thức Mạt-na duyên bởi phân nửa vi tế của thức thứ sáu. Thức Mạt-na không thể duyên với ngoại cảnh, chỉ duyên theo cái phân biệt của thức thứ sáu mà phân biệt. Phân nửa vi tế ở đây khi chứng A-la-hán mới đoạn được. Song đã đoạn phân nửa vi tế thì sáu thức hoàn toàn đoạn. Kinh Lăng Già nói: “Ta nói thức phân biệt diệt, gọi là Niết-bàn”. Cũng cho là Niết-bàn của Nhị thừa đồng với Niết-bàn của Như Lai chăng? Xét về thức phân biệt diệt, gọi là Niết-bàn. Ở đây từ người tàng thức đã biết rõ ràng mà nói. Hàng Nhị thừa không biết thức thứ tám mà chỉ diệt được sở duyên của thức thứ sáu, bởi tiền trần của năm thức trước thì phân nửa bên ngoài không khởi

hiện hành, phân nửa bên trong sở duyên của thức Mạt-na cũng diệt. Phân nửa này diệt thì chúng được nhân vô ngã, mà sở duyên căn bản của thức Mạt-na duyên với thức thứ tám chưa diệt, ấy gọi là bị pháp chấp làm chướng ngại vậy.

CHI 3. VÔ SỞ HỮU XỨ

Sắc và không đã hết, thức tâm đã diệt trừ, mười phương vắng lặng không còn gì nữa; một loài như thế, gọi là Vô Sở Hữu Xứ.

Sắc và không đã hết, tiếp theo cõi trời trước thức tâm đều diệt, tức là diệt phân nửa phân vi tế. Phân nửa phần này diệt, sao không chúng được Niết-bàn của Nhị thừa? Bởi do định lực nắm giữ nếp phục mà chưa đoạn, nghĩa là chưa từng chứng được thật tính vô ngã. Kinh Niết-bàn gọi là hàng Thanh văn, Duyên giác, còn chẳng được thật tính vô ngã, hà huống thật tính có ngã. Nói là không được, nghĩa là từ vô ngã đối với hữu ngã mà nói, chẳng phải thật chẳng được; được cũng không có chỗ để ngã chúng. “Lại không còn gì” tự diệt phân thức phân biệt nơi cảnh giới đồng với mình để vậy.

CHI 4.- PHI PHI TƯỚNG XỨ

Thức tính vốn không lay động, lại dùng cái diệt mà diệt đến cùng, trong chỗ không thể hết mà phát minh nhận cho là hết, nên hình như còn mà chẳng phải còn, hình như hết mà chẳng phải hết; một loài như thế, gọi là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

Đây tức là thức tính đã diệt ở trước, thấy cái thực kia chưa từng diệt, do định lực nghiên cứu cùng tột, song ở trong cái không thể hết mà phát minh tính hết, nên nói hình như còn mà chẳng phải còn, hình như hết mà chẳng phải hết. Thức này khi chưa trải qua phát minh thật tính, trọn không thể hiểu, luống nghiên cứu tột nơi cái không hoàn toàn là vọng tưởng, không hay tự giác, nên gọi là Phi Phi Tướng.

CHI 5. KẾT LUẬN VỀ TỬ KHÔNG VÀ NÓI RÕ ĐƯỜNG TẾ

Những loài này đã xét cùng tột cái không nhưng không tột lý không; nếu từ Thánh đạo cõi trời Bất Hoàn mà xét cùng thì một loài như thế, gọi là Bất Hối Tâm Độn A-la-hán. Nếu từ cõi trời vô tướng và ngoại đạo mà xét cùng tột

cái không, không biết trở về, mê lầm không nghe chính pháp thì sẽ vào đường trầm luân.

Trừ ra từ Thánh đạo cõi Tịnh Cư xét cùng, gọi là độn A-la-hán không vào luân hồi. Bởi cho rằng từng trải qua kiến đế, không có phần bị luân hồi, chỉ do đắm mê trong thú vị của Thiên định, nên làm chướng ngại chỗ thấy đạo, gần gũi phàm phu, ngoại đạo, hướng chi không chỗ thấy mà chỉ cam chịu tịch diệt, thì ít ai mà chẳng sai lầm; nghĩa là xét cùng cái không mà không biết trở về. Trái lại nếu biết trở về thì không lỗi vậy.

CHI 6. KẾT LUẬN CHUNG VỀ CHƯ THIÊN

A-nan, các cõi trời ấy mỗi mỗi đều là những phàm phu hưởng sự báo đáp của nghiệp quả, và khi sự báo đáp hết thì trở vào trong luân hồi. Thiên vương các cõi kia thường là Bồ-tát dùng pháp Tam-ma-đê lần lượt tiến lên hồi hướng về đường tu hành của Phật đạo.

“Các cõi trời”, là kết chung về các cõi trời Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Dùng hoa để trang nghiêm gá vào báo thân, không đề cập đến Tứ không. Lại trước kết về các cõi trời, sau kết về Tứ không, cũng là một điều để chứng biết vậy.

Tiêu chỉ nói: “Hàng Thập địa Bồ-tát, nương nơi báo thân làm mười vị Thiên Vương: Sơ địa làm Diêm Phù Vương, Nhị địa làm Tứ Thiên Vương, Tam địa làm Đao Lợi Vương, Tứ địa làm Dạ Ma Vương, Ngũ địa làm Tri Túc Vương, Lục địa làm Hóa Lạc Vương, Thất địa làm Tha Hóa Vương, Bát địa làm Nhị Thiên Vương, Cửu địa làm Tam Thiên Vương, Thập địa làm Tứ Thiên Vương, tức là Ma-hê-thủ-la. Bồ-tát tán tu không thị hiện làm Sơ thiên, vì còn mang những kiến chấp khác”. Ở đây đều lấy quyền mà dẫn đến thật, ở trong cõi trời, hóa các thật báo của trời, khiến thoát khỏi nghiệp trời nên được gọi là Vua.

A-nan, những cõi trời Tứ Không ấy, thân tâm diệt hết, định tính hiện tiền, không có sắc pháp của nghiệp quả; từ đây đến cuối cùng, gọi là Vô Sắc Giới.

Định tính hiện tiền, nghĩa là có sắc pháp của định quả hiển bày không sắc pháp của nghiệp quả. Cõi trời này thân sắc đều hết, mà tâm không diệt, do định lực nghiền ngẫm, nên in tưởng như có mà chẳng phải có nên nói là “diệt”. Kinh Niết-bàn nói: “Trời Vô Sắc Giới xoay quanh, cúi ngược, không phải hàng Thanh văn, Duyên giác thấy được”, thì thân hẳn cũng không phải diệt, chỉ vì không có chỗ để thấy vậy.

Những cõi ấy đều do không rõ Diệu Giác Minh Tâm, tích chứa cái vọng, giả dối phát sinh ra ba cõi, trong đó giả dối theo bảy loài mà chìm đắm và có thể thụ sinh cũng theo từng loại.

Kết chung về trời Lục Dục đến trời Phi Phi Tướng đều do không rõ Diệu Giác Minh Tâm, từ minh sinh ra mà vọng có ba cõi. “Trong đó” là chỉ cho các cõi trời, dụng công một cách lãng phí rốt cuộc cũng giả dối theo bảy thú khởi hoặc tạo nghiệp, đều đưa đến kết quả theo từng loại vậy. Trong luận Du Già có tám loại chấp ngã mà loài thứ sáu gọi là “Bổ-đặc-già-la” nghĩa là “sổ thú chư thú” (thường nắm giữ các thú) hoặc sinh nơi kia, hoặc sinh nơi đây. Chính cái hay sinh đó, tức là chấp ngã. Sáu đường, bốn loài, đều nơi đây mà xoay vần mãi không thôi.

ĐOẠN IV

NÓI THÊM CHẴNG PHẢI TRỜI BỐN LOÀI A TU LA

Lại nữa, A-nan! Trong tam giới đó, lại có bốn loài A-tu-la:

Nếu từ loài quý do sức bảo hộ chính

pháp được thần thông vào hư không thì giống A-tu-la này từ trứng sinh ra thuộc về loài quỷ.

Kinh Pháp Hoa văn cú nói: “Đây thuộc về loài quỷ thường ở nơi bờ biển lớn, quy y Phật, bảo hộ chính pháp, lấy oai lực bảo hộ chính pháp, do đó tự có thần thông nên vào hư không đến để bảo hộ Phật pháp”.

Nếu từ trong loài trời, do đức kém sa đọa chỗ ở gần với mặt trời, mặt trăng; loài A-tu-la này từ thai sinh ra, thuộc về loài người.

Kinh Khởi Thế nói: “Bên mặt phía Đông núi Tu-di, qua một ngàn do tuần có thiết lập cung thành Ma-bà-đế, bảy lớp vách thành, làm bằng thất bảo. Ba mặt phía Nam, phía Tây, và phía Bắc đều có cung điện của vua A-tu-la tốt đẹp cũng tương tự, nhưng thấp hơn trời Địa Cư một cấp”.

Có vua A-tu-la nắm giữ thế giới sức mạnh đến chỗ không phải sợ ai, hay tranh quyền cùng với Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương. Giống A-tu-la này nhân biến hóa mà có thuộc về loài trời.

Kinh Quán Phật Tam-muội nói: “Vợ của Chất-đa A-tu-la là Hương Sơn Nhạc Thần nữ,

mang thai 8.000 năm sinh một người con gái, tên là Xá-chi. Kiều-thi-ca hỏi cô gái ấy làm vợ, gọi tên là Duyệt Ý. Đế Thích đến vườn hoan hỷ, các Thái nữ vào ao dạo chơi, cô gái sinh ghen ghét, sai Ngũ Dạ Xoa đến thưa với phụ vương. Vua liền đem bốn binh đến đánh Đế Thích, làm cho nước biển lớn, ngôi xóm trên đỉnh núi Tu-di, 999 cái đầu đồng thời hiện, lung lay thành Thiện Kiến, rung rinh núi Tu-di, nước bốn biển lớn đồng thời dậy sóng.

Đế Thích sợ hãi, ngồi trên Thiện Pháp Đường đốt các thứ danh hương, phát nguyện rộng lớn, tụng Bát-nhã Ba-la-mật Đại Minh Chú, bỗng giữa hư không, bánh xe đao kiếm (đao luân) tự nhiên rơi xuống, ngay trên Tu-la khiến tai, mũi, tay chân A-tu-la đồng thời đều rơi rụng và làm cho nước biển lớn đỏ như ngọc trai, Tu La không chỗ chạy trốn phải chun vào trong ống tơ, ngó sen.

A-nan, riêng có một số A-tu-la thấp kém sinh trong lòng biển lớn, lặn dưới cửa thủy huyết, ban ngày dạo chơi trên hư không, tối về ngủ dưới nước; giống A-tu-la này nhân thấp khí sinh ra, thuộc về loài súc sinh.

Kinh Chính Pháp Niệm nói: “Tỳ-ma-chất-

đa-la”, Trung Hoa dịch là Hưởng Cao, cũng gọi là Huyệt Cư, nghĩa là dưới đáy biển cả phát ra tiếng lớn thấu suốt ngoài biển, nên gọi là Huyệt Cư. Lại nói có A-tu-la ở dưới đáy biển một bên núi Tu-di, đối trong Dục giới tùy ý hay hóa thân hoặc lớn, hoặc nhỏ ở tại thành Quang Minh. Chung cả bốn loài, trên quả báo tuy có hơn kém, mà thế lực thọ dụng đều tự tại. Như thế xét về nhân, phần nhiều ở trong Tam bảo ôm ấp tâm nghi ngờ và đố kỵ, thường muốn hơn người khác, tăng trưởng giận tức, nên tuy có phước như trời, mà không bằng trời, tuy có phước như người nhưng thường bị chướng ngại trong việc tiến đạo, tuy ở trong loài quý, súc, mà hay nhẹ nhàng xa đến. Nên biết, người tu hành phải thận trọng trong việc tu nhân, chớ khiến vào đường tẽ vạy.



MỤC VII: KHAI THỊ CHỖ HƯ VỌNG CỦA BẢY LOÀI, ĐỂ KHUYẾN TU THEO CHÍNH PHÁP

ĐOẠN I

KHAI THỊ CHỖ HƯ VỌNG

A-nan, xét rõ bảy loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, thần tiên và trời cho đến A-tu-la như thế, đều là những tướng hữu vi tối tăm giả dối vọng tưởng thọ sinh, giả dối vọng tưởng theo nghiệp; đối với Diệu Viên Minh Bản Lai không năng tác sở tác, đều như hoa đốm giữa hư không vốn không dính dáng; chỉ một cái hư vọng chứ không cội gốc manh mối gì.

Tổng kết bảy loài giả dối, tinh nghiên, là xét kỹ. Nói xét kỹ các tướng hữu vi trong bảy loài, đều do mê lầm, nên chiêu cảm có quả báo thọ sinh, đều tùy theo nhân của nghiệp, hoặc, nghiệp và khổ, cả ba đối với tâm tính Diệu Minh vốn không đến nhau, ví như hoa đốm giữa hư không, lại không có cội gốc mối manh

gì. Xét về nhân để so biết quả không sai lầm một mảy may, ngược vọng về chân thì đều thành mộng huyễn.

ĐOẠN II

KHAI THỊ VỀ NGHIỆP NHÂN

A-nan, những chúng sinh đó không nhận được tâm tính bản lai nên chịu luân hồi, như thế trải qua vô lượng kiếp mà không chứng được chân tính thanh tịnh đó đều do chúng thuận theo những nghiệp sát, đạo, dâm hoặc ngược lại ba cái này thì lại sinh ra không sát, không đạo, không dâm; có thì gọi là loài quỷ, không thì gọi là loài trời, có không thay nhau phát khởi ra tính luân hồi.

Trên nói tất cả các loài, đối với tâm tính diệu minh vốn không có gì. Ở đây nói không biết bản tâm thuận theo đường nghiệp, thì nhân quả rõ ràng. Có tức là sát, đạo, dâm; không, tức là không sát, không đạo, không dâm nên gọi là có không thay nhau khởi ra tính luân hồi. Bản diệu minh tâm vốn tự vắng lặng viên mãn, có không đều dứt, tự ủy thác (giao phó) cho đương nhân.

ĐOẠN III

CHỈ RÕ SỰ TU HÀNH CHÂN CHÍNH

Nếu người khéo tu tập, phát huy pháp Tam-ma-đề, thì bản tính thường diệt thường tịch, cái có, cái không đều không, không không cũng diệt. Còn không có gì là chẳng sát, chẳng đạo, chẳng dâm. Làm sao lại thuận theo việc sát, đạo, dâm.

Lại nói phát minh bản tâm, thì bản tâm tự diệt, “còn không có chẳng sát, chẳng đạo, chẳng dâm, làm sao lại có ngay đó viên thành pháp Tam-ma-bát-đề (chỉ quán)”. Lại còn không phải Nhị thừa thì đâu có thể đồng với phạm phu và ngoại đạo vậy.

ĐOẠN IV

TỔNG KẾT VỀ QUẢ BÁO ĐỒNG PHẦN

A-nan, không đoạn được ba nghiệp thì mỗi mỗi chúng sinh đều có phận riêng, nhân những cái riêng ấy mà quả báo đồng phần chung của cái riêng, chẳng phải là không có chỗ nhất định, đó là do vọng kiến của tự mình phát sinh; hư vọng phát sinh

vốn không có nhân, không thể tìm xét nguồn gốc được.

Đây là đáp lại các cái riêng đồng phận, chẳng phải không có chỗ nhất định, mà lại nói, “hư vọng phát sinh vốn không có nhân, không thể tìm xét nguồn gốc được”, để càng biết tất cả căn thân khí giới do vọng kiến tạo thành, nếu một niệm tỏ sáng thì hiện tiền đâu có hình trạng gì? Tâm xét nguồn gốc thật không thể chỉ bày và chú thích vậy.

ĐOẠN V

KHUYÊN ĐOẠN TRỪ

Ông khuyên người tu hành muốn được đạo Bồ-đề, cần yếu phải đoạn trừ ba thứ mê lầm; ba thứ mê lầm nếu không hết dù có được thần thông đều là những dụng công hữu vi của thế gian. Tập khí mê lầm nếu không dứt trừ phải lạc vào đường ma; tuy muốn trừ vọng lại càng tăng thêm giả dối, Như Lai bảo là rất đáng thương xót. Như thế đều do vọng kiến tự mình tạo ra chứ không phải lỗi của tính Bồ-đề.

Tất cả pháp thế gian đều do tâm tạo, từ tâm sinh ra không chỗ nào chẳng hiện, nên nói:

“Dù được thân thông đều là pháp hữu vi”. Nên biết, tâm vốn không sinh, sinh ắt về diệt, khi tạo ra nghiệp hoặc, chỗ tạo trọn không mất. Tâm không biết nghiệp, nghiệp không biết tâm, nhân quả trước sau, tự thành luân chuyển, chẳng phải chỗ của tâm thọ vậy.

Người nói như thế ấy, tức là lời nói chân chính; nếu nói khác đi tức là lời của ma vương.

Phật lại vì đời mạt pháp càng thêm đing ninh chỉ dạy, để phòng tà thuyết xen lẫn với người chân thật tu hành. Lòng từ bi của Phật rất thấm thiết người tu hành phải tự xét kỹ!



MỤC VIII: PHÂN BIỆT CÁC ẤM MA

ĐOẠN I

NGUYÊN DO KHỞI RA CÁC MA SỰ

CHI 1. KHÔNG HỎI MÀ PHẬT TỰ NÓI

Khi bấy giờ gần chấm dứt thời thuyết pháp, từ nơi tòa sư tử, đức Như Lai vịn ghế thất bảo xoay về tứ kim sơn, trở lại dựa nơi ghế, bảo khắp đại chúng và ông A-nan rằng:

Gần chấm dứt thời thuyết pháp, Phật quyền khai thị về ngũ ấm ma, khiến cho các người chân tu, tùy theo chỗ chứng mà xét nét. Đây là bậc Nhất Thiết Chứng Trí đã biết cùng khắp, dùng lòng từ bi không duyên có để hộ niệm, khuyên gắng sức rửa sạch lòng mình, ân lớn khó đền vậy.

CHI 2. CHỈ MA SỰ KHÓ BIẾT

“Các ông là hàng Thanh văn, Duyên giác hữu học hôm nay hồi tâm hướng về Vô Thượng

Diệu Giác Đại Bồ-đề, và tôi cũng đã chỉ dạy pháp tu chân chính, nhưng ông còn chưa biết những ma sự nhỏ nhiệm trong lúc tu chỉ, tu quán. Nếu cảnh ma hiện ra, ông không biết được, thì sẽ tu tâm không đúng, và lạc vào tà kiến; hoặc là ma ngũ ấm của ông, hoặc bị Thiên ma, hoặc mắc quỷ thân, hoặc gặp loài ly mị, mà trong tâm không rõ, nhận giặc làm con.

Bản giác khéo quán sát không khởi phân biệt, vừa có sở kiến, thì không phải chân chính tu tâm. Nhận giặc làm con, tức là vẫn sau chấp cho là chứng Thánh vậy. “Ấm Ma”, nghĩa là các ấm huân tập vô lượng tập khí phân biệt, đối trong thể tịch chiếu, bỗng nhiên hiện ra trước, nếu không giác ngộ quán sát, ắt sinh dị kiến. “Thiên Ma”, tức là con của Tha Hóa Tự Tại Thiên; tất cả quỷ thân đều là quyến thuộc của y. Song đều do người tu hành dụng tâm không chân chính, nên ma được dịp thuận tiện, vẫn sau sẽ nói rõ.

CHI 3. RĂN NHẮC ĐƯỢC CHÚT ÍT CHO LÀ ĐÃ ĐỦ, KHUYÊN VẮNG NGHE LỜI PHẬT CHỈ DẠY

Lại nữa, trong đó được chút ít cho là đã đủ, như Tỳ-kheo Vô Văn chứng đệ Tứ Thiên, dốt nát nói là chứng Thánh, khi phước báu cõi trời hết, tướng suy hiện ra, liền phi bóng

quả A-la-hán, còn phải thọ sinh đọa vào ngục A-tỳ. Nay các ông hãy nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông phân biệt chín chắn”.

Ông A-nan đứng dậy cùng những hàng hữu học trong hội, vui mừng đánh lễ kính vâng nghe lời từ bi chỉ dạy của Phật.

Đây là răn nhắc được chút ít cho là đã đủ, nêu lên việc của Tỳ-kheo Vô Văn dùng để làm gương soi cho người sau. Đại vọng ngữ tuy trừ người tăng thượng mạn; song vì quá chấp cái thấy của mình mới sinh háo thắng, thành bệnh tự khi dối không tự biết mình đã tạo nghiệp đọa lạc. Phật vì lòng từ bi thương xót phân biệt kỹ càng, chúng ta phải nên ngưỡng mộ mà thể nhận vậy.

CHI 4. KHAI THỊ THỂ GIÁC NGỘ KHÔNG HAI DO VỌNG KHỞI MÀ CÓ THỂ GIỚI

Phật bảo ông A-nan và cả Đại chúng: Các ông nên biết, mười hai loại chúng sinh trong thế giới hữu lậu, tâm thể giác viên bản giác diệu minh, cùng thập phương Phật không hai không khác, do ông vọng tưởng mê chân lý thành ra lỗi lầm, si ái phát sinh, sinh mê cùng khắp nên có hư không; hóa mãi cái mê không thôi nên có thế giới sinh ra; các cõi nước như

số vi trần trong mười phương trừ cõi vô lậu đều do vọng tưởng mê lầm mà kiến lập.

Đây nguyên là chúng sinh cùng với bản giác minh tâm của Phật đồng một tính diệu viên. Bởi do cái vọng minh trái với chân trí này mà chẳng thấy chân lý, nên phát ra tính không, ấy là nói, “Do mê vọng mà có hư không”. Đã có hư không, quốc độ thì trừ cõi vô lậu, nghĩa là lựa riêng cõi thật báo phương tiện của chư Phật, ngoài ra đều do vọng tưởng kiến lập vậy.

CHI 5. KHAI THỊ THẾ GIỚI GỐC LÀ GIẢ DỐI, NẾU PHÁT CHÂN THÌ HƯ KHÔNG MẤT

Biết hư không sinh trong tâm ông, ví như mảnh mây điểm trong bầu trời xanh, hướng nữa các thế giới sinh trong hư không. Một người các ông phát minh chân lý trở về bản tính, thì mười phương hư không đó, thấy đều tiêu mất, làm sao các cõi nước trong hư không kia lại không rung động và tan nát.

Nương nơi văn trên, do vọng tưởng mà kiến lập. Vọng tưởng ở nơi tâm, như bụi trên mặt gương. Nên một người mà phát minh được chân lý thì đại địa đều tan nát. Lẽ thật hẳn là như vậy. Nhân mê mà có hư không, nhân hư

không mà có thể giới. Ngộ thì hư không đều diệt, thế giới đâu còn. Đây là tại nơi đương nhân phải tự biết, cung ma đổ nát, lý ất có sự vậy.

CHI 6. KHAI THỊ TÂM TINH THÔNG ÁM HỢP THIÊN MA KINH SỢ

Các ông tu thiên trau dồi pháp Tam-ma-địa, tâm được thông suốt ám hợp với các vị Bồ-tát và những vị Vô Lậu Đại A-la-hán nơi mười phương, ngay đó vắng lặng, tất cả ma vương và các quỷ thần, trời, phàm phu đều thấy cung điện mình không có gì đổ vỡ, đất liền rung động, những loài thủy lục bay nhảy thảy đều kinh sợ, hàng phàm phu tối tăm thì không biết có sự dời đổi. Còn các loài kia đều được năm thứ thần thông trừ lậu tận thông, đương luyện tiếc cảnh trần lao, làm sao lại để cho ông phá hoại chỗ ở? Vậy nên các loài quỷ thần, thiên ma vọng lượng yêu tnh, trong lúc ông tu pháp Tam-muội đều đến khuấy phá ông.

Người tu hành ở trong Tam-muội, cùng với các vị Bồ-tát A-la-hán thấy thể không hai. Đây là hiển bày chỗ trở về nguồn chân thì ngay đó vắng lặng. Ngộ thành ám hợp, mê hiện trái lìa; tất cả ma dục chur Thiên thấy cung điện mình bị đổ vỡ, cũng do mê vọng tự cảnh có khác; hạng quá tối

tâm thì theo đó mà đời đời, bậc hết mê lầm (lậu tận) thì không luyến tiếc, chỉ loài ma dục này, nhân có năm phép thần thông tự sinh kinh sợ, nên đối với pháp Tam-muội đều cùng nhau đến làm não loạn. Vọng lượng yêu quái là kẻ sai khiến của bọn kia vậy.

CHI 7. TÍNH DIỆU GIÁC KHÓ ĐỘNG, NHÂN HỦY GIỚI NÊN BỊ NGẠI

Song các loài ma kia tuy có giận dữ, nhưng bọn chúng ở trong trần lao, các ông ở trong Diệu Giác thì cũng như gió thổi ánh sáng, như dao chém nước, hẳn không đụng chạm nhau được. Ông như nước sôi, bọn kia như băng cứng, tạm gần hơi nóng thì không bao lâu sẽ tiêu tan, chúng nó luống ý nơi thần lực, nhưng chỉ làm người khách, nếu chúng có thể phá rối được, là do người chủ ngủ ấm trong tâm ông, nếu người chủ mê lầm, thì khách mới được dịp khuấy phá.

Bọn kia ở trong trần lao, còn ông ở trong tính Diệu Giác, đây là ma với Phật hoàn toàn sai khác. Diệu giác như ánh sáng, như nước sôi, như ông chủ; trần lao như gió, như băng, như khách. Giác mê khác xa, dù có dùng thần lực cũng luống lao nhọc. Nếu người tu hành tâm

không thâm phân biệt, tự khởi nghi ngờ thì trọn không có chỗ vào vậy.

Dương lúc tu thiền, giác ngộ không lầm, thì các ma sự kia không làm gì ông được. Khi năm ám đã tiêu trừ vào tính sáng suốt, thì bọn tà ma kia là kẻ tối tăm. Sáng phá được tối, đến gần tự phải tiêu mất, làm sao còn dám ở lại khuấy phá thiền định. Nếu chẳng tỏ ngộ bị ngũ ám làm mê lầm, thì chính ông A-nan ắt phải làm con của ma và thành người ma. Như nàng Ma-dăng-già sức còn hèn kém chỉ dùng chú thuật bắt ông phá luật nghi của Phật, trong tâm muôn hạnh chỉ hủy phạm một giới; nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên vẫn chưa bị trầm luân. Bọn ma này thì phá hoại toàn thân bảo giác của ông. Như quan tể thần bỗng nhiên bị tước hết, tịch hết linh đình quanh lộn không thể thương cứu.

Đây là chỉ cho người tu Thiên định, thường giác ngộ và xét nét. Nếu mê lầm thì không giác ngộ, còn giác ngộ thì không có mê lầm. “Ám”, là thói quen hay phân biệt của ám, thói quen này một khi đã tiêu thì ngay đó sáng tỏ. Lấy sáng để phá tối, như thuận gió tung bụi, đâu có gì khó khăn hiểm trở! Nếu còn có chút ít nghi ngờ tức bị tối tăm vậy. Phạm chú so sánh

với ma còn kém, mà có thể dùng thần chú bắt các ông là nguyên chủ lực của ma, chỉ có thể làm cho ông hủy phạm một giới cấm, nhưng vì ông đã chứng được sơ quả, thấy được lý Tứ đế; do thấy mà ngăn được sự suy tư. Nên nói là tâm thanh tịnh, vẫn chưa bị chìm đắm. Đây chính là nương sự hủy phạm giới cấm ở trên, cho đến phá hoại toàn thân bảo giác của ông, nếu tâm ông chẳng thanh tịnh thì như tể thân bị tước hết, tịch hết linh đình, quanh lộn không thể thương cứu. Tể thân nếu bị phạm pháp nặng trong nước thì bị tước hết, tịch hết, đồng như người thường, nên gọi là linh đình quanh lộn vậy.

ĐOẠN II

KHAI THỊ CÁC ẤM MA

CHI 1. SẮC ẤM

TIẾT A. PHẠM VI SẮC ẤM

A-nan nên biết, ông ngồi đạo tràng tiêu hết các niệm, niệm đó nếu hết, thì tâm ly niệm được sáng tỏ tất cả, động tịnh không dờ, nhớ quên như một. Đương khi an trụ chỗ đó mà vào Tam-ma-địa, như người sáng mắt ở chỗ rất tối tăm, tính biết được diệu tịnh,

nhưng tâm chưa phát trí sáng suốt, như thế thì gọi là phạm vi của sắc ám.

Tiêu hết các niệm, không phải tất cả niệm không sinh, chính ngay nơi niệm mà là niệm, cũng không có niệm để là, nên nói “thì tâm là niệm được sáng tỏ tất cả”. Kinh Viên Giác nói: “Ở trong tất cả thời, không khởi vọng niệm, đối với các vọng tâm cũng không dứt diệt, trụ nơi cảnh vọng tưởng mà không thêm liễu tri, đối với chỗ không liễu tri, cũng không phân biệt chân thật”; tức là chỗ này vậy. Nói động tịnh không đời, nhớ quên như một mới là tương ứng, song đã khởi cái hiểu này thì chẳng phải là Tam-ma-địa. Như người mắt sáng dụ cho người tu pháp Tam-ma-địa đã được tính sáng suốt thanh tịnh, mà gọi là ở chỗ rất tối tăm, là dụ cho chưa phá sắc ám, nghĩa là tâm chưa phát ra sáng suốt, chứ chẳng phải thật như ở trong chỗ tối tăm. Song người tu hành đến chỗ này tính biết được diệu tịnh, nhưng không tự biết, vì tâm chưa phát sáng vậy.

TIẾT B. TƯỚNG SẮC ÁM HẾT

Nếu con mắt sáng tỏ, mười phương rộng mở không còn tối tăm nữa, gọi là hết sắc ám. Người ấy có thể vượt ra khỏi kiếp

trước, xét lại nguyên do, thì cội gốc là vọng tưởng kiên cố.

Trước đã dụ cho con mắt sáng, nay do sức định cùng tột mà phát sáng. Cái dụ con mắt sáng tỏ mười phương mở rộng, không còn tối tăm nữa. Đây là cảnh giới khi phá sắc ấm vậy. “Kiếp trước” là thể ban đầu của bốn đại; chính khi không đại và kiến đại chưa phân, nếu phá sắc ấm bèn có thể vượt khỏi. Xét lại nguyên do kia là quán nguyên do của sắc ấm, do cái giác mình chấp cứng vọng tưởng mà thành ngăn ngại, thì biết người dụng tâm vào chính định vẫn có phương tiện vậy.

TIẾT C. NHỮNG CẢNH THUỘC SẮC ẤM CÓ SAI KHÁC

CI. THÂN HAY LÀM NGĂN NGẠI

A-nan, chính ở trong đây, chính xét tính diệu minh, tứ đại không kết hợp, thì trong một thời gian ngăn thân có thể ra khỏi các ngăn ngại, ấy gọi là tinh minh trào ra tiền cảnh; đó chỉ là do dụng công tạm được như thế, không phải là chứng bậc Thánh; không khởi tâm chứng Thánh gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng bậc Thánh, thì liền mắc các tà kiến.

Chính xét tính diệu minh, cũng tức là tùy thuận tính diệu minh, không mất thời tiết ấy. Tâm không có bốn đại thì tự nhiên chẳng kết hợp, không thể riêng có chính xét. Bốn đại bên trong, bên ngoài bị tâm làm ngăn ngại, chẳng phải bốn đại có ngăn ngại, tinh minh trào ra liền đó được dung thông. Ra và không ra đều không phải có hai cảnh. Do đây tự biết, mới không khởi cái nghi chứng Thánh vậy.

C2. LỢM GIUN SÁN TRONG THÂN THỂ

A-nan, lại đem tâm ấy chính xét tính diệu minh, trong thân trở nên rộng suốt, người đó bỗng nhiên từ trong thân lợm ra những con giun con sán mà thân vẫn y nguyên không bị tổn thương, ấy gọi là tinh minh trào vào hình thể. Đây chỉ do tu hành tinh tiến tạm thấy được như vậy, không phải là chứng bậc Thánh. Nếu không khởi tâm chứng Thánh gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng bậc Thánh, liền mắc các tà kiến.

Tính diệu minh tự nhiên rộng suốt, không phải ở trong thân, ngoài thân. Thấy lợm giun sán trong thân ra, như lấy ở trước mắt mà thân thể vẫn y nguyên, đâu phải tự

ngày nay. Nếu có thể hiểu như thế, thì từ đâu mà nghĩ là chứng Thánh?

C3. NGHE NGHĨA BÍ MẬT TỪ HƯ KHÔNG

Lại do tâm chính xét trong ngoài, khi ấy ý thức tư tưởng ngoài bản thân ra xen vào các nơi khác đắp đổi làm khách, làm chủ. Bỗng đứng ở giữa hư không nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương đồng diễn bày nghĩa thâm mật. Đây gọi là tinh thần đắp đổi khi ly khi hợp thành tựu thiện chủng thì tạm được như thế, không phải là chứng bậc Thánh; không khởi tâm chứng Thánh là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng bậc Thánh liền mắc vào tà kiến.

Ý thức tư tưởng mỗi thứ đều có chỗ riêng, cũng như sáu căn mỗi căn đều có mỗi thức. Nay trừ cái chấp thọ thân thể, đều xen vào nơi khác đắp đổi lẫn nhau làm chủ làm khách. Đây là do tính Diệu minh dung thông và rộng suốt, cũng như sáu căn lẫn nhau làm dụng lẫn nhau, làm khách, làm chủ vậy. “Nghe pháp diễn bày nghĩa thâm mật”. Đây tức là việc chứng nghiệm, nghĩa là ý thức tư tưởng hợp ly, lại không phải việc khác vậy.

C4. PHẬT HIỆN HOA SEN MỘC LÊN

Lại dùng tâm ấy đứng lặng hiện ra sáng suốt. Tâm quang phát minh khắp cả mười phương thành sắc Diêm Phù Đà, tất cả các loài hóa làm Như Lai; khi ấy bỗng thấy Phật Tỳ-lô-giá-na, ngồi trên đài thiên quang, ngàn đức Phật vây quanh, trăm ức cõi nước cùng với hoa sen đồng thời hiện ra. Đây là ý thức tiêm nhiễm sự linh ngộ khi tâm quang phát minh, soi các thế giới thì tạm thời được như thế, không phải là chứng bậc Thánh; chẳng khởi tâm cho là chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là chứng bậc Thánh thì mắc vào tà kiến.

Chân tính được phát minh thì hiểu biết thấu suốt trong ngoài khắp cả mười phương, đều là Đại thân Phật Tỳ-lô-giá-na đầy khắp, sắc tâm không hai; thể dụng đồng thời. Xét chỗ thấy hôm nay đều không phải thần Thánh khác lạ, mà là do tâm thức linh ngộ vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân Phật đầy khắp cả pháp giới, khắp hiện trước tất cả quần sinh, tùy duyên cảm ứng đều khắp đủ, mà hành giả thường ở nơi tòa Bồ-đề”. Tính diệu minh được ngưng kết, thì tùy theo chỗ mà hiện bày, thực không phải việc khác. Cổ đức nói: “Tất cả tiếng đều là tiếng

của Phật, tất cả sắc đều là sắc của Phật”. Biết sâu như thế, chớ nên khởi quán khác vậy.

C5. SẮC BÁU ĐẦY HƯ KHÔNG

Lại dùng tâm ấy, chính xét tính diệu minh, quán sát không dừng, đè nén uốn dẹp, dứt trừ thái quá; bấy giờ bỗng nhiên mười phương hư không thành sắc thất bảo, hoặc sắc bách bảo, đồng thời đầy khắp không ngăn ngại lẫn nhau; các sắc, xanh, vàng, đỏ, trắng, mỗi thứ thuần hiện ra. Đây gọi là công sức đè nén quá phần nên tạm được như thế, chẳng phải là chứng bậc Thánh; chẳng khởi tâm chứng Thánh, thì gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ chứng bậc Thánh, liền mắc vào tà kiến.

Đây cũng là một thứ sắc được lộ hiện. Bởi do người tu hành chưa giải thoát được tri kiến, sức bật dứt thù thắng, nên tâm cảnh sinh khác. Nếu hay giác ngộ liền tự bình phục vậy.

C6. BAN ĐÊM ĐỒNG NHƯ BAN NGÀY

Lại dùng tâm ấy lặng suốt, chính xét trong sáng không tán loạn, bỗng ở giữa đêm thấy các thứ vật trong nhà tối, không khác gì ban ngày, mà những đồ vật trong thất tối đó cũng không diệt mất. Ấy gọi là tâm thâm kín

lặng đứng cái thấy nhìn suốt chỗ tối tăm, tạm được như thế, không phải chứng bậc Thánh; không khởi tâm chứng Thánh, gọi là cảnh giới lành, nếu nghĩ chứng bậc Thánh, thì mắc tà kiến.

Tính diệu minh đứng lặng, lặng cùng tột, khi phát ra sáng suốt, tất cả chỗ tối tăm che khuất không che tối được, mà những đồ vật ở trong thất tối cũng không trừ diệt là trước mắt không pháp, cảnh giới nghiêm nhiên, tâm quang thấu triệt, đâu cho có ngày đêm, trong Tam-ma-địa vốn tự như vậy.

C7. CHÍNH XÉT THÂN THỂ KHÔNG CÓ CẢM GIÁC

Lại dùng tâm ấy khắp vào tính hư dung, toàn thân bỗng nhiên đồng như cỏ cây, lửa đốt, dao cắt cũng không hay biết, khi thì lửa không thể đốt cháy, dù cắt thịt cũng như chẻ cây. Đây gọi là năm trần đều tiêu, khi bài trừ tính tứ đại, một mặt vào chỗ thuần nhất, tạm được như vậy, không phải chứng bậc Thánh; nếu không khởi tâm chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng bậc Thánh, thì mắc vào tà kiến.

Tính Diệu trạm trãi với thân, thân thì không có tri giác. Xưa thì lấy tứ đại làm thân,

*xoay vần khiến cho hiểu biết, nay thì năm trăm
đều tiêu, bốn đại không kết hợp, công dụng vào
chỗ thuần nhất, pháp như vậy đâu có khác.*

C8. KHẮP NƠI ĐỀU THÀNH CÔI PHẬT

Lại dùng tâm ấy, thành tựu tính thanh tịnh, công dụng tịnh tâm đã cùng tột, bỗng thấy đất liền, núi sông, trong mười phương đều thành côi Phật, đầy đủ bảy báu sáng suốt đầy khắp; lại thấy hàng sa chú Phật Như Lai đầy khắp côi hư không, lâu dài hoa lệ. Dưới thấy địa ngục, trên xem Thiên cung được không ngăn ngại. Đây gọi là tư tưởng ưa chán ngưng lắng ngày một sâu, tưởng lâu mà thành như thế, không phải là chứng bậc Thánh; không khởi tâm chứng Thánh gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng bậc Thánh, tức là mắc các tà kiến.

Tư tưởng ưa chán ngưng lắng sâu, tưởng càng lâu mà hóa thành như thế. Trạng thái này ở trong Tam-ma-địa không nên có, song tự phát minh biết thấu như thế, tức tâm biết này liền thành cảnh giới. Như chúng sinh tạo nghiệp cũng lại tự biết, tức tâm biết này hiện ra tướng tam đồ, ban đầu do tự tạo riêng, rồi cuộc đều vào chỗ đồng phận; các pháp cũng như thế.

C9. BAN ĐÊM XEM THẤY PHƯƠNG XA

Lại dùng tâm ấy nghiên cứu sâu xa, bỗng ở giữa đêm thấy rõ chợ búa, làng mạc, bà con quyến thuộc phương xa, hoặc nghe lời họ nói. Đây gọi là do dần ép tâm cùng tột mà nó phóng hiện ra, nên thấy được cách xa như thế, không phải là chứng bậc Thánh; nếu không khởi tâm chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu nghĩ là chứng bậc Thánh, tức là mắc các tà kiến.

Cảnh giới xa gần, người vật xưa nay, đối với trong tự tâm nguyên không ngại nhau, vừa khởi niệm liền bị sắc ấm làm ngại mới có mười phương ba đời, người tu hành phát minh dùng lý để chứng biết, nay từ công dụng đè nén mà hiện ra việc như vậy, không đáng lấy làm lạ.

C10. HÌNH THỂ THAY ĐỔI, THÔNG ĐẠT DIỆU NGHĨA

Lại dùng tâm ấy nghiên cứu cùng tột, thấy hình thể vị thiện tri thức biến đổi không duyên cố gì, trong giây lát thay đổi nhiều thứ. Đây gọi là tâm tà, bị loài ly mị và thiên ma nhập vào tâm thức, tự nhiên lại biết thuyết pháp thông suốt các diệu nghĩa, chẳng phải là chứng bậc Thánh; nếu không khởi tâm chứng

Thánh thì ma sự tiêu diệt, nếu nghi là chứng bậc Thánh, tức là mắc các tà kiến.

Tâm ban đầu phát sáng, tuân tự vào Tam-ma-địa. Do thời gian tiệm chứng, ban đầu thấy hình thể thiện tri thức biến đổi, kể lại thông suốt được các diệu nghĩa, đều do công quán quá sâu, có một ít động niệm, tức là bị khuấy nhiễu. Chín cảnh giới trước, còn là cảnh giới của Thiên định, đến đây mới khắc định đi đến chỗ chứng ngộ, chỉ tự biết là không phải, thì cũng không lỗi vậy.

TIẾT D. KẾT LUẬN KHIẾN TRUYỀN BÁ VÀ CHỈ DẠY

A-nan, mười thứ cảnh hiện ra trong thiên định như thế, đều do sắc ấm và tâm công dụng giao xen, nên hiện ra những việc ấy. Chúng sinh mê muội không tự xét lường, gặp nhân duyên này, mê không tự biết cho là chứng bậc Thánh, thành tội đại vọng ngữ, phải đọa vào địa ngục Vô gián. Sau khi Như Lai diệt độ ở trong đời mạt pháp, các ông nương theo lời dạy mà tuyên nói nghĩa này, không để cho Thiên ma được dịp khuấy phá; gìn giữ che chở cho chúng sinh thành đạo Vô Thượng.

Tâm thiên định đứng lặng, các ấm giả dối

làm ngăn ngại do tin tức lẫn nhau có khác, nên phần nhiều có cảnh giới hiện ra như vậy. Người tu hành sáng suốt, thấy rõ tâm giác ngộ, tùy thuận tâm giác ngộ đối tất cả cảnh giới không có chỗ mong cầu, như trong sữa có chất men, công dụng thuần thực tự chứng biết. Đây chính là tính phàm tình hết mới được như vậy. Đức Như Lai ba phen đảnh ninh che chở bảo hộ rất thiết tha. Nếu đại vọng ngữ, lại tâm Thiên thô động thì mê muội càng lắm vậy.

CHI 2. THỌ ẤM

TIẾT A. PHẠM VI THỌ ẤM

A-nan, thiện nam tử kia tu pháp Tam-ma-đê, ở trong Xa-ma-tha (chỉ) khi sắc ấm diệt hết, thấy tâm chư Phật như bóng hiện ra trong gương sáng hình như có chỗ được mà chưa có thể dùng, cũng như người bị bóng một đè, tay chân y nguyên, thấy nghe không lầm, nhưng tâm bị khách tà mà không cử động được; ấy gọi là phạm vi của thọ ấm.

Trước hết, nếu mắt sáng suốt xem mười phương rỗng rang không còn chỗ tối tăm, gọi là hết sắc ấm. Ở đây nói “hết sắc ấm” là thấy được tâm của chư Phật, như trong gương sáng hiện

rõ các hình tượng. Khi chưa chứng thì chỉ nói là cảnh giới, ở đây đã thân chứng nên chỉ luận tâm ấy. Tâm ban đầu phát minh tức Phật tức tâm, lần lần chứng rõ hiện lộ, tức tâm tức Phật thể vốn là đồng, bởi lẫn xen nhau thành khác. “Hình như có được mà chưa có thể dùng”, bởi tính thể đầy đủ mà diệu dụng không ngang đồng. “Người bị bóng mộc đè, tay chân vẫn y nguyên, thấy nghe không sai”, cũng như chính mình thấy tâm Phật, tự hình tượng ở trong gương tâm vậy. “Bị khách tà mà không cử động được” là dụ cho có mà không thể dùng; ấy là phạm vi của thọ ám.

TIẾT B. TƯỚNG THỌ ÁM DIỆT

Nếu bóng mộc đè hết, thì tâm rời khỏi thân, trở lại xem được cái mặt, đi ở tự do, không bị ngăn ngại, gọi là hết thọ ám. Người ấy mới có thể vượt khỏi kiến trước, xét lại nguyên do thì cội gốc là vọng tưởng hư minh.

Vọng thấy thân ta chấp là thật có, do đây mà thành thọ ám. Nếu đã phá thọ ám, tự nhiên rời thân đi ở không ngại vậy. Thân ông hiện lấy tứ đại làm thể; nước, lửa, gió, đất xoay vần khiến cho có hiểu biết. Cái tâm hiểu biết này gọi là hư minh; do chấp chặt cái hư minh ấy là cội gốc vậy.

TIẾT C. CẢNH GIỚI THỌ ẨM SAI KHÁC

CI. THẤY LOÀI VẬT SINH THƯƠNG XÓT

A-nan, thiện nam tử kia chính khi ở trong đó, tâm rất sáng suốt, do bên trong đè nén quá phần, bỗng nhiên phát sinh thương xót vô hạn; như thế cho đến xem thấy muỗi mòng như là con đỏ, tâm sinh thương xót, bất giác rơi lệ. Đây gọi là dụng công đè nén thái quá; nhận biết như thế thì không có lỗi, không phải chứng bậc Thánh, hiểu biết không còn lầm lẫn nữa, lâu rồi tự tiêu hết. Nếu nghĩ là chứng ngộ, thì bị giống ma sâu bi nhập vào tim gan, thấy người thì thương xót kêu khóc không thôi, mất hết chính định sẽ bị trầm luân.

Sắc ấm đã tiêu, thì thọ ấm hiện tiền. “Đè nén”, tức là kèm chế nơi đây. “Bên trong đè nén quá phần”, tức là ở trong ấy thấy các chúng sinh vốn đồng một thể, chỉ vì bất giác mà luống chịu chìm đắm, nên khởi lòng buồn thương. Kinh Tịnh Danh ngài La Thập chú thích rằng: “Nếu chưa có thể thâm nhập vào tướng thiền định, thì khi thấy chúng sinh, tâm sinh ái trước, nhân đây mà sinh tâm bi, gọi là ái kiến đại bi”. Người có tâm ái kiến đại bi thì đối với sinh tử có tâm nhọc nhằn, nhằm chán. Nếu hay

xa lìa được tâm ấy, thì dù sinh nơi nào vẫn không bị “ái kiến” che đậy vậy.

C2. CHÍ DŨNG MÃNH ĐỒNG VỚI PHẬT

A-nan, lại các thiện nam tử kia, khi ở trong định, thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm tỏ rõ, cảnh tốt hiện ra trước, cảm kích quá phần, bỗng nhiên ở trong ấy tâm sinh dũng mãnh vô hạn. Tâm mạnh mẽ chí bằng với chư Phật, bảo là ba a-tăng-kỳ kiếp, một niệm có thể vượt khỏi. Đây gọi là dụng công lấn lướt thái quá. Nhận biết thì không có lỗi, không phải chứng bậc Thánh, biết rõ không lầm, lâu sẽ tự tiêu hết. Nếu nghĩ là chứng ngộ thì bị giống ma ngông cuồng nhập vào tim gan, thấy người thì khoe khoang, tâm ngã mạn vô kể, cho đến trên không thấy có Phật, dưới không thấy có người, mất hết chính thọ sẽ bị chìm đắm.

Thọ ấm tỏ rõ là biết sâu lỗi lầm của thọ ấm. Nương nơi cảnh tốt của định lực, và cảm kích quá mạnh mẽ, không tự xét lường, liền bảo là vượt khỏi a-tăng-kỳ, sinh tâm đại ngã mạn, làm chướng ngại chính thọ. Nên biết người tu hành tinh tấn, chỉ tùy theo Tam-muội, tự làm tiêu tức (tăm hơi), chỉ có nhất tâm lại không có niệm khác, mà có chỗ mong cầu ấy gọi

là chân thật Tam-ma-địa; từ đầu đến cuối, sẽ không có đường tẽ vạy.

C3. TÂM SINH CHÌM TRONG CÁI NHỚ

Lại các thiện nam tử ở trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tỏ rõ, trước không có chỗ chứng mới, lui về thì mất chỗ cũ, trí lực suy kém, vào trong chỗ tiêu hủy, bật không thấy gì; trong tâm bỗng nhiên sinh rất khô khao, đối với trong tất cả thời thẩm nhớ không thôi, rồi cho như thế là tướng tinh tấn. Đây gọi là tu hành mà không có trí tuệ, nên tự sinh lầm lạc. Nhận biết thì không lỗi, không phải là chứng bậc Thánh, nếu nghĩ là chứng ngộ, thì bị giống ma nhớ nhập vào tim gan, ngày đêm như nắm cái tâm treo vào một chỗ, mất hết chính thọ, sẽ bị chìm đắm.

Ngài Trường Thủy nói: “Thọ ám chưa không, trước không có chỗ chứng mới; sắc ám đã hết, lui về thì mất chỗ cũ. Trước và sau mất chuẩn đích, rơi vào hai bên, không chỗ nương gá gọi là vào trong chỗ tiêu hủy. Đã ở chỗ này, tâm không có chỗ nương gá, bèn sinh thẩm nhớ, lầy dầy gọi là tu hành, nhận làm tinh tấn”. Xét về thọ ám nếu chưa không, trước không có chỗ chứng mới là phải. Thọ ám đã hết, ấy là chỗ

chứng trước, mà gọi là mất chỗ cũ có thể được ư? Tôi (Hàm Thi) cho rằng, người tu Tam-ma-địa, chỉ phải tùy thuận theo bản giác, sâu vào Tam-muội, không có tâm thủ chứng, không hay, không biết, tự nhiên trôi vào biển Tát-bà-nhã (Pháp thân). Nếu tâm chấp trước chứng ngộ mạnh, thì nội lực ắt suy yếu; ấy gọi là lui về thì mất chỗ cũ, cũng gọi là người vào trong chỗ tiêu hủy mà sinh tâm tinh tấn, chỉ thành thâm nhớ; nghĩa là không phải tùy thuận bản giác vậy.

C4. ĐƯỢC ÍT CHO LÀ ĐỦ

Lại các thiện nam tử ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm tỏ rõ, sức tuệ nhiều hơn định, bị cái lỗi quá mạnh mẽ sắc bén; đem cái thắng tính ôm nhớ trong tâm, tự nghĩ mình là Lô-xá-na, được chút ít cho là đã đủ. Đấy gọi là dụng tâm quên mất suy xét thường xuyên nên chìm nơi tri kiến. Nhận biết thì không lỗi, chẳng phải là chứng bậc Thánh. Nếu nghĩ là chứng ngộ, thì có giống ma hạ liệt dễ thấy là đủ vào trong tim gan, thấy người thì tự xưng đã được Vô Thượng Đệ Nhất Nghĩa Đế, mất hết chính thọ sẽ bị chìm đắm.

Sức tuệ quá hơn định, liền bị cái lỗi quá mạnh nên gọi là cái lỗi quá mạnh mẽ sắc bén.

Tự hay giữ cái thẳng tính ấy cho là tốt ráo, nên tuy là có trí tuệ mà chỉ thành tri kiến. Kinh Niết-bàn nói: “Hàng Nhị thừa định nhiều tuệ ít, nên không thấy Phật tính, hàng Thập trụ Bồ-tát tuệ nhiều định ít, nên thấy chút ít Phật tính”. Đây chính là ở trong cái thấy chút ít, được một ít mà cho là đã đủ vậy.

C5. TÂM SINH GIAN NAN HIỂM TRỞ

Lại các thiện nam tử trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ấm tỏ rõ, chỗ chứng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất, xem qua hai mé tự cho là nguy hiểm, tâm bỗng nhiên sinh ra buồn vô tận, như ngồi trên giường sắt, như uống thuốc độc, tâm không muốn sống, thường cầu người khác hại thân mình để sớm được giải thoát. Đây gọi là tu hành sai mất phương tiện; ngộ thì không có lỗi, không phải là chứng bậc Thánh. Nếu nghĩ là chứng Thánh, thì có một phần giống ma thường lo rầu vào trong tim gan, tay cầm dao gươm tự cắt thịt mình, thích được bỏ mạng, hoặc thường lo rầu, chạy vào trong núi rừng, không thích thấy người, sai mất chính thọ, sẽ bị chìm đắm. Chỗ chứng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất, nên đối trong hai mé tự cho là nguy hiểm.

Đây tức là tu hành sai mất phương tiện. Hành giả tu pháp Tam-ma-địa, chính khi phát minh tự tâm, phải dùng sức Đại Tổng trì để thành tựu tính kiên nhẫn, pháp chứng và người chứng đều không có chỗ thọ, thì tự nhiên lo và mừng cả hai đều mất, nhớ và quên đều như một. Nếu thấy có hai bên bên mất chính thọ; tự chỗ mới ngộ chưa viên mãn, hoặc giữa đường bị thối lùi, lại sinh ra niệm khác, chỉ phải nên tỉnh xét vậy.

C6. TÂM VUI KHÔNG THỂ DỪNG

Lại các thiện nam tử ở trong định kia, thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm tỏ rõ, ở trong chỗ vắng vẻ tâm được an ổn, bỗng nhiên sinh ra vui mừng vô hạn. Trong tâm mừng rỡ không thể tự dừng. Đây gọi là tâm khinh an, nhưng không có trí tuệ tự kềm chế; ngộ thì không lỗi, không phải chứng bậc Thánh. Nếu nghĩ là chứng bậc Thánh thì có một phần giống ma thích vui mừng vào trong tim gan, thấy người thì cười, ở bên đường cái tự ca, tự múa, tự xưng là đã được vô ngại giải thoát sai mất chính thọ, sẽ bị chìm đắm.

Thiền định được thâm sâu, ngộ hầu đối với giải thoát được an ổn khinh an, thân tâm

lợi ích vui mừng, pháp ấy là như vậy. Vì không có trí tuệ tự kèm chế, bất giác dong ruổi, nên ma có dịp để khuấy phá.

C7. KHỞI ĐẠI NGÃ MẠN

Lại thiện nam tử trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tỏ rõ, tự cho là đã đủ; không duyên cơ bỗng khởi đại ngã mạn. Như thế cho đến lòng mạn và mạn quá mạn, hoặc lòng tăng thượng mạn, ty liệt mạn một lúc đều phát ra; trong tâm khinh mười phương Như Lai, huống là những quả vị dưới như Thanh văn, Duyên giác. Đấy gọi là thắng giải quá cao, không có trí tuệ tự cứu; ngộ thì không lỗi, không phải chứng bậc Thánh. Nếu nhận là chứng bậc Thánh, thì có một phần giống ma đại ngã mạn vào trong tim gan, không lễ chùa tháp, phá hủy kinh tượng, bảo đàn việť rằng: Đó là vàng đồng, hoặc là cây đất, kinh là lá cây, hoặc là giấy lụa; thân xác thật là chân thường mà không tự cung kính, trở lại sùng bái cây đất, thật là điên đảo. Những người quá tin theo lời dạy phá phách hoặc chôn bỏ trong đất, do gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sinh, phải đọa vào địa ngục Vô gián, sai mất chính thọ, sẽ bị chìm đắm.

Đây gọi là thắng giải quá cao, mà không có trí tuệ tự cứu. Nghĩa là ở trong Thiên định bỗng được thắng giải. Thắng giải này ở trong Phật pháp gọi là quá lượng. Nếu không có trí tuệ chân thật, không đạt được ý chỉ ắt sinh ra cuồng vọng. Hạng cuồng thiên thời gần đây phần nhiều kẹt trong bệnh này, tự mê lầm và làm mê lầm cho người khác, nên phải cẩn thận giản trách vậy. Ngài Tư Trung nói: “Ở đây có bảy thứ ngã mạn: 1/- Ý tài mình lấn lướt người, tính tình cao cử gọi là “ngã mạn”. 2/- Mình và người tương đương, so sánh đức hạnh đồng nhau, thì chỉ gọi là “mạn”. 3/- Đối với người khác, mình chỉ bằng họ, mà cho là mình hơn họ gọi là “quá mạn”. 4/- Người khác hơn mình, mà cho là mình hơn người, gọi là “mạn quá mạn”. 5/- Chưa được nói là được, gọi là “tăng thượng mạn”. 6/- Tuy biết là thấp kém mà cố tự kiêu căng, gọi là “ty liệt mạn”. 7/- Nếu phá hủy kinh tượng là “tà mạn”. Tôi bảo cũng tức là đại ngã mạn vậy.

C8. TÂM SINH KHINH AN

Lại các thiện nam tử trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ấm tỏ rõ, chỗ tinh minh viên ngộ tinh lý, được pháp đại tùy thuận, tâm bỗng

sinh khinh an không lường, bảo mình đã thành bậc Thánh được đại tự tại. Đây gọi là nhân trí tuệ mà được các sự trong sáng nhẹ nhàng; ngộ thì không lỗi, không phải là chứng bậc Thánh. Nếu nhận là chứng bậc Thánh, thì có một phần giống ma thích trong sáng nhẹ nhàng vào trong tim gan, tự bảo là đầy đủ, lại không cầu tiến lên nữa, những người này phần nhiều là như Tỳ-kheo Vô Văn, gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sinh, đọa vào địa ngục A-tỳ, sai mất chính thọ, sẽ bị chìm đắm.

Viên ngộ tinh lý được pháp đại tùy thuận, mà phát sinh ra khinh an, cũng là cảnh trong Tam-ma-địa mà có ứng hiện ra; lại nói đây là nhân trí tuệ mà được các trong sáng nhẹ nhàng, chính cũng y nơi thắng giải mà tự biết như vậy, chứ không phải chân thật khinh an. Lại, kia đã bảo là chứng Thánh, tự cho là đã đầy đủ, đây chính là tự mình lầm lẫn và làm lầm lẫn cho người khác, nên cùng với Tỳ-kheo Vô Văn không hai vậy.

C9. TÂM HƯỚNG VỀ ĐOẠN DIỆT

Lại các thiện nam tử trong định kia, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tỏ rõ, trong chỗ tỏ ngộ được tính hư minh, lúc ấy bỗng xoay lại hướng

về tính đoạn diệt, bác không nhân quả, một mực hướng về rỗng không, tâm rỗng không hiện tiền, cho đến phát sinh nhận định là đoạn diệt mãi mãi; ngộ thì không có lỗi, không phải chứng bậc Thánh. Nếu nhận là chứng Thánh, thì có giống ma rỗng không vào trong tim gan, bèn chê bai người giữ giới là Tiểu thừa, Bồ-tát ngộ tính không thì có gì là trì và phạm. Người ấy ở nhà thiện tín đàn việt uống rượu, ăn thịt, làm nhiều điều dâm uế; nhân có sức ma nhiếp phục người ta không sinh lòng nghi báng, tâm ma thâm nhập lâu ngày, hoặc ăn đại tiện, tiểu tiện và ăn thịt uống rượu v.v... vì cho tất cả đều không, phá hoại luật nghi của Phật, làm cho người khác lầm lạc mắc tội, sai mất chính thọ, sẽ bị chìm đắm.

Đây là ở trong chỗ tỏ ngộ được tính hư minh. Ấy là ở trong Thiên định, thấy tâm trong ngoài đều hư minh không ngăn ngại, cho đó là tất cả pháp rỗng không, nên sinh tà kiến; chẳng biết các pháp vốn không, do người tự chấp có. Tâm ở trong cái có thì theo đó mà có đắm trước. Đã có nhân triền phược, thì không thể tránh khỏi quả triền phược! Đến như chê bai giới luật, vu báng Thánh hiền, làm nghi lầm cho người sau, nên bị chìm đắm mãi mãi. Gần đây cái

thấy bị bệnh của người tu Thiên cũng đều như vậy, thật đáng thương xót!

C10. KHỎI RA YÊU THÍCH THAM CUÔNG

Lại các thiện nam tử trong định kia, thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm tỏ rõ, nghiền ngẫm cái hư minh, ghi sâu vào tim cốt, trong tâm bỗng sinh yêu thích vô hạn; yêu thích quá độ mà phát điên, bèn làm việc tham dục. Đây gọi là cảnh trong định an thuận vào tâm, không có trí tuệ tự giữ mình, mê lầm vào trong ngũ dục; ngộ thì không có lỗi, không phải chứng bậc Thánh. Nếu nhận là chứng bậc Thánh, thì có giống ma tham dục vào trong tim gan, một bề nói tham dục là đạo Bồ-đề, dạy hàng cư sĩ bình đẳng hành dâm dục, những người hành dâm gọi là giữ gìn pháp tử. Do sức của tà ma nhiếp phục kẻ phạm phu trong đời mạt pháp, số đến cả trăm. Như thế cho đến một trăm, hai trăm, hoặc năm trăm, sáu trăm, nhiều đến ngàn vạn. Khi ma sinh chán, rời bỏ thân thể người kia, oai đức đã hết, liền sa vào lưới pháp luật. Do gây nghi lầm cho chúng sinh, nên vào ngục Vô gián, sai mất chính thọ, sẽ bị chìm đắm.

Đây gọi là cảnh giới rộng không an thuận vào tâm, không có trí tuệ tự giữ mình, lầm vào

trong ngũ dục. Ngẫm nghĩ kỹ lời này thật là thâm thiết mà răn chữa. Xét ra định là dùng để ước định cho tuệ, tuệ đó không phải là cuồng tuệ; tuệ dùng để giữ gìn định, định đó mới không say mê (si định). Ở trong đây chính là có định mà không tuệ, thích thú các thứ an thuận, hay phát sinh tâm yêu thích, mê lầm thành cảnh dục. Đây là do tư hoặc ẩn núp trong tàng thức, nên dễ bị lưu nhiễm. Một phen đến trạng thái này, thiên giả phải rất tỉnh sát, nó đâu những tự lầm cho mình mà còn gây mê lầm cho người khác, phá hoại Phật pháp, chìm đắm khi nào cùng! Ngộ thì không có lỗi, pháp vốn không cố định, sẽ không cam bỏ qua vậy.

TIẾT D. KẾT LUẬN VÀ BẢO TRUYỀN DẠY

A-nan, mười thứ cảnh hiện ra trong thiên định như thế, đều do thọ ấm và tâm công dụng giao xen, nên hiện ra như vậy. Chúng sinh ngu mê, không biết lượng xét, gặp nhân duyên đó, mê không tự biết, bảo là chứng bậc Thánh, thành tội đại vọng ngữ, phải sa vào địa ngục Vô gián. Sau khi tội diệt độ, các ông nên đem lời nói này truyền dạy trong đời mạt pháp, khiến cho chúng sinh đều tỏ ngộ nghĩa này, không để

cho thiên ma có dịp tiện khuấy phá; giữ gìn che chở cho chúng sinh, khiến thành tựu đạo Vô Thượng.

Kết luận đồng như sắc ấm, nhưng sắc ấm giao xen, phần nhiều hiện ra trong cảnh thiên định; thọ ấm giao xen, phần nhiều mắc vào tà kiến. Bởi vì sắc ấm thuộc về căn, cảnh mà thọ ấm, thì hay nắm giữ thuộc tư hoặc nên khó nhỏ, tuy ở trong thiên định mà biến hiện càng rộng lớn vậy.

CHI 3. NHỮNG CẢNH THUỘC TƯỚNG ẤM

TIẾT A. PHẠM VI CỦA TƯỚNG ẤM

A-nan, thiện nam tử kia tu pháp Tam-ma-địa, khi thọ ấm đã hết, tuy chưa sạch mê lầm, nhưng tâm đã rời khỏi hình hài, như chim ra khỏi lồng. Điều ấy đã thành tựu, thì từ thân phàm đó tiến lên trải qua sáu mươi thánh vị Bồ-tát, được ý sinh thân, tùy ý đi ở, không bị ngăn ngại. Thí như có người ngủ say nói mơ người ấy tuy không hay biết gì, nhưng lời nói kia vẫn có âm vận thứ tự, khiến cho người không ngủ đều hiểu biết, ấy gọi là phạm vi của tướng ấm.

Sắc ấm làm chướng ngại thân, thọ ấm

làm chướng ngại tâm. Hai ấm đã hết, tự tâm có thể mặc tình ra vào, không bị hình hài ràng buộc. Tuy chưa hết mê lầm, mà có thể ngay nơi thân phàm phu đó tiến lên trải qua sáu mươi thánh vị Bồ-tát được ý sinh thân. Đây là từ căn viên thông mà phát minh vào Tam-ma-địa, phá được thọ ấm, không đồng với người chưa phát minh, thì các ấm sau chưa hết, nhưng ma sự lại ít vậy. “Ngủ say nói mơ”, đây là dụ cho tướng ấm che đậy, ban ngày bị vọng tưởng, ban đêm thành ra thấy mộng, tức để thiết lập thí dụ, cũng tự có chỗ tiêu biểu. Đây là thí dụ khái quát, tướng ấm khi chưa phá, tức nơi phát minh viên căn, tướng ấm chưa hết ắt cũng chẳng hay làm chướng ngại. Người không ngủ, là chỉ cho người đã chứng được quả cao tột. Hiểu được lời nói của người kia, nghĩa là không bị lầm lẫn vậy.

TIẾT B. TƯỚNG TƯỚNG ẤM HẾT

Nếu hết động niệm, tư tưởng hư vọng thô phù tiêu trừ, thì nơi Tâm Giác Minh như bỏ bụi nhơ, một dòng sinh tử đầu đuôi soi khắp, gọi là hết tướng ấm. Người ấy mới có thể vượt khỏi phiền não trước, xét lại nguyên do, cội gốc là vọng tưởng dung thông.

Tướng từ trên tâm nhớ nghĩ tất cả cảnh

giới quá khứ, hiện tại và vị lai mà có niệm. Niệm này không dừng, làm chướng ngại cho tâm giác minh, như bụi như trên mặt gương, bụi như hết thì gương chiếu sáng tỏ rõ; cái sinh tử ban đầu và rốt sau, như ở trước mắt. Tuy sinh tử chưa hết, mà không bị làm mê hoặc. Chũ luân là loại. Một dòng sinh tử là chỉ cho hành ấm; hành ấm tuy còn mà không bị làm ngăn ngại. Phiền não từ tướng sinh, nghĩa là nhớ biết tụng tập; tính nó phát sinh ra thấy biết, nên tướng hết, thì có thể chóng vượt qua. Tướng hay dung biến, khiến tâm theo căn cảnh và cũng khiến căn cảnh theo tâm; như tướng me chua thì nước bọt trong miệng chảy ra. Căn, cảnh, thức cả ba đồng thời đều biến khắp. Nên nói là vọng tướng dung thông.

TIẾT C. CẢNH GIỚI TƯỚNG ẤM CÓ SAI KHÁC

C1. THAM CẦU THIỆN XẢO

A-nan, thiện nam tử kia thọ ấm đã hư diệu không còn mắc các thứ tà lự, viên định phát minh; trong Tam-ma-địa, tâm lại ưa được viên minh, thúc dục tư tưởng, tham cầu những việc thiện xảo. Khi ấy Thiên ma được dịp thuận tiện cho tinh thần gá vào người

khác, miệng nói kinh pháp, người ấy thật không biết là bị ma gá vào, tự nói là được Niết-bàn Vô thượng; đến chỗ người thiện nam cầu thiện xảo kia, trải tòa thuyết pháp; thân hình người đó giầy lát, hoặc làm Tỳ-kheo, cho người kia thấy, hoặc làm Đế Thích, hoặc làm phụ nữ, hoặc Tỳ-kheo-ni, hoặc nằm trong nhà tối, thân có hào quang chói sáng; người tu hành ngu mê, lầm cho là Bồ-tát, tin sự giáo hóa của họ, tâm bị lay chuyển, phá hủy luật nghi của Phật, lén làm việc dâm dục. Miệng ma ưa nói những việc may rủi, biến đổi, hoặc nói Như Lai ra đời chỗ ấy, hoặc nói có kiếp hỏa, hoặc nói có đao binh làm khủng bố người, khiến gia sản vô cơ bị hao mất. Đây gọi là giống quỷ quái tuổi già thành ma, khuấy rối người tu hành, khi ma khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông phải biết trước thì không vào luân hồi, nếu mê lầm không biết thì đọa vào ngục Vô gián.

Thọ ám tiêu, tâm đã hư diệu. Lại do tâm trong Tam-ma-địa sáng suốt càng thấu triệt, yêu thích cái sáng suốt đó lại cầu thiện xảo. Thiện xảo là tất cả diệu dụng làm thành việc lợi tha, một phen khởi tâm ấy, thì ma được dịp

tiện vậy. Nên biết người tu thiền cấp thiết ở chỗ công dụng, sinh tâm chấp trước tức là ma sự, sai mất chính thọ. Cổ Đức nói: “Chỉ nhận được gốc, chớ lo nơi ngọn”. Chẳng phải không dùng ngọn, nhưng cái ngọn kia tự đến vậy. “Tinh thần gá vào người khác”, nghĩa là riêng gá vào một người khác, khiến họ không biết; miệng nói lời hư dối, thân biến hóa làm mê hoặc người tu thiền; hoặc hiện làm Bồ-tát khiến tin sự giáo hóa của người kia để làm việc tham dục, đều do người tu thiền tâm yêu thích thiện xảo, cho đến làm phiền não rối loạn người khác. Nếu biết thì tự điều phục, không đợi phương tiện vậy.

C2. THAM CẦU DẠO CHƠI

A-nan, thiện nam tử thọ ấm đã hư diệu, không bị các tà lực, tính viên định phát minh; trong Tam-ma-địa, tâm thích đi dạo chơi, cho tư tưởng bay đi tham cầu trải qua nhiều nơi. Khi ấy Thiên ma được dịp thuận tiện cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp; người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng tự bảo đã được Vô thượng Niết-bàn, và đến chỗ thiện nam tử muốn đi dạo chơi kia, trải tòa thuyết pháp. Tự thân hình người đó không thay đổi, song những người nghe pháp,

bỗng đứng tự thấy thân mình ngồi trên đài sen báu, toàn thân hóa thành đồng vàng chói sáng, cả chúng nghe pháp mỗi người đều như thế, được việc chưa từng có. Người tu hành ngu mê lầm là Bồ-tát, tâm hóa dâm dật, phá hủy luật nghi của Phật, lén làm việc tham dục. Miệng ma ưa nói, chư Phật ứng hóa ra đời ở chỗ ấy, người ấy chính vị Phật ấy, hóa thân đến đây, người ấy tức là vị Bồ-tát ấy (v.v...) đến giáo hóa thế gian; vì người tu hành thấy thế tâm sinh hâm mộ, tà kiến thâm thâm nổi lên, chủng trí tiêu diệt. Đây gọi là giống Bạt quý tuổi già thành ma, khuấy rối người tu hành, khi tâm ma đã nhàm chán, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên giác ngộ trước thì không bị luân hồi, nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Tâm ưa thích đạo chơi lang thang là cũng muốn nương cái hư diệu này, được trải qua các cõi nước, biến các thánh chúng mỗi người đều thành Phật.

Lại nói Phật, Bồ-tát ấy, từ chỗ ấy đến, đều là căn cứ nơi tâm niệm thích đạo chơi lang thang, dễ bị nó khéo dẫn dắt làm động niệm. Tự biết được niệm này, thì ma sự liền tiêu, trọn

không phải Thiên ma, không mai mối mà tự gá vào vậy. Loài Bạt quỷ gặp gió thành hình, cùng với tâm thích dạo chơi lang thang cảm nhau vậy.

C3. THAM CẦU KHẾ HỢP

Lại thiện nam tử thọ ấm hư diệu, không bị các tà lự, viên định được phát minh; trong Tam-ma-địa, tâm lại ưa thâm hợp, tư tưởng đứng lạng, tham cầu khế hợp. Khi bảy giờ Thiên ma được dịp tiện, cho tinh thần bay gá vào người khác, miệng nói kinh pháp; người ấy thật không biết bị ma gá vào, cũng tự nói được Vô Thượng Niết-bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu hợp kia, trải tòa nói pháp. Thân hình người đó và những người nghe pháp, bề ngoài không có thay đổi, nhưng lại khiến cho các thánh giả trước khi nghe pháp, tâm tự khai ngộ, niệm niệm đổi dời, hoặc được túc mạng thông, hoặc có tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc hay dở trong nhân gian, hoặc trong miệng nói kệ, hoặc tự tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được việc chưa từng có. Người ngu mê lầm cho là Bồ-tát, tâm sinh luôn yêu thích, nên phá hủy luật nghi của Phật, lén làm việc tham dục. Miệng ma ưa nói Phật có Phật lớn Phật nhỏ; đức Phật ấy là Phật trước, đức Phật ấy là Phật sau, trong đó

cũng có Phật thiệt, Phật giả, Phật nam, Phật nữ, Bồ-tát cũng như thế. Vì người tu hành kia không rửa sạch các tâm trước, dễ vào tà ngộ. Đây gọi là giống Mỵ quý tuổi già thành ma khuấy phá người tu hành, khi tâm ma khuấy phá chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên giác ngộ trước, thì không vào luân hồi, nếu mê lầm không biết, thì sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Tâm ưa thích thâm hợp, là muốn thâm kế hợp với chân lý. Người tu thiên sinh tâm muốn thâm kế hợp, nên ma gá vào người, khiến người ấy và thính giả chỉ tự khai ngộ, tự biết túc mạng thông, tự biết tha tâm thông, và mỗi mỗi các việc khác đều tương ứng với chỗ thâm kế hợp. Đây là chỗ mong muốn của người ở trong thiện xảo, nên dễ sinh mê lầm, trong khi tu pháp Tam-ma-địa, tùy một niệm nào nặng, liền bị lấn diệt. Rửa sạch các tâm trước, nghĩa là cái cội gốc của tâm ban đầu, từ đây đều rửa sạch.

C4. THAM CẦU PHÂN BIỆT CHIA CHẼ

Lại thiện nam tử thọ ấm hư diệu, không bị các tà lự, tính viên định phát minh, trong

Tam-ma-dịa, tâm ưa biết cội gốc, nơi sự vật chuyển hóa, muốn xét biết cùng tột gốc ngọn trước sau, thúc đẩy cái tâm sáng suốt thêm, tham cầu nhận biết chia chẻ. Khi bấy giờ Thiên ma chờ được dịp, cho tinh thần bay gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng tự bảo đã được Vô Thượng Niết-bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu cội gốc kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó thân có oai thần làm cho những người cầu pháp kính phục, khiến cho thính chúng dưới pháp tòa, tuy chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã kính phục. Tất cả bọn ấy đều cho rằng Niết-bàn, Bồ-đề, Pháp thân của Phật, tức là cái xác thân thị hiện tiền của ta đây, cha con sinh nhau đời này đến đời khác, tức là pháp thân thường trụ không mất, đều chỉ hiện tại tức là cõi Phật, không riêng có cõi tịnh cư và thân kim sắc nào khác. Người tu hành tin nhận những điều đó, bỏ mất tâm trước, đem hết thân mạng mà quy y, cho là được việc chưa từng có. Người đó ngu mê lầm cho là Bồ-tát, suy xét cái tâm như thế, phá hủy luật nghi của Phật; lén làm việc tham dục. Miệng ma thường nói: mắt, tai, mũi, lưỡi đều là tịnh độ, hai căn của nam nữ là chỗ chân thật Bồ-đề Niết-bàn. Bọn người không

biết kia đều tin lời nói như bản đó. Đây gọi là giống quỷ Cổ độc ác thắng quỷ, tuổi già thành ma phá khuấy người tu hành. Khi tâm ma nhàm chán, rời bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nếu giác ngộ trước thì không bị luân hồi, nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Người tu Thiên muốn phân tách cùng tột cội gốc sinh hóa của muôn vật, mà bị ma gá vào người, dạy người ta nơi thân thịt hiện tiền, cha con sinh nhau, đời này đến đời khác, tức là pháp thân thường trụ không mất. Cái thấy như thế là trái nhau, mà thật thâm hợp với nhau, thấy là lời nói thô, mà tưởng thật, thì in tưởng như bàn đến chỗ sâu kín. Bởi do, ngay đó không có người thứ hai và cũng không có pháp thứ hai; tịnh nhiễm đều không, tính tướng không hai (vô nhị). Sở dĩ cho nên người tu Thiên ở đây bị làm mê hoặc. Gần đây những hạng cuồng loạn, lời nói kia tuy có thay đổi, mà ý không vượt ngoài nghĩa này. Cũng khá thương xót vậy.

C5. THAM CẦU THẨM CẢM

Lại thiện nam tử thọ ẩm hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh, trong

Tam-ma-địa tâm ưa biết các việc trước sau, chính xét cùng khắp, tham cầu thâm cảm. Khi ấy Thiên ma chờ có dịp cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết ma gá vào, cũng nói tự được Vô Thượng Niết-bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu cảm ứng kia, trải tòa thuyết pháp, có thể khiến cho Thánh chúng tạm thấy thân mình như đã trăm ngàn tuổi, tâm sinh ái nhiễm, không thể xả lìa; đem thân làm nô bộc, bốn việc cúng dường không biết mỗi mệ. Ma lại khiến cho mỗi người dưới pháp tòa, tâm biết đó là vị tiên sư, là vị thiện tri thức, riêng sinh lòng pháp ái dính như keo sơn, được cái chưa từng có. Người tu hành ngu mê, lầm cho là Bồ-tát, gần gũi tâm ma, phá hủy luật nghi của Phật, lên làm việc tham dục. Miệng ma ưa nói, ta ở kiếp trước trong đời nọ, trước độ người nọ, lúc đó là thê thiếp anh em của ta, nên nay lại đến độ nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau về cảnh giới nọ, cúng dường đức Phật nọ; hoặc nói có cõi trời Đại Quang Minh riêng biệt, Phật ở trong ấy và là chỗ nghỉ ngơi của tất cả các đức Như Lai. Trọn không biết kia đều là tin những lời phỉnh gạt đó, bỏ mất tâm trước. Đây gọi là giống Lệ quỷ tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành. Khi tâm

ma khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá vào nữa, thì học trò và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nếu giác ngộ trước, thì không bị luân hồi, nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục Vô gián.

Giống Lệ quý hay vào tâm người, khiến đều tạm thấy, tâm sinh ái nhiễm, khiến đều tự biết, tâm sinh pháp ái. Đến như đời trước làm thê thiếp, anh em... Đây đều là việc xa ứng thâm hợp. Nếu trước không có tâm này, thì cũng không từ đâu mà vào. Nên biết người tu Tam-ma-địa thường phải xét rõ.

C6. THAM CẦU TĨNH LẶNG

Lại thiện nam tử thọ ấm hư diệu, không bị các tà lự, tính viên định phát minh, trong Tam-ma-địa, tâm ưa thích đi sâu vào khắc khổ, siêng năng, thích ở chỗ vắng vẻ tham cầu sự yên lặng. Khi ấy Thiên ma chờ được dịp cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy thật không biết bị ma gá vào, cũng nói tự được Vô Thượng Niết-bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu chỗ vắng vẻ kia, trải tòa thuyết pháp, khiến người nghe, mỗi người đều biết nghiệp cũ của mình, hoặc ở nơi đó, bảo một người rằng: “Người nay chưa chết đã làm

súc sinh”, rồi bảo một người ở sau đạp lên đuôi, tức liền làm cho người kia đứng dậy không được. Lúc bấy giờ cả chúng đều hết lòng kính phục, có một người móng tâm lên thì nó đã biết ý; ngoài luật nghi của Phật, nó lại càng thêm khắc khổ, chê bai Tỳ-kheo, mắng nhiếc đồ chúng, phơi bày việc của người khác, không tránh việc chê trách. Miệng ma ưa nói việc họa phước khi chưa đến và khi đã đến rồi thì mảy may không sai. Đây là giống Đại lực quý, tuổi già thành ma, khuấy rối người tu hành, khi ma khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì học trò và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên giác ngộ trước thì không vào luân hồi, nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào ngục Vô gián.

Ưa thích chỗ vắng vẻ, tham cầu sự yên lặng. Đây là do sự mong muốn yên lặng cùng tột mà phát ra thông suốt, nên ma có dịp gá vào các người ấy, khiến những việc chưa đến không mảy may sai lầm, đó là thần thông của quý này có. Song vì nó là cái nhân tà, dối gạt, mê lầm chúng sinh, nên rốt cuộc phải trầm luân.

C7. THAM CẦU TỨC MẠNG

Thiện nam tử ấy thọ ẩm hư diệu, không

mắc các tà lự, tính viên định phát minh, trong Tam-ma-địa, tâm lại ưa hiểu biết, siêng năng, khó nhọc, tìm xét, tham cầu biết túc mạng. Khi ấy Thiên ma chờ dịp tiện cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng tự bảo ta được Vô Thượng Niết-bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu hiểu biết kia, trải pháp tòa thuyết pháp. Người tu hành bỗng nhiên nơi chỗ nói pháp, được hạt châu lớn, hoặc khi ma hóa làm súc sinh, trong miệng ngậm hạt châu và những vật kỳ lạ, như đồ trân bảo giản sách phù đợc, đến trao trước cho người tu hành, rồi sau đeo vào thân thể; hoặc khi ma bảo người nghe pháp có hạt châu minh nguyệt chôn ở dưới đất đương soi sáng chỗ đó, làm cho các thính giả được điều chưa từng có. Ma thường ăn cây thuốc chứ không ăn cơm, hoặc mỗi ngày chỉ ăn một bữa với một ít mè, một ít mạch, do sức của ma giữ gìn, nên thân thể vẫn mập tốt, ma lại chê bai Tỳ-kheo, mắng nhiếc đồ chúng, không tránh sự chê trách; trong miệng ma ưa nói, kho báu phương khác và chỗ ẩn cư của mười phương các bậc Thánh hiền; những người đi sau thường thấy có người kỳ lạ. Đấy gọi là giống quỷ thần núi rừng, thổ địa, thành hoàng, sông núi tuổi già thành ma; hoặc

có khi kêu gọi làm điều dâm dục, phá giới luật của Phật, cùng với những kẻ thừa sự lén hành ngũ dục; hoặc lại tinh tấn ăn toàn cỏ cây, việc làm không nhất định, cốt khuấy rối người tu hành. Khi ma khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá vào nữa, thì đệ tử và thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên giác ngộ trước thì không bị luân hồi, nếu mê lầm không biết, thì đọa vào ngục Vô gián.

Tâm ưa thấy biết tức là muốn thấy biết cùng khắp, sinh tâm chấp cái thông suốt, nên bị ma gá vào; do vì muốn cảm ứng thông suốt, trước thì tốt đời vị lai, nay thì khắp cả mười phương vậy. Ma hóa làm súc sinh, hoặc bảo là hạt châu báu chôn dưới đất, đều ở nơi trước khi chưa bị ma gá vào, mà dẫn dụ làm lầm cho người bị ma gá vào vậy.

C8. THAM CHẤP THẦN LỰC

Lại thiện nam tử thọ ẩm hư diệu, không bị các tà lực, tính viên định phát minh, trong Tam-ma-địa, tâm ưa thần thông và các thứ biến hóa, nghiên cứu nguồn gốc của sự biến hóa, tham cầu có thần lực. Khi ấy Thiên ma chờ có dịp tiện, cho tinh thần bay gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó

thật không hay biết bị ma gá vào, cũng nói tự được Vô Thượng Niết-bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thân thông kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó hoặc tay cầm ngọn lửa, nắm chìa ngọn lửa trên đầu bốn chúng nghe pháp. Ngọn lửa trên đỉnh đầu những người nghe pháp đều dài mấy thước mà cũng không đốt cháy, cũng không nóng. Người đó hoặc đi trên nước như đi trên đất bằng, hoặc ở giữa hư không, ngồi yên không lay động, hoặc vào trong bình, hoặc ở trong dẫy, vượt qua cửa sổ, thấu qua tường vách, vẫn không bị chướng ngại, chỉ đối với đao binh thì không được tự tại. Người đó tự bảo là Phật, thân mặc bạch y, chịu Tỳ-kheo lễ bái, chê bai Thiên Luật, mắng nhiếc đồ chúng, phơi bày việc của người khác, không tránh việc chê trách. Trong miệng họ thường nói thân thông tự tại, hoặc lại cho người thấy cõi Phật một bên. Đó là do sức quỷ làm mê lầm không có gì chân thật. Người đó khen ngợi việc hành dâm, không từ bỏ việc làm thô tục, bảo những sự ô nhiễm lẫn nhau là truyền pháp. Đây gọi là những giống sơn tinh, hải tinh, phong tinh, hà tinh, thổ tinh và tất cả những loài tinh mị của cỏ cây đã sống trong nhiều kiếp, có sức lớn trong trời đất; hoặc là long mị, hoặc các vị tiên tuổi thọ hết, sống lại

làm tinh mị, hoặc quả báo đạo tiên đã hết, kể năm thì phải chết, nhưng hình hài không hư nát, nên loài quái khác gá vào. Bọn ấy tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành, khi ma khuấy phá chán rồi, bỏ thân người không gá vào nữa, thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên giác ngộ trước thì không bị luân hồi, nếu mê lầm không biết, thì bị đọa vào địa ngục Vô gián.

Nghiên cứu nguồn gốc của sự biến hóa. Bởi muốn nghiên cứu cùng tột sự biến hóa, lấy đó để tột việc thông suốt, nên ở trong Tam-ma-đề, tâm ưa sinh khác lạ, tự không giác ngộ liền bị mê lầm. Người tu thiền mất tâm, cho đến nơi đây, chỉ trừ đao binh thì không được tự tại. Đây là để chỉ rõ việc tà mị, trọn sẽ sa vào lưới pháp luật.

C9. THAM CẦU SÂU VỀ KHÔNG

Lại thiện nam tử thọ ấm hư diệu, không mắc vào các tà lự, tính viên định phát minh, trong Tam-ma-địa tâm ưa vào chỗ diệt hết, nghiên cứu tính biến hóa, tham cầu cái rộng không sâu nhiệm. Khi ấy Thiên ma chờ được dịp tiện, cho tinh thần bay gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, cũng nói tự được Vô Thượng

Niết-bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu rỗng không kia, trải pháp tòa thuyết pháp. Ở trong đại chúng thân hình của người đó bỗng hóa thành không, cả chúng cũng không thấy gì rồi lại từ hư không bỗng chốc hiện ra, khi mất, khi còn được tự tại; hoặc hiện thân rỗng suốt như ngọc lưu ly, hoặc khi duỗi tay chân xuống, phát ra mùi thơm chiên đàn, hoặc đại tiểu tiện cứng chắc như đường phèn. Người đó chê bai giới luật, khinh khi người xuất gia, trong miệng thường nói không có nhân quả, một phen chết rồi mất hẳn không còn thân sau; lại các phàm Thánh tuy được không tịch, vẫn lên làm việc tham dục và người thọ nhận sự dâm dục đó cũng được tâm rỗng không, bác không có nhân quả. Đây gọi là những giống tinh khí, nhật nguyệt, bạc thực, kim ngọc, chi thảo, lân, phụng, qui, hạc, trải qua ngàn vạn năm không chết làm tinh linh, sinh ra trong các quốc độ, tuổi già thành ma khuấy phá người tu hành. Khi ma khuấy phá chán rồi, bỏ thân người không gá vào nữa, thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên giác ngộ trước, thì khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm không biết, sẽ bị dọa vào địa ngục Vô gián.

Đây là do không mà cảm, kia cũng do không mà ứng, đều là do chấp pháp ngoài tâm,

mất hết Tam-muội chân chính, việc này có thể làm gương soi trong Thiên-na vầy.

C10. THAM CẦU SỐNG LÂU

Lại thiện nam tử thọ ám hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh, trong Tam-ma-địa, tâm ưa sống lâu, gian khổ quán sát tinh vi, tham cầu được nhiều tuổi, bỏ cái sống phần đoạn, lại trông mong cái tướng của vi tế biến dịch sinh tử được thường trụ. Khi ấy Thiên ma chờ được dịp, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó hoàn toàn không biết bị ma gá vào, cũng tự bảo được Vô Thượng Niết-bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu sống lâu kia, trải pháp tòa thuyết pháp. Người đó ưa nói qua lại phương khác, không hề chậm trễ, hoặc trải qua muôn dặm khoảng giây lát đã trở lại và đều lấy được những vật nơi đó, hoặc ở một chỗ hay trong một nhà chỉ trong vài bước, bảo người ta đi từ vách đông sang vách tây, nhưng người đi mau cả năm không đến. Nhân đó người tu hành tin tưởng, nghi là Phật hiện tiền. Miệng ma thường nói chúng sinh trong mười phương đều là con của ta, ta sinh ra chư Phật, ta sinh ra thế giới, ta là Phật đầu tiên tự nhiên ra đời, không nhân tu mà đắc đạo. Đây gọi là ma

trụ thế Tự Tại Thiên, nó khiến bọn quyền thuộc chưa phát tâm như bọn Giá-văn-trà, Tỳ-xá Đổng Tử, cỡi Tứ Thiên Vương, thích cái hư minh đến ăn tinh khí người tu hành, hoặc không nhân ông thầy, chính người tu hành tự mình xem thấy. Bọn đó tự xưng là thần Chấp Kim Cang đến cho trường thọ, chúng hiện thân làm gái đẹp, thịnh hành việc tham dục, làm cho chưa đầy một năm mà gan não đã khô kiệt; miệng nói lảm nhảm một mình, nghe như yêu mị, người ngoài chưa rõ nguyên do nên phần nhiều sa vào lưới pháp luật và chưa kịp hình phạt mà đã chết khô trước. Thế là bọn ma khuấy phá người tu kia đến phải ốm chết. Ông nên giác ngộ trước, thì không vào luân hồi, nếu mê lầm không biết, sẽ bị đọa vào ngục Vô gián.

Hàng Nhị thừa vô học mới rời khỏi cái sinh tử của phần đoạn, mà được cái biến dịch. Chưa đến vô học, sinh tâm thủ chứng, nên bị ma làm mê hoặc.

“Tướng vi tế”, tức là tướng thọ giả của kinh VIÊN GIÁC; đối với “lý” là đã cùng tột vi tế, nhưng chẳng rõ được “sự”, nên ham trụ thế lâu dài, đều là mạng căn không đoạn vậy. “Chưa phát tâm”, nghĩa là bị ma sai khiến; đã

phát tâm thì hay ủng hộ Phật pháp. Chưa phát tâm thì khuấy phá người tu hành. “Thích cái hư minh”, nghĩa là người tu Thiền ở trong định được cái hư minh, thì tinh khí cũng hư minh, vì thế khiến cho ma ưa thích. “Không nhân nơi ông thầy”, là không nhân nơi ông thầy bị ma gá vào, mà thiền giả chính thấy ma hiện, trước dùng tuổi thọ làm mê lầm, sau mới thành việc dâm dục. “Khô kiệt, chết khô”, đều do thích tinh khí mà gây nên. “Giá-văn-trà”, không có dịch, ma này dưới sự thống lãnh của Tự Tại Thiên Vương. “Tỳ-xá Đổng Tử”, tức là quỷ Tỳ-xá-giá; Trung Hoa dịch là “Thực tinh khí” (ăn tinh khí).

TIẾT D. KHUYÊN CỐ GẮNG TRUYỀN BÁ CHỈ DẠY

A-nan nên biết, mười thứ ma ấy trong đời mạt pháp, hoặc xuất gia tu hành trong đạo Phật, hoặc gá thân người, hoặc tự hiện hình đều tự bảo đã thành Chính Biến Tri Giác, khen ngợi dâm dục, phá luật nghi của Phật, ma thầy trước cùng đệ tử ma, đem sự dâm dục truyền dạy cho nhau. Những thứ tà tinh như thế, mê hoặc tim gan, ít thì chín đời, nhiều đến trăm đời, khiến cho người tu hành chân chính đều làm quyền thuộc của ma, sau

khí mạng chung ắt phải làm dân của ma, bỏ mất chính biến tri, đọa vào ngục Vô gián. Nay ông chưa nên vào Niết-bàn trước đấng được quả vô học, cũng phát nguyện vào trong đời mạng pháp kia, phát lòng đại từ bi cứu độ chúng sinh có lòng thâm tín chân chính, khiến cho khỏi mắc tà ma, được Chính Tri Kiến. Nay tôi đã độ ông ra khỏi sinh tử, ông vâng lời Phật dạy, thì gọi là báo ân Phật.

Đức Như Lai huyền ký mười giống ma này, trong đời mạng pháp, vào trong Phật pháp phá hoại Chính tri kiến, nên tà kiến gần đây đều là quyến thuộc của ma. Đây là một điều minh chứng vậy. Học giả nếu không đủ trí tuệ đã giản trạch Phật pháp, hơi được chút ít, lầm cho là đã đủ, như người tự cần rốn, thì làm sao mà cần được. Phật di chúc phát nguyện cứu độ chúng sinh, thương xót người đời sau, đều vì bọn này chỉ nên cảm thương đấy thôi.

TIẾT E. LẬP LẠI ĐỂ KẾT LUẬN NGUYÊN NHÂN CỦA MÊ

A-nan, mười thứ cảnh hiện ra trong Thiên định như thế, đều do tưởng ám mà tâm công dụng giao xen nên hiện ra cảnh ấy. Chúng sinh ngu mê không biết suy xét tự lường, gặp nhân duyên đó mê không tự biết,

bảo là lên bậc Thánh, thành tội đại vọng ngữ phải đọa vào ngục Vô gián. Sau khi tội diệt độ, các ông cần phải đem những lời dạy của Như Lai đây, chỉ bày cho đời mạt pháp, khiến cho khắp chúng sinh tỏ ngộ nghĩa đó, không để cho Thiên ma được dịp khuấy rối, giữ gìn che chở cho chúng sinh thành đạo Vô Thượng.

Đại Sư Nam Nhạc Huệ Tư nói: Tứ niệm xứ có 37 thứ danh tự khác nhau, gọi là “Đạo Phẩm”. Quán thân bất tịnh và hay rõ biết thân bất tịnh này là căn bản vô minh, là chỗ không vô sinh. Pháp bất tịnh hay phá được thân kiến (kiến chấp về thân) yêu, ghét của nam nữ và người trung gian, đều quy về không tịch. Ấy gọi là “phá phiền não ma”. Quán mười tám giới, ba thọ pháp, tất cả đều là khổ, xả nó không dính mắc. Quán cái thọ vui đó, hay tạo ra nhân khổ, xả nó không thọ. Ban đầu xả cái khổ vui, liền được cái không khổ, không vui; lại quán cái thọ không khổ, không vui này, không có chỗ y chỉ; quán như vậy cho đến khi rỗng không, không có được gì, cũng không có thể xả, cũng lại không có pháp không thể xả, chân giả đều không tịch. Ấy là phá được “ma ám giới nhập”. Quán tâm vô thường, sinh diệt không dừng trụ, quán sát tâm ấy từ đâu sinh ra. Khi khởi quán như thế,

đều không thấy tâm, cũng không sinh diệt, không phải đoạn, không phải thường, không trụ nơi trung đạo, quán sát như thế rồi, tức là không có “Tử ma”. Trong pháp Tứ Niệm xứ, quán tất cả pháp, thiện, bất thiện và vô ký đều như hư không, không thể lựa chọn. Đối với các pháp, tâm rớt ráo không lay động cũng không tướng trụ, được Tam-muội bất động, tức là không có “ma thiên tử”.

Đây là Đại sư vì lòng từ bi phương tiện muốn khiến cho các người tu thiền, nhờ phương tiện này mà hàng phục mê lầm của chính mình, và khỏi bị những mê lầm của kẻ khác.

Tóm lại, chỉ là nhất tâm. Nếu hay phát minh được lý nhất tâm, thì bên trong không chấp tự tướng, bên ngoài không chấp tha tướng, tất cả đều bình đẳng, cũng không có cái thấy bình đẳng. Dùng đây để giải trạch, vọng hết thì các giáo nghĩa có thể dùng lời để chỉ dạy đến chỗ thâm ngộ, chỉ người tự được vậy.



KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TRỰC CHỈ

QUYỂN MƯỜI

CHI 4. NHỮNG MA SỰ THUỘC HÀNH ẤM

TIỆT A. TƯỚNG HẾT TƯỚNG THÙ THẮNG

A-nan, thiện nam tử kia tu pháp Tam-ma-địa khi tướng ấm đã hết thì những mộng tưởng bình thường của người đó đã tiêu diệt, khi ngủ, khi thức luôn luôn một Thể Tính Giác Minh rỗng lặng như hư không, trong trẻo không còn những việc bóng dáng tiền trần thô trọng; xem những núi sông, đất liền trong thế gian, như gương soi sáng khi đến không dính vào đâu, khi qua không để lại dấu vết, rỗng chịu theo sự vật chiếu ứng; rõ ràng không còn tập quán cũ, chỉ một tính tinh chân.

Do khi thức có tướng, nên khi ngủ có mộng nay tướng ấm đã hết; thì khi ngủ cũng như khi thức. Do không có tướng nên không có mộng, không mộng nên luôn luôn một thể. “Thô

trọng” là phiền não vậy. Phiền não đều do tướng sinh, tính giác vốn tự rỗng rang sáng suốt, do bị vọng tưởng che đậy, vọng tưởng hết, thì tính giác hiển bày. Cũng như hư không trong trẻo, tất cả bụi bặm trong ánh mặt trời xuyên qua kẽ hở qua lại trong hư không mà không dừng cũng không dính mắc. Tính giác minh cũng như vậy, khi tướng hết, thì tính giác hiển bày. Mặc tình căn trần có đối hiện, như hư không nhận các vật mà không bị dính mắc các vật, chỉ một tính tinh chân vậy. “Tập quán cũ”, nghĩa là vọng tưởng từ nhiều đời trước. “Rõ ràng không” nghĩa là rõ ràng nó là không vậy.

TIẾT B. PHẠM VI HÀNH ẤM

Căn nguyên sinh diệt từ đây phơi lộ ra, thấy được mười hai loài chúng sinh trong mười phương, thì khắp rõ hết các loài, tuy chưa thông suốt mỗi manh mệnh căn của mỗi chúng sinh, nhưng đã thấy cơ sở sinh diệt chung, giống như dả mã (sóng nắng) lớp lớp chớp nhoáng hiện ra, làm các then chốt phát sinh các phù căn trần; ấy gọi là phạm vi hành ấm.

Sinh diệt là căn nguyên của hành ấm, tướng ấm chưa hết, thì toàn thân ở trong hành

ám, bị tướng ám lãng xãng mà không thể thấy. Nay tướng ám hết, nên hay quán tướng sinh tử của mười hai loài chúng sinh. Mỗi manh mệnh căn mỗi loài, nghĩa là tướng ban đầu của sự sinh diệt. Tướng đó phải biết nó là không, mới có thể chóng rõ; bởi cảnh sở duyên của hành, tức là vô minh vậy. “Dã mã”, tức là sóng nắng, để dụ cho vi tế của hành ám. Đối trong cái không giác, không phải tướng hết, thì không thể thấy. Nguyên nhân sinh ra ba cõi, gốc ở nơi đây, nên gọi là then chốt của căn trần. Trên cái then cửa có lỗ, cửa nhờ then gài mà đóng lại, đây là cái nền tảng sinh chung vậy. “Chớp nhoáng” tức là hình trạng chớp nhoáng hiện ra của dã mã (sóng nắng). Lãng xãng (nhiều) mà gọi là trong, là do tướng ám đã hết, nên không có trạng thái phiền động.

TIẾT C. TƯỚNG HẾT CỦA HÀNH ÁM

Nếu cái cội gốc của những lãng xãng, chớp nhoáng u ẩn đó vào được tính đứng lạng bản lai, một phen tập khí bản lai đứng lạng, như sóng mồi diệt hết, hóa thành nước đứng, thì gọi là hết hành ám. Người ấy có thể vượt khỏi chúng sinh trước, xét lại nguyên do cội gốc là u ẩn vọng tướng.

Cái cội gốc của những lãng xãng, chớp nhoáng u ẩn mà gọi là tính đó, là bởi do mê chân thức mà có sinh diệt, thì sinh diệt tức đều do thức tính biến hiện. Hành ám hết; trở về cội gốc, cội gốc đứng lặng, tập khi xoay trở lại, nên nói như sóng mồi diệt, hóa làm nước đứng lặng. Chúng sinh, sinh diệt không dừng, nên hành ám hết tức là vượt khỏi chúng sinh trước. Cái sinh diệt vi tế này rất là u ẩn, nên nói “cội gốc là u ẩn vọng tưởng”.

TIẾT D. CẢNH GIỚI SAI KHÁC CỦA HÀNH ÁM

D1. HAI THỨ LUẬN VÔ NHÂN

- NÊU CHUNG

A-nan nên biết, các thiện nam tử được sự nhận biết đúng đắn trong Xa-ma-tha đó, chính tâm đứng lặng sáng suốt, mười hai loài Thiên ma không có dịp khuấy phá. Trong lúc nghiên cứu tinh vi cùng tột, cội gốc của các loài chúng sinh. Khi cội gốc sinh diệt bản lai lộ ra, xét cái cội gốc thường chuyển động lãng xãng cùng khắp u ẩn kia, lại móng tâm so đo chấp trước trong tinh viên nguyên thì người ấy rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Người tu thiên chưa hết tưởng ám, theo

tướng mà khởi mê lầm, nên bị trúng trong cảnh giới ma. Nay tướng ám đã hết, thì tâm hiểu biết tà chính rõ ràng, ngưng lặng không động, tức dùng tâm này mà nghiên cứu cùng tột đầu mối sinh diệt của mười hai loài chúng sinh, khi cội gốc các loài đã phơi lộ ra, thì xét cái bản lai thường chuyển động lăng xăng kia không có cội gốc. Do không biết vô minh che đậy, mê thức tính chân thật, lầm chấp cái tướng sinh diệt, nơi đây hoàn toàn sạch không còn có gì, nên khởi ra cái chấp vô nhân.

Xét ra, Như lai tạng do bất giác vọng động mà sinh kiến phần; do kiến phần mà có tướng phần sinh diệt lưu chú, luân chuyển mãi không thôi. Nếu không phá cội gốc của thức ám cho cùng tột để trở lại Như lai tạng, tức khiến cho hành ám không tịch, rõ biết nhân trong tam giới, chúng được quả vô học của hàng Nhị thừa, mà vô minh trụ địa chưa từng bị tổn hoại, vẫn chẳng gọi là được chính tri kiến vậy.

- GỐC VỐN KHÔNG NHÂN

Một, là người ấy thấy cái gốc vốn không có nhân. Vì sao? Người ấy đã được cơ sở sinh diệt hoàn toàn lộ ra, nhưng theo tám trăm công đức của nhân căn mà thấy trong tám muôn kiếp, tất cả chúng sinh đều theo dòng

nghiệp báo mà xoay vần, chết nơi đây sinh nơi kia; chỉ thấy chúng sinh luân hồi trong đó, ngoài tám muôn kiếp thì mờ mịt không thấy gì, bèn khởi nhận định rằng, những loài chúng sinh trong mười phương ở thế gian này, từ tám muôn kiếp trở lại đây, không nhân gì mà tự có. Do cái chấp trước, so đo như thế mà bỏ mất Chính Biến Tri, sa lạc vào ngoại đạo, lầm mất tính Bồ-đề.

Đây là thấy cái gốc không có nhân. Do nghiên cứu gốc của sinh loại cùng tột tám muôn kiếp không có chỗ khởi. Đây chính là không biết nhân mê của tám thức, liền khiến cho ngàn muôn kiếp cũng không có cội gốc mỗi manh, không phải chỗ công đức của nhân căn không thể bì kịp; cũng không phải chỗ, sức của Thiên định không có thể đến được. Lầm chấp là vô nhân thì trái với chính giác. Kinh Niết-bàn nói: “Thế nào gọi là Chính biến tri?”. “Chính” nghĩa là không điên đảo; “Biến tri” là đối với bốn món điên đảo đều thông đạt. Lại “Chính” nghĩa là gọi trúng với thế giới, “Biến tri” là biết rốt ráo trúng trong việc tu tập chứng được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nay đối với việc tu tập bỗng khởi lên vọng chấp, nên nói mất hết tính Bồ-đề.

- NGỌN CŨNG KHÔNG NHÂN VÀ KẾT LUẬN

Hai, là người ấy thấy cái ngọn không có nhân. Vì sao? Người ấy đã thấy được cái cội gốc sinh diệt, biết người sinh ra người, rõ chim sinh ra chim, chim quạ xưa nay là đen, chim hộc xưa nay là trắng; loài người, loài trời, thân vẫn đứng thẳng, các loài súc sinh, thân vẫn nằm ngang; sắc trắng không phải do rửa mà thành, sắc đen không phải do nhuộm mà có, suốt tám muôn kiếp không hề thay đổi, hết đời này tốt thân hình này cũng như vậy; từ xưa đến nay không thấy gì là Bồ-đề, làm sao lại còn có việc thành đạo Bồ-đề, rồi nhận định tất cả các vật ngày nay đều không có nguyên nhân gì cả.

Đây là do từ cái thấy gốc không có nhân, nên thấy ngọn cũng không có nhân. Bởi do chưa cùng tốt được thức tính, chỉ quán hành ấm hiện tiền, cơ sở sinh diệt tất cả hiện thành không có mê ngộ. Trước tám vạn kiếp rớt ráo không thấy Bồ-đề, cuối cùng sau tám vạn kiếp, cũng không có việc thành đạo Bồ-đề. Như ông Xá-lợi-phất xem thân chim bồ câu trước tám vạn kiếp và sau tám vạn kiếp quá báo không thay đổi. Nay ở trong hành ấm đã

thấy tướng này, bèn so sánh tất cả khoảng giữa nghiệp quả chuyển biến, trí lực không thể đến kịp, làm cho là mỗi loài trải qua tám vạn kiếp đều không thể có. Luận nói: Có vị A-la-hán biết một đời, hoặc hai đời, ba đời, mười, trăm, ngàn, muôn kiếp, cho đến tám vạn kiếp, quá ở đây về trước cũng không thể biết, song không khởi tâm so tính, nên không có lỗi này.

Do so do chấp trước như thế nên bỏ mất Chính Biến Tri, mà sa lạc vào ngoại đạo, làm mất tính Bồ-đề. Ấy gọi là ngoại đạo thứ nhất, lập những luận vô nhân.

Ngài Thanh Lương làm lời sớ: “Mười một vị Luận Sư nói về vô nhân, chấp tất cả vạn vật không nhân, không duyên, là tự nhiên sinh ra, tự nhiên diệt mất. Nên lý tự nhiên đó là thường, là nhân của vạn vật, là nhân của Niết-bàn. Đây là chấp tất cả pháp, không có cái nhân nhiễm tịnh, như gai nhọn thì tự nó nhọn, sắc đen của chim quạ không phải do nhuộm, sắc trắng của chim hộc nó tự trắng”. Du Già Hiển Dương đều nói rằng: “Do như thế, nên khởi ra cái thấy vô nhân, rồi lập cái luận vô nhân ấy vậy”.

D2. BỐN CÁI LUẬN BIẾN THƯỜNG

- NÊU CHUNG

A-nan, các thiện nam tử đó ở trong Tam-ma-địa, chính tâm đứng lặng sáng suốt thì thiên ma không có dịp để khuấy phá; trong lúc xét cùng cội gốc của sinh loại, xem cái cội gốc thường chuyển động u ẩn kia, lại móng tâm so đo chấp trước trong tính viên thường thì người ấy sa vào bốn cái luận biến thường.

Chấp sinh diệt trong hành ấm không dứt, cho là biến thường; nghĩa khắp tất cả pháp đều như vậy. Đây là lấy cái sinh diệt làm tính thường trụ. Không phải thường mà chấp là thường, thấy đều thuộc về đoạn kiến vậy. Ngài Thanh Lương nói: “Bốn cái biến thường đó, nghĩa là chấp ta và thế gian tất cả đều là thường còn, chỉ có ẩn và hiển. Nhưng trong cái tĩnh lặng thượng và trung mà khởi tức trụ thông, tùy theo niệm mà sinh bốn cái luận biến thường”.

- CHẤP HAI MUÔN KIẾP LÀ THƯỜNG CÒN

Một, là người đó xét cùng bản tính của tâm và cảnh cả hai đều không có nhân, tu tập có thể biết trong hai muôn kiếp, mười phương chúng sinh có những sự sinh diệt

đều xoay vần không hề tan mất, nên chấp cho đó là thường.

Tất cả muôn pháp chỉ do tâm hiện; tâm này cảnh này đều không thể được, cũng không chỗ mất. Đây là nghiên cứu cùng tột đến hai muôn kiếp, chấp cho là thường vậy.

- CHẤP BỐN MUÔN KIẾP LÀ THƯỜNG

Hai, là người đó xét cùng cội gốc của tứ đại, thấy tứ đại thường trụ, tu tập biết được trong bốn muôn kiếp mười phương chúng sinh tuy có sinh diệt, nhưng đều có bản thể thường hằng, không hề tan mất nên chấp đó là thường.

Bốn món tứ đại từ vọng tưởng sinh, vọng tưởng không có thật tính, y nơi chân mà trụ; lấy đó tu tập tột bốn muôn kiếp, thấy không tăng giảm, chấp cho là thường.

- CHẤP TÁM MUÔN KIẾP LÀ THƯỜNG

Ba, là người đó xét cùng nguyên do bản lai sáu căn của sự chấp thọ bởi thức mạng-na và của các tâm ý, ý thức thấy tính vẫn thường hằng; tu tập có thể biết được trong tám muôn kiếp, tất cả chúng sinh xoay vần không mất, bản lai thường trụ; rồi xét tột tính không mất đó mà chấp là thường.

Tất cả căn, thân khí giới đều thuộc về tướng phần, do thức mặt-na nắm giữ. Nếu không phát minh chuyển tàng thức này làm Như lai tạng, thì tâm, ý, ý thức đó trọn không diệt hết. Nếu y theo đó mà tu tập tốt tám muôn kiếp, thấy vốn không mất, nên chấp cho là thường.

- CHẤP CÁI KHÔNG SINH DIỆT LÀ VIÊN THƯỜNG VÀ KẾT LUẬN

Bốn, là người đó tướng ấm đã hết lý sinh không còn chuyển chẳng dừng, tư tướng sinh diệt đã diệt hết rồi, thì trong lý tự nhiên thành không sinh diệt; người đó nhân tâm niệm so đo, như thế mà chấp là thường.

Sinh diệt y nơi tướng, tướng hết nên lý sinh không chỗ nương, chẳng phải thật hằng đoạn, nhân tướng diệt mà chấp là không vậy. Trong lý tự nhiên thành không sinh diệt; nghĩa là tính sinh diệt không tan không mất, tức lấy cái sinh diệt chẳng diệt, làm cái không sinh không diệt, chấp đó là thường.

Do sự chấp thường đó, nên bỏ mất chính biến tri, phải dọ lạc vào ngoại đạo, lầm mất tính Bồ-đề. Ấy gọi là ngoại đạo thứ hai, lập những luận viên thường.

Giải thích đồng như vô nhân. Trước chấp về vô nhân, bỏ mất Chính Biến Tri, nay chấp viên thường, mất Chính Biến Tri. Thường tức là vô nhân, nghĩa là cái sinh diệt không có nguyên nhân này, vốn tự như đây vậy.

**D3. LUẬN CHẤP MỘT PHẦN VÔ THƯỜNG,
MỘT PHẦN THƯỜNG**

- NÊU CHUNG

Lại các thiện nam tử đó, trong Tam-ma-địa chính tâm đứng lặng, thiên ma không còn dịp khuấy phá. Trong lúc xét cùng cội gốc sinh loại, xét cái cội gốc thường chuyển động u ẩn kia, lại móng tâm so đo chấp trước giữa mình và cái khác, thì người ấy mắc vào bốn kiến chấp điên đảo, là những luận “Một phần vô thường, một phần thường”.

Tự tức là thân mình, tha tức là chúng sinh và quốc độ; hoặc ta hay sinh ra vật, hoặc vật khác hay sinh ra ta. “Năng sinh” là thường, “Sở sinh” là vô thường. Ấy là luận “Một phần vô thường, một phần thường”.

- CHẤP TA LÀ THƯỜNG, VẬT KHÁC LÀ VÔ THƯỜNG

Một, là người ấy xét tính diệu minh vắng lặng khắp giáp mười phương thế giới,

cho là cái thần ngã rất ráo; do đó mà chấp cái ta cùng khắp cả mười phương đứng lặng sáng suốt không lay động, còn tất cả chúng sinh thì ở trong tâm ta, tự sinh tự chết, vậy tâm tính của ta thì gọi là thường, còn những cái sinh diệt kia, thì thật là vô thường.

Đây là chấp tâm ta là thường, chúng sinh là vô thường. “Thần ngã”, là cái chấp của Số Luận Sư bên Tây Vực (Ấn Độ), tức là ở trước nói có thần ngã khắp cả mười phương thế giới vậy.

- CHẤP KIẾP HOẠI, KIẾP KHÔNG HOẠI

Hai, là người ấy không xét cái tâm, lại xét khắp hằng sa quốc độ trong mười phương, thấy có chỗ bị kiếp tai phá hoại, thì cho là có tính rất ráo vô thường, còn những chỗ không bị kiếp tai phá hoại, gọi là rất ráo thường.

Đây là riêng xét về quốc độ, tức là cho cái hoại diệt hiện tiền đó là vô thường. Còn cái không hoại diệt hiện tiền đó là rất ráo thường. Như từ cõi Tam Thiên trở xuống, tam tai phá hoại được, Tứ Thiên trở lên tam tai không thể phá hoại, ấy là chỗ rất ráo Niết-bàn.

- CHẤP TÍNH LÀ THƯỜNG, SINH TỬ LÀ VÔ THƯỜNG

Ba, là người ấy quán xét riêng cái tâm mình nhỏ nhiệm tinh tế, giống như vi trần lưu chuyển trong mười phương mà tính không dời đổi, lại có thể khiến cái thân này sinh rồi lại diệt, rồi chấp cái tính không mất đó là tính thường của mình, còn tất cả sự sống chết tự tính ấy sinh ra thì gọi là vô thường.

Đây là chấp tâm ta có thường và vô thường, tâm ấy rất vi tế lưu chuyển trong mười phương, nhưng tính không dời đổi. Có thể khiến cho thân ta có sinh có diệt, mà cái không sinh diệt đó phần nhiều là tính thường; từ đó mà lưu xuất, tùy duyên thay đổi, thì gọi là vô thường vậy. Luận Duy Thức nói: Ngoại đạo chấp thể tính của ta thường sinh ra rất vi tế, như cục vi ẩn núp chuyển biến trong thân để tạo tác sự nghiệp; nghĩa là thể thường, tức là tính không thay đổi. Sinh ra vi tế, tức là từ ngã mà lưu xuất, ấy tức là tâm ta chấp thường và vô thường vậy.

- HÀNH ẤM LÀ THƯỜNG, SẮC, THỌ, TUỔNG LÀ VÔ THƯỜNG VÀ KẾT LUẬN

Bốn, là người ấy biết tướng ấm hết, thấy dòng hành ấm chấp cái thường lưu chuyển của hành ấm là tính thường, còn những sắc

ám, thọ ám, tướng ám v.v... Nay đã diệt hết, thì gọi là vô thường.

Đây là lấy cái sinh cho là tính thường, lấy cái diệt cho là vô thường. Hành ám chưa không, hiện tại còn lưu động gọi là thường. Sắc ám, thọ ám, tướng ám diệt gọi là vô thường. Thường không phải là thật thường, thì diệt cũng không phải là thật diệt. Chưa tốt được cội gốc của sinh, thấy được tính giác chân thật, thì dù cho hàng phục, hay đoạn trừ cũng chưa phải là rốt ráo vậy.

Do đây mà chấp trước so đo, “một phần thường, một phần vô thường”, dọa lạc vào ngoại đạo, lầm mất tính Bồ-đề. Ấy gọi là ngoại đạo thứ ba, lập những luận “một phần thường, một phần vô thường”.

Kết luận đồng như trước đã giải thích.

D4. BỐN CÁI LUẬN HỮU BIÊN

- NÊU CHUNG

Lại trong các thiện nam tử trong Tam-ma-địa, chính tâm đứng lặng vững chắc, thiên ma không có dịp khuấy phá, khi xét cùng cội gốc sinh loại, xét cội gốc thường chuyển động u ẩn kia, lại sinh chấp trước so

do về phần vị, người đó rơi vào bốn thứ luận hữu biên:

Phần vị có bốn, nghĩa là: Phần vị tam tế, phần vị kiến văn, phần vị bỉ ngã, phần vị sinh diệt. Chấp phần vị này cho là vô biên mà thành ra hữu biên.

- CHẤP BA ĐỜI

Một, là người ấy so đo cái cội gốc sinh diệt, lưu chuyển không dừng, rồi chấp quá khứ, vị lai là hữu biên, chấp tâm tương tục là vô biên.

Đây là do hành ám hiện tiền lưu chuyển không dừng, chấp là vô biên, thì ắt cho quá khứ vị lai là hữu biên. Đây là do vô biên mà thành hữu biên vậy. Chẳng biết rằng, tâm không có ba đời động niệm liền sai. Đây không phải là chỗ của người hành và thức ám chưa hết thấy được.

- CHẤP CHÚNG SINH

Hai, là người đó xét tám muôn kiếp thì thấy chúng sinh, còn trước tám muôn kiếp thì bật không nghe thấy gì, rồi gọi chỗ không nghe thấy, gọi là vô biên, còn chỗ có chúng sinh gọi là hữu biên.

Chúng sinh tức là sinh diệt. Đây là chỗ hành ám sinh diệt hiện thấy là hữu biên. Nghĩa là có phân biệt, trước tám vạn kiếp thì không nghe, cũng không thấy, thênh thang không bờ bến, gọi là vô biên. Chẳng phải thật trước tám vạn kiếp bất không nghe, không thấy. Bởi do người tu thiền chưa xét được cội gốc của thức ám, thấy nghe không thể đến kịp, rồi vọng chấp nơi đó, mà khởi tưởng là vô biên.

- CHẤP TÂM TÍNH

Ba, là người đó chấp rằng mình biết cùng khắp là được tính vô biên, còn tất cả các người kia hiện ra trong cái biết của mình, mà mình không hề biết họ, nhận biết cái biết của họ, vậy thì những người kia không được tâm vô biên và chỉ có tính hữu biên.

Mình có thể biết cùng khắp tất cả người kia, ấy là mình được tính vô biên. Mình từng chẳng biết cái biết của người kia, ấy là người kia không thể hiện trong tính biết của mình, nên người kia là hữu biên. Xét theo đây là do lấy chỗ biết cùng khắp, chẳng phải do cái biết cùng khắp. Kia bảo là vô biên để đi đến hữu biên vậy.

- CHẤP SINH DIỆT VÀ KẾT LUẬN

Bốn, là người ấy khi xét cùng hành ấm là không, dùng tri kiến hiện tâm mình mà so đo tất cả chúng sinh trong mỗi cái thân, gồm có phân nửa sinh, phân nửa diệt, và chứng tỏ sự vật có ra trong thế giới, phân nửa tính hữu biên, phân nửa tính vô biên.

Xét cùng hành ấm là không. Nghĩa là khi hành ấm đã lộ bày, xét cùng muốn khiến nó là không, mà nó vẫn còn sinh diệt, bèn chấp tất cả trong mỗi thân của chúng sinh, đồng là phân nửa sinh, phân nửa diệt, thế giới cũng như vậy; tức cho cái sinh là tính hữu biên, cái diệt là tính vô biên.

Do những so đo chấp trước hữu biên, vô biên như thế mà đọa lạc vào ngoại đạo, làm mất Tính Bồ-đề. Ấy gọi là ngoại đạo thứ tư, lập những luận hữu biên.

Giải thích đồng như đoạn kết luận ở trước.

D5. BỐN THỨ LUẬN CÀN LOẠN BÁT TỬ

- NÊU CHUNG

Lại các thiện nam tử, trong Tam-ma-đề, chính tâm đứng lạng vững chắc, thiên ma

không còn dịp khuấy phá, trong lúc xét cùng cội gốc sinh loại. Xét cái cội gốc thường chuyển động u ẩn kia, sinh lòng so đo chấp trước về tri kiến, thì người đó mắc vào bốn thứ luận hư vọng, biến kế, diên đảo, càn loạn bất tử.

“Tri kiến”, nghĩa là khi nghiên cứu cùng tột hành ám, hiện biết hiện thấy cho là sinh diệt, tưởng ám đã hết cho là không sinh diệt, thì cái thường chuyển động u thanh kia, ở đây lại chấp trước so đo, không thể tự giải quyết được, bèn thành càn loạn. “Bất tử”, luận Bà Sa giải thích: “Ngoại đạo chấp trời là thường còn, gọi là bất tử. So đo mà không đáp càn loạn thì được sinh lên cõi trời kia. Nếu thật không biết mà đáp những ngôn từ bí mật những điều không nên nói mà nói, hoặc đáp không, nhất định. Trong Phật pháp quả trách, thật là càn loạn; nên gọi là những lý luận hư vọng “Càn loạn bất tử”.

- CHẤP TÁM THỨ CÙNG

Một, là người đó quán sát cội gốc của sự biến hóa, thấy chỗ dời đổi gọi là biến, thấy chỗ tương tục gọi là thường, thấy chỗ thấy được gọi là sinh, chỗ không thấy được gọi là diệt, chỗ các nhân tương tục không có dứt

đoạn gọi là thêm, chính trong cái tương tục chỗ rời nhau ở giữa gọi là bớt, chỗ mỗi mỗi cái sinh ra gọi là chỗ thường thường mất đi, thì gọi là không, dùng lý quán sát tất cả và dùng tâm thấy nó sai biệt; có người đến cầu pháp, hỏi nghĩa thì đáp rằng: “Nay ta cũng sinh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng thêm, cũng bớt”. Trong tất cả thời đều nói lộn xộn khiến cho người nghe không thể hiểu được.

Cội gốc biến hóa, tức là cội gốc sinh diệt. Sinh diệt của hành ấm, nói đủ có tám tướng; nghĩa là: Biến, hằng, sinh, diệt, tăng, giảm, có, không. “Dùng lý quán sát tất cả”, nghĩa là dùng thiền lý thì đều ở chỗ nhất quán. “Dùng tâm thấy có sai khác”, nghĩa là dụng tâm phân biệt thì có tám tướng. Thiền giả nếu không đạt được nguyên nhân của hành ấm, thì không quyết định được thật nghĩa trước sau. Ước đáp cho người đến hỏi, nêu lên sáu câu nói làm rối loạn cho người nghe, không thể hiểu được; nghĩa là câu, bài không thứ tự, không thể ghi chép.

- CHỈ ĐÁP LÀ KHÔNG

Hai, là người ấy chính xét cái tâm luôn luôn là không, nhân cái không mà được chứng; có người đến hỏi chỉ đáp một chữ: Chỉ

nói là “không”; ngoài chữ không ra, không nói gì cả.

Ngay nơi đó sinh ra, tùy chỗ đó mà diệt hết, tâm pháp đều như vậy. Xét đây thì tùy đó sinh ra, tùy theo đó mà diệt mất, nên nói rằng, luôn luôn là không. Đối với chỗ luôn luôn không chấp, không chứng, chỉ dùng chữ không mà đáp. Không nhân có đối đãi, không phải chân thật nghĩa không, nên gọi là càn loạn.

- CHỈ ĐÁP LÀ PHẢI

Ba, là người ấy chính xét cái tâm mỗi mỗi đều có chỗ, nhân cái có mà được chứng; có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là phải; ngoài chữ phải ra, không nói gì cả.

Đây là đối với chỗ niệm, niệm sinh cho là thật có, nên nhân cái có mà được chứng, mới dính mắc nơi cái có, mà đáp là phải. Đây là càn loạn vậy.

- ĐỦ CẢ CÓ KHÔNG VÀ KẾT LUẬN

Bốn, là người ấy chấp cả có và không. Do cái cảnh rời rạc mà tâm cũng rối loạn; có người đến hỏi thì đáp rằng: “Cũng có tức là cũng không, trong cái cũng không, không

phải là cũng có”; tất cả đều càn loạn không thể nói hết được.

Đây là ở chỗ sinh diệt của hành ấm, không thâm đạt được cội nguồn, luống thấy sự lưu chú lầm cho Có và Không mà sinh ra cái càn loạn này, không thể gạn cùng. “Chi” tức là chi tiết và điều khoản, nghĩa là không cùng tận vậy.

Do cái so đo chấp trước đó, càn loạn, rỗng không, như thế mà sai lạc vào ngoại đạo, lầm tính Bồ-đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ năm, chấp trước hư vọng luận về bốn tính điên đảo, càn loạn bất tử.

Giải thích đồng như đoạn kết luận ở trước.

D6. MƯỜI BỐN THỨ LUẬN HỮU TƯỚNG

- NÊU CHUNG

Lại, các thiện nam tử, trong Tam-ma-địa, chính tâm đứng lặng vững chắc, thiên ma không còn dịp khuấy phá; trong lúc xét cùng cội gốc sinh loại, xét cội gốc thường chuyển động u ẩn kia sinh tâm so đo chấp trước, nơi lòng sinh diệt vô tận, thì người ấy sa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết có tướng.

Dời đổi không cùng, là tướng của hành

ám. Hiện thấy tướng đó, giống như sóng nắng (dương diệm) đã không phải là việc thật, huống là sau khi chết ư? Người khởi tâm ấy, gọi là điên đảo.

- GIẢI THÍCH

+ CỘI GỐC CỦA CHẤP

Hoặc tự củng cố cái thân mình, bảo rằng sắc là ta, hoặc khi thấy cái ta bao trùm khắp các cõi nước, rồi bảo rằng ta có sắc, hoặc thấy các tiền trần kia, theo ta mà xoay trở về, rồi bảo rằng, sắc thuộc về ta, hoặc thấy cái ta nương trong hành mà tương tục, rồi bảo rằng ta ở nơi sắc, những người đó đều so đo chấp rằng, sau khi chết có tướng, xoay vần như thế, có đến mười sáu tướng.

Sắc là ta, là chấp ta trong uẩn. Ta có sắc là chấp sắc bên ngoài đều là cái ta cùng khắp. Sắc thuộc ta, là chấp tất cả sắc pháp đều trở về ta. Ta tại sắc, là chấp tất cả trong sắc có ta. Đã chấp sắc làm ta, cộng có bốn tướng, gồm cả thọ, tưởng, hành cộng thành mười sáu, đều là nói sau khi chết có tướng. Sở dĩ không nói thức, vì không phải chỗ kia nhận biết, cũng do toàn trong thân thức là cái năng chấp.

+ CHẤP RIÊNG

Từ đó, hoặc còn chấp rằng rốt ráo phiền não và rốt ráo Bồ-đề, hai tính ấy cùng đuổi nhau mà không đụng chạm gì nhau.

Đây là chấp phiền não, Bồ-đề thật có, hai tính đối với ta không bị ngăn ngại nhau. Tướng ám thuộc về phiền não, là bản hữu phiền não, do ta mà hết; phiền não đã hết thì Bồ-đề sẽ gần bên, do ta mà chứng, nên nói rằng cùng đuổi với nhau. Chẳng biết rằng, có phiền não thì không Bồ-đề. Có Bồ-đề thì không phiền não, một tính không hai; chỉ chuyển cái mê kia, chứ nó không có tướng thật.

+ KẾT LUẬN

Do so do chấp sau khi chết là có tướng như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, làm mất tính Bồ-đề; ấy gọi là ngoại đạo thứ sáu, lập những luận điên đảo, nhận trong ngũ ấm, sau khi chết có tướng.

Giải thích đồng như đoạn kết luận ở trước.

D7. TÁM THỨ LUẬN VÔ TƯỚNG

- NÊU CHUNG

Lại, các thiện nam tử trong Tam-ma-địa,

chính tâm đứng lặng vững chắc, thiên ma không còn dịp khuấy phá; khi xét cùng cội gốc sinh loại, xét cái cội gốc thường chuyển động u ẩn kia lại sinh tâm so đo chấp trước nơi ba ám; sắc, thọ, tưởng đã trừ diệt rồi, thì người đó sa vào những tư tưởng diên đảo, chấp sau khi chết không có tướng.

Hành ám tuy còn chưa diệt, nhân ba ám trước (sắc, thọ, tưởng) đã diệt, so biết hành ám sẽ diệt, nơi cái diệt mà sinh ra chấp, nên nói sau khi chết không có tướng.

- GIẢI THÍCH

+ CỘI GỐC CỦA CÁI CHẤP

Người đó thấy sắc ám diệt, thân hình không có nhân vào đâu, xét tưởng ám diệt, tâm không bị ràng buộc vào đâu, biết thọ ám diệt không còn dính liền vào đâu, tính các ám đó đã tiêu tán, dẫu có lý sinh mà không thọ, không tưởng đồng như cây cỏ, rồi nghĩ rằng, thể chất hiện tiền còn không thể được, làm sao sau khi chết lại còn có các tướng. Nhân đó nghiệm xét sau khi chết không có tướng; xoay vần như thế, có đến tám luận vô tướng.

Sắc là hình (thân), tướng là tâm. Thọ

duyên sắc tâm dính liền lẫn nhau, nay đều đã diệt, nên nói tính của ấm tiêu tán vậy. Sinh lý là chỉ cho hành ấm; do không có tướng thọ, thì hành không có chỗ giá, tuy có mà như không cái nhân. Hiện tiền đã không, thì hiện cái quả về sau cũng diệt, nên lập thành tám tướng.

+ CHẤP RIÊNG

Đây hoặc chấp Niết-bàn, nhân quả tất cả đều không, chỉ có danh tự sông, rớt ráo đều đoạn diệt.

Đây là do tướng sinh tử hiện tiền đã không, thì tướng Niết-bàn tương lai đâu thể có. Bởi do rớt ban đầu chưa từng phát minh tính giác, chỉ nương theo thiên mà chìm sâu trong định; phá trừ hai ấm, nay hành ấm sắp hết, mà chân thức chưa hiện, nên mờ mịt không biết chỗ trở về, bèn sinh ra có cái chấp khác.

- KẾT LUẬN

Do cái so đo chấp sau khi chết là không có tướng, như vậy nên sa vào ngoại đạo, lầm mất tính Bồ-đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ bảy, lập những thứ tâm luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết không có tướng.

Giải thích đồng như đoạn kết luận ở trước.

D8. LUẬN TÁM THỨ PHI

- NÊU CHUNG

Lại, các thiện nam tử trong Tam-ma-địa, chính tâm đứng lặng vững chắc, thiên ma không còn dịp khuấy phá; khi xét cùng cội gốc sinh loại, xét cội gốc thường chuyển động u ẩn kia, ở trong hành ám còn và thọ, tướng đã diệt, đồng thời khởi so đo chấp cả hai cái có và không, tự thể phá nhau. Người ấy rơi vào cái luận điên đảo, chấp sau khi chết không phải có, không phải không.

Đây là chấp không phải có, không phải không. Đối với hành ám hiện còn, chấp cho là có, ba ám trước (sắc, thọ, tướng) đã diệt, chấp cho là không. Song nay không, xưa có, nay có rồi lại không nên nói đồng thời khởi chấp cả hai cái có và không. Lại do cái có hiện hành mà phá cái không, ba ám trước; do cái không ba ám trước, phá cái có đang hiện hành, nên nói rằng tự thể phá lẫn nhau. Bốn ám đều chẳng phải có, chẳng phải không, bèn thành tám thứ chấp, vẫn sau sẽ chỉ rõ.

- GIẢI THÍCH

+ CỘI GỐC CÁI CHẤP

Người đó thấy những ám, sắc, thọ, tướng

có, nhưng chẳng phải có. Xét trong hành ám chuyển biến, không những chẳng phải không, xoay vần như thế, cùng tột các ám, làm thành tám tướng, tướng không phải có, không phải không, tùy gặp duyên gì đều nói, sau khi chết có tướng, không tướng.

Ba ám trước vốn có, mà nay đã không, hành ám cũng như vậy. Ấy là bốn ám đều chẳng phải có. Hành ám sau ắt sẽ không, nhưng hiện thấy còn có ba ám trước cũng vậy, ấy là bốn ám đều chẳng phải không, xoay vần cùng tột, nghĩa là suy ra đây cả hai tướng chẳng phải có, chẳng phải không này thành tám tướng đều chẳng phải, tùy nêu lên một ám, cho đến sau khi chết, đều là không phải có, không phải không.

+ CHẤP RIÊNG

Lại, xét các hành ám sinh diệt thay đổi liên tục, tâm phát tỏ suốt, chấp tất cả đều không phải có, không phải không, lộn lạo hư thật.

“Các hành” vẫn chỉ cho hành tướng, nhân hành tướng dời đổi liên tục không nhất định, nên tâm phát tỏ suốt; nghĩa là nhân đây mà ngộ tất cả ám, tất cả pháp đều như vậy. Có chẳng phải nhất định có, thật đâu từng thật;

*không chẳng nhất định không, hư đâu từng hư.
“Thất tho” là mờ mịt không bằng có.*

- KẾT LUẬN

Do so đo, chấp sau khi chết đều không phải có, không phải không, như thế mà đường sau mờ mịt, không còn lối đi, sa lạc vào ngoại đạo, lầm mất tính Bồ-đề; ấy gọi ngoại đạo thứ tám, lập những luận điên đảo, chấp trong năm ấm sau khi chết, chẳng phải có, chẳng phải không.

Đường sau mờ tối không có lối đi; chữ “Đạo” là lối đi (noi theo). Nghĩa là không phải có, không phải không, thì sau khi chết, không có lối đi. Đây là do không biết bản tế của sinh tử Niết-bàn, lầm nơi Có, Không mờ mịt, không có chủ thể, sai mất tính Bồ-đề, rất đáng thương vậy.

D9. BẢY THỨ LUẬN ĐOẠN DIỆT

- NÊU CHUNG

Lại, các thiện nam tử trong Tam-ma-địa, chính tâm lóng đứng vững chắc, thiên ma không còn dịp khuấy phá; khi xét cùng cội gốc sinh loại, xét cái cội gốc thường chuyển động u ẩn kia, sinh tâm so đo chấp mãi, sau này là không, người ấy mắc vào bảy cái luận đoạn diệt.

*Xét hành ám niệm niệm đời đời, chấp là
rốt ráo đoạn diệt, nên gọi là chấp mãi sau này
là không. Bấy luận đoạn diệt sau sẽ nói rõ.*

- GIẢI THÍCH

**Hoặc chấp thân này diệt, hoặc chấp ngũ
dục tận diệt, hoặc chấp hết khổ tận diệt, hoặc
chấp tột vui diệt, hoặc chấp xả tột diệt; xoay
vẫn như thế cùng tột đến bảy mé hiện tiền
tiêu diệt, diệt rồi không trở lại nữa.**

*Thân diệt, nghĩa là thân hiện tiền hết,
tức Người, Trời trong Dục giới, ngũ dục hết,
gọi là Sơ Thiên, khổ hết gọi là Nhị Thiên, vui
cùng tột gọi là Tam Thiên, xả cùng tột gọi là
Tứ Thiên và Tứ không hợp bảy chỗ này đều
trở về diệt mất. Bởi do hành ám hiện tiền,
niệm niệm tiêu diệt, mà biết nó diệt, rốt ráo
dứt rồi không có vậy. Kinh A Hàm nói: "Hoặc
có Sa-môn, Bà-la-môn khi chưa thấy kiếp rốt
sau, khởi luận chấp đoạn diệt, đều có bảy thứ
kiến chấp. Hoặc chấp thân ta từ nhân duyên
sinh, ắt trở về tiêu diệt; hoặc chấp ngã cõi trời
Dục đoạn diệt, hoặc chấp ngã nơi thân cõi Sắc
đoạn diệt; hoặc chấp ngã nơi Không xứ, nơi
Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng, Vô tướng
xứ, ở cõi Vô sắc đoạn diệt."*

- KẾT LUẬN

Do những so đo chấp sau khi chết là đoạn diệt, như thế sa lạc vào ngoại đạo, lầm mất tính Bồ-đề; ấy gọi là ngoại đạo thứ chính, lập những luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết là đoạn diệt.

Hành ám sinh diệt, trong khoảng sắp diệt mà chưa diệt, nếu chẳng phải trước đã phát minh thì phần nhiều khởi chấp không. Song chỉ có vị này cho là rốt ráo đoạn diệt, phần thứ mười chấp là Niết-bàn cũng chấp là không luân chuyển và không giải thoát vậy.

D10. - LUẬN NĂM THỨ NIẾT BÀN HIỆN CÓ

- NÊU CHUNG

Lại, các thiện nam tử trong Tam-ma-địa, chính tâm đứng lạng vững chắc, thiên ma không còn dịp khuấy phá; khi xét cùng cội gốc sinh loại, xét cội gốc thường chuyển động u thanh kia, so đo chấp đời sau này là có; người ấy sa lạc vào các luận năm thứ Niết-bàn hiện có.

Đây là chỗ hành ám niệm niệm sinh; nghĩa là không phải chết rồi là không, gọi đời sau này là có. Khởi cái chấp Niết-bàn mà gọi là

năm thứ Niết-bàn hiện có, là không đợi đến thân chết, tức là ngay khi còn sống hiện tiền mà được cái vui Niết-bàn vậy.

- GIẢI THÍCH

Hoặc nhận dục giới là chuyển y chân chính do xem thấy sáng suốt cùng khắp và sinh lòng yêu mến. Hoặc nhận Sơ Thiên là chuyển y chân chính, vì tâm không còn lo buồn. Hoặc nhận Nhị Thiên vì tâm không còn khổ thọ. Hoặc nhận Tam Thiên vì rất vui theo. Hoặc nhận Tứ Thiên khổ vui đều hết, vì chấp không còn chịu sinh diệt trong luân hồi này. Người đó lằm trong cõi trời hữu lậu, khởi hiểu vô vi lằm sự an ổn, năm chỗ ấy là chỗ nương tựa thù thắng, thanh tịnh; xoay vần như thế, rốt ráo có năm chỗ.

Nhận những định dục giới là chuyển y chân chính. Ngài Thiên Thai giải thích về thiên: Trong Dục giới có hai thứ định: Một là Dục giới định, hai là Vị đạo định. Trong hai thứ định này, tâm mất sáng suốt cùng khắp rồi nương theo cảnh giới thiên định sáng suốt cùng khắp đó làm chỗ an ổn. Chuyển y chân chính, là chuyển sinh tử làm Niết-bàn. Đây là vọng chấp của Thiên giả vậy. Quả Sơ Thiên do xa lìa

xa lìa ngũ dục mà sinh hỷ lạc, nên không còn lo. Nhị thiên do định mà sinh hỷ lạc, nên không còn khổ. Tam thiên do cái vui đã tột cùng, và không có hỷ, nên được rất vui. Tứ thiên do không khổ, không vui, tâm xả được thanh tịnh. Không chịu sinh diệt trong luân hồi, đều là vọng chấp của Thiên giả vậy. Thiên giả trước tu định chân chính, vọng nhận cảnh vui hữu lậu cho là an ổn thanh tịnh, thù thắng, làm cho là vô vi thật chẳng phải rốt ráo, mà vọng chấp là rốt ráo vậy.

- KẾT LUẬN

Do so đo chấp năm thứ Niết-bàn hiện có như thế, mà sa lạc vào ngoại đạo, lầm mất tính Bồ-đề; ấy gọi là ngoại đạo thứ mười, lập những luận điên đảo chấp trong ngũ ấm có năm thứ Niết-bàn hiện có.

Luận Du Già nói: “*Luận vọng chấp thanh tịnh, như hoặc có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn; khởi cái kiến chấp như vậy, lập luận như vậy: “Nếu như ta đã giải thoát, tâm được tự tại, chính ta đã được tự tại; nghĩa là đối với chư thiên có năm dục vi diệu, chấp trước giữ gìn kiên cố, đùa giỡn vui thích, tùy ý thọ dụng, gọi là được pháp hiện tại Niết-bàn*

thanh tịnh bậc nhất”. Lại có ngoại đạo khởi cái kiến chấp như vậy, lập luận như vậy: “Nếu như có kẻ lìa pháp dục, pháp ác bất thiện, đối với trong thiên định được an trụ đầy đủ, cho đến được đệ Tứ Thiên (đệ tứ tinh lự) an trụ đầy đủ, ấy cũng gọi là pháp Niết-bàn hiện tại thanh tịnh bậc nhất”.

TIẾT E. KẾT LUẬN VÀ BẢO TRUYỀN BÁ CHỈ DẠY

A-nan, mười thứ nhận hiểu cuồng loạn trong Thiên-na như thế, đều do hành ám và tâm công dụng giao xen, nên hiện ra những nhận thức đó. Chúng sinh ngu mê không tự xét lường; gặp cảnh ấy hiện ra lại nhận mê làm ngộ, tự bảo là chứng bậc Thánh, thành tội đại vọng ngữ và sẽ dọa vào địa ngục Vô gián. Các ông phải nên đem lời này của Như Lai: Sau khi tôi diệt độ truyền lại trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sinh hiểu rõ nghĩa này, không để cho tâm ma tự gây nên những tội lỗi sâu nặng, giữ gìn che chở cho chúng sinh tiêu hết tà kiến, dạy cho họ thân tâm giác ngộ đạo nghĩa chân thật đối với đạo Vô Thượng. Không mắc vào các đường tẽ, cũng chớ để chúng sinh tạm mong được chút ít cho là đã đủ, nêu ra lời chỉ dạy thanh tịnh của vị Đại Giác.

Trước đã nói Thiên ma chờ dịp khuấy phá, ở đây nói ma trong tâm tự khởi gây tội sâu nặng. Bởi nhân nơi phá tướng ám, mà hành ám hiện ra, cái sinh diệt không chỗ nương, khi chưa đến mé chân, tùy khởi một niệm, ắt rơi vào nghi tà. Đức Như Lai đối với việc này, dạy răn rất thâm thiết, khiến cho biết được khi đến đó đều tự tiêu diệt. Ngài nêu ra chỉ dạy cho tương lai con đường giác ngộ rốt ráo Vô Thượng, lại không có đường tẽ vạy.

CHI 5. NHỮNG MA SỰ THUỘC THỨC ÁM

TIẾT A. TƯỚNG THÙ THẮNG CỦA HÀNH ÁM HẾT

A-nan, thiện nam tử kia tu pháp Tam-ma-địa, khi hành ám hết, thì cái then chốt lay động u ẩn, chúng sinh ra các loài thế gian, bỗng nhiên được xóa bỏ giềng mối vi tế quan hệ sâu xa, gây nghiệp chịu báo của ngã thể chúng sinh, cảm ứng đều bật dứt.

Tính của các thế giới, tức là chủng tính của mười hai loài chúng sinh ở trước. Hành ám khi mới lộ ra, thì thấy cái then chốt chung sinh ra chúng sinh, in tuồng như sóng nắng (dả mã). Nay thì cái then chốt chung sinh ra chúng sinh ấy bỗng nhiên được xóa bỏ. Đây

nguyên nhân sinh ra ba cõi đã đoạn dứt, ngôi vị này so với quả vô học của hàng Nhị thừa, hoặc từ Đại thừa sơ tâm, công dụng đến đây có thể tương đương với hàng Thất địa vậy. Trên màng lưới có sợi dây lớn gọi là giềng (cương). Trên cổ áo có cái quai gọi là nút (nũu). Đây là nói nguyên nhân trói cột mười hai loài chúng sinh, bị sinh diệt vì tế đã hết. Cái chịu quả báo, trả nghiệp cũng hết. Cảm ứng sâu xa đều là chỉ ra chỗ liên lạc của nhân quả. Đến đây nhân quả đã tiêu tan cả hai đều dứt tuyệt. “Bổ-đặc-già-la”, Trung Hoa dịch là “Sát thủ thú” (thường thường chấp giữ chỗ hướng đến).

Đối với bầu trời Niết-bàn sắp được rất tỏ sáng. Người đó như khi gà gáy tan. Xem qua phương Đông đã có ánh sáng.

Người đó đối với bầu trời Niết-bàn, sắp được rất tỏ sáng, đây là chỉ cho đại Niết-bàn. Nếu so với Nhị thừa, khi phá hành ám là đã chứng quả vô học. Ở trước tướng ám đã hết, như gà vừa gáy. Nay hành ám đã hết, ấy là nói sau khi gà gáy, nên bảo “xem qua phương Đông đã có ánh sáng”, đều là ví dụ cho hành ám đã hết vậy.

TIẾT B. PHẠM VI CỦA THỨC ẤM

Sáu căn rộng rang thanh tịnh, không còn dong ruổi. Trong ngoài đều lặng sáng, vào được tính vô sở nhập, thấu suốt nguyên do thọ mạng của mười hai loài chúng sinh trong mười phương. Xét rõ nguyên nhân do chấp trước gây nên, các loài không thể hấp dẫn được nơi mười phương thế giới đã nhận được tính đồng; tính trong sáng ấy không bị chìm mất, phát hiện ra một cách sâu kín, ấy gọi là phạm vi của thức ấm.

Hành ấm đã hết, thì cái sinh diệt bên trong dừng, tiền trần không lôi cuốn nữa, thì sáu căn rộng lặng, không còn dong ruổi. Do căn cảnh không dính nhau, nên tâm định tự sáng. Trong ngoài đều lặng sáng. Ngài Trường Thủy gọi là chỗ tịch chiếu sâu thẳm. Tịch chiếu đã sâu thì bên trong thấu triệt được cội nguồn, nên vào được tính “vô sở nhập”. Đây là căn cứ nơi sau khi hành ấm đã không, thuần là cảnh giới của thiện định chứ chẳng phải do tâm phân biệt (giác tâm) mà được. Do có thức ấm, nên tuy thâm đạt được nguyên do thọ mạng của mười hai loài chúng sinh, mà nói rằng, “xét nguyên do chấp trước gây nên, vẫn gọi là cái then chốt sinh ra”. Cái then chốt đó không cùng với các loài chúng sinh hấp

dẫn nhau, nên đối với mười phương thế giới đã nhận được tính đồng. Cũng do sinh diệt đã diệt, duy một tính vắng lặng; tính vắng lặng bất động đó, như dòng nước chảy gấp, trông như lặng yên, ấy gọi là thức thể. Do phá được hành âm mà thức âm hiện ra, nên nói, tính trong sáng ấy không chìm mất, chưa tiêu hết, nên nói phát hiện ra một cách sâu kín. Đây là phạm vi của thức âm vậy.

TIẾT C. TƯỚNG CỦA ẨM HẾT

Nếu đối với các loài chiêu dẫn đã chứng được trong tính đồng, đã tiêu hóa sáu căn, làm cho khi hợp khi chia đều được tự tại, cái thấy cái nghe thông nhau, tác dụng thanh tịnh thay thế lẫn nhau, thì mười phương thế giới, cùng với thân tâm đều như ngọc lưu ly; trong ngoài đều sáng suốt; ấy gọi là hết thức âm. Người ấy mới vượt khỏi mạng trước, xét lại nguyên do, cội gốc là vọng tưởng điên đảo huyễn hóa rỗng không.

Nương trên, đã phá hành âm thì các loài chẳng rời mà đã được tính đồng. Tính đồng đó, tức là chỉ cho thật thể vậy. Sinh diệt đã hết, căn trần không ngẫu hợp. Tuy bên ngoài không chỗ vào, bên trong không chỗ ra, chỉ nơi sáu căn được thuần nhất thanh tịnh, mà tác

dụng chưa thể lẫn dùng, là do có thức ấm còn tồn tại, pháp chấp vẫn còn, nên cần phải tiêu hết sáu căn. Bởi tiêu hết cái đồng kiến, mà không tiêu hết cái dị chấp vậy. Khi cái dị chấp vừa hết, tức có thể gom cái sáu quy về cái một. Đồng kiến nếu dứt, mới có thể tức là một, tức là sáu, nghĩa là hợp lại, chia ra đều được tự tại. Thấy nghe thông suốt, đến đây đã chuyển thức thành tàng, hoàn toàn bày tính giác, thế giới là thân tâm, trong ngoài sáng suốt. Thấy nghe nguyên không có tính giác, vượt khỏi sự ngăn cách của các trần, không còn hình trạng dị sinh; trong tính biết nhau, trong dụng trái nhau, thế ấy gọi là mạng trước. Mạng trước tức là thức ấm. Nay đã phá thức ấm, nên có thể liền siêu vượt vọng tưởng huyễn hóa. Nguyên cái mê tĩnh giác kia thành thức, thì sinh tướng vô minh, là hư vọng không có tự thể, vọng lấy đó làm gốc vậy.

TIẾT D. CẢNH GIỚI CỦA THỨC CÓ SAI KHÁC

DI. CHẤP NHÂN SỞ NHÂN.

A-nan, nên biết các thiện nam tử đó đã xét cùng tính không của các hành, trở về cội nguồn của thức, sinh diệt đã diệt, mà đối với quả tịch diệt tinh diệu chưa viên mãn. Người

đó có thể khiến nơi thân mình các căn khác nhau, khi hợp, khi chia và thông suốt với sự hay biết các loài trong mười phương; cái hay biết đó thông suốt vắng lặng, có thể vào tính bản viên. Nếu nơi chỗ quay về, lại lập ra cái nhân chân thường và quyết định như thế là đúng, thì người ấy sa vào cái chấp “nhân sở nhân”, trở thành bè bạn với bọn Ta-tỳ-ca-la; chấp Minh Đế là chỗ trở về, mê muội Bồ-đề của Phật, bỏ mất chính tri kiến; ấy gọi là bọn thứ nhất lập cái tâm sở đắc, thành quả sở quy, trái xa tính viên thông, đi ngược với đạo Niết-bàn, sinh ra giống ngoại đạo.

Cái sinh diệt đã diệt, mà tính tịnh diệu chưa viên mãn; nghĩa là tính Như lai tạng, vốn vắng lặng và viên mãn. Bởi từ cái sinh diệt này mới hết, mà hiện có định lực, chứ chẳng phải được cái gốc vắng lặng, nên nói chưa viên mãn. Song cũng khiến cho thân căn hợp lại, chia ra, các cái nhận biết đều thông suốt vào tính bản viên. Bởi tính thức đồng thể, chỉ vì cái sinh diệt che đậy, căn cảnh dị sinh, nay sinh diệt đã hết, tính bản viên phơi bày, càng tin biết căn môn (các căn) không hai, vạn loại là đồng, mà tướng ban đầu của vô minh chưa hết, sở tri vi tế trợn chướng ngăn, thì chỗ trở về (sở quy) có đường

tạm gá hóa thành nhân, đối với trong tính chân thường vọng có chỗ nương tựa, tức là rơi vào Minh đế. Ngoại đạo Ta-tỳ-ca-la nhận tướng mờ mờ ban đầu của A-lại-da cho là cái nhân “sở quy”, do đó mà có tâm sở đắc, mất hết chính tri giác, không trái mà trái, không có nhân mà thành sở nhân, luống tự chia đường.

D2, CHẤP NĂNG PHI NĂNG

A-nan, lại thiện nam tử kia, xét cùng tội tính không của các hành, cái sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt; nếu nơi chỗ trở về lại bám lấy đó làm tự thể, cho rằng tất cả chúng sinh trong mười hai loài, đều từ trong thân mình sinh ra và quyết định như thế là đúng, thì người đó sa vào cái chấp “năng phi năng”, thành bè bạn với bọn Ma-hê-thủ-la, hiện ra thân vô biên làm mê muội Bồ-đề của Phật, bỏ mất chính tri kiến; ấy gọi là bọn thứ hai, lập cái tâm năng vi thành cái quả năng sự, trái xa với tính viên thông, đi ngược đạo Niết-bàn, sinh ra giống Đại mạn thiên, chấp cái ta cùng khắp viên mãn.

Bám lấy thức làm thể hay sinh ra vạn vật. Trước lấy thức là chỗ trở về, nay lấy ngã làm

cái năng sinh (hay sinh ra). Đây chính là cái chấp của “Đại Tự Tại Thiên”. “Hiện vô biên thân”, nghĩa là mình hay hiện ra vô biên thân của chúng sinh, vọng chấp ngã hay làm (năng), mà không phải thật hay làm, nên gọi là chấp cái “năng phi năng”. Song đã lập tâm năng vi, thì ắt phải thành cái quả năng sự. Sinh Đại mạn thiên, tức là cái quả của năng sự vậy. Đại mạn tức là Ma-hê, không phải năng mà gọi là năng, nên gọi là Đại mạn. Luận Trí Độ nói: “Qua khỏi cõi trời Tịnh Cư, có hàng Bồ-tát thập trụ ở, cũng Tịnh Cư, hiệu là Đại Tự Tại Thiên Vương”. Kinh Luật Di Tướng nói: “Cõi trời thứ hai mươi hai trong Sắc giới, gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên, cõi thứ hai mươi ba gọi là Ma-hê-thủ-la Thiên, qua khỏi cõi Ngũ Tịnh Cư mà có tám chỗ”. Kinh Pháp Hoa giải là Tự Tại Thiên Tử, Đại Tự Tại Thiên Tử. Nên biết, Ma-hê-thủ-la, qua khỏi cõi Sắc Cứu Cánh, riêng có một cõi trời, nên nói cõi trời ấy ở trên danh cõi Sắc, chứ chẳng phải là Sắc Cứu Cánh. Ma-hê-thủ-la có ba con mắt, tám cánh tay, tức là Đại Tự Tại Thiên là chỗ tông quý của ngoại đạo.

D3. CHẤP THƯỜNG PHI THƯỜNG

Lại thiện nam tử, xét cùng tính không

các hành đã dứt cái sinh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu trong chỗ quay về thấy có chỗ nương về lại tự nghi thân tâm mình từ đó mà sinh ra và cả mười phương hư không đều từ đó sinh khởi, rời tức cái sinh ra tất cả đó, nhận là cái thể chân thường không sinh diệt, như thế là trong cái sinh diệt sớm chấp là thường trụ, chẳng những lầm tính bất sinh mà cũng mê tính sinh diệt, an trụ trong cái mê lầm, trầm trọng mà quyết định là đúng. Người ấy sa vào cái chấp “thường phi thường”, thành bè bạn với những kẻ chấp có Tự Tại Thiên; mê tính Bồ-đề của Phật, bỏ mất chính tri kiến; ấy gọi là bọn thứ ba, lập tâm nhân y, thành quả vọng ké, trái xa tính viên thường, đi ngược với đạo Niết-bàn, thành ra giống “đảo viên”.

Trước chấp thức tức là ngã, tất cả vạn vật từ ngã sinh ra. Đây là chấp ngã từ thức sinh. Mười phương hư không đều từ thức sinh, thức là Chân thường là chỗ của ta trở về nương tựa. Do chấp thức là thường, là hiện tại sinh diệt mà chấp là thường trụ. Đã mê tính vô sinh, lại lầm tâm sinh diệt, chẳng phải thường cho là thường, đồng với cái chấp ở trước, thành bạn bè với những kẻ chấp có Tự Tại Thiên vậy. Nương

nơi thức đã là sai lầm, chấp thường vẫn là giả dối, nên nói lập cái tâm nhân y, làm thành cái quả vọng chấp vậy.

D4. CHẤP TRI VÔ TRI

Lại thiện nam tử, xét cùng tính không các hành, đã diệt sinh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu cho hay biết, do hay biết cùng khắp, nên nhận cái biết mà lập thành chỗ nhận hiểu, cỏ cây mười phương đều gọi là hữu tình, cùng với người không khác. Cỏ cây sinh làm người, người chết trở lại làm cỏ cây trong mười phương, nơi cái hiểu biết cùng khắp, không có lựa chọn và quyết định như thế là đúng; người ấy sa vào cái chấp “tri vô tri”, thành bè bạn của bọn Bà-tra, Tiển-ni chấp tất cả đều có hay biết; mê lầm tính Bồ-đề của Phật, bỏ mất chính tri kiến; ấy gọi là bọn thứ tư chấp tâm viên tri, thành cái quả sai lầm, hư dối, trái xa tính viên thông, di ngược với đạo Niết-bàn, sinh ra giống “đảo tri”.

Quán thức có hiểu biết, thấy tất cả vạn vật đều do thức biến hiện, nên cho rằng cỏ cây mười phương đều là hữu tình, cùng với người không khác. Cỏ cây làm người, người làm cỏ

cây, không lựa chọn hữu tình, vô tình, đều là một tính hiểu biết cùng khắp. Cỏ cây không có hiểu biết, mà cháp có hiểu biết, nên nói cháp “tri vô tri”. Do không hiểu biết mà cháp là có hiểu biết, nên cũng gọi là đảo tri (biết trái ngược). Ngài Thanh Lương sơ rằng: “Kinh nói: Trừ ngôi đá ra tất cả đều có Phật tính”. Luận nói: “Ở trong số vô tình, gọi là Pháp tính, ở trong số hữu tình, gọi là Phật tính”. Rõ ràng biết loài vô tình không có hiểu biết, nên giải thích rằng, tính do từ duyên sinh, hữu tình và vô tình khác nhau, thì tính cũng khác nhau. Bà-tra, Tiển-ni là hai bọn ngoại đạo. Trong kinh Niết-bàn có vị Phạm Chí họ là Bà-la-tra, lại có một vị Phạm Chí nữa tên là Tiển-ni. Đức Như Lai vì hai vị ấy mà rộng nói pháp thường và vô thường; Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, đều chứng được con mắt chính pháp, thành quả A-la-hán.

D5. CHẤP SINH VÔ SINH

Lại thiện nam tử, xét cùng tính không của hành ấm, đã diệt sinh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tính tịch diệt. Nếu đã được tùy thuận trong căn viên dung, dùng thay lẫn nhau liên nơi tính viên dung, biến

hoá tất cả, phát sinh cầu cái ánh sáng của hỏa đại, ưa cái thanh tịnh của thủy đại, yêu cái châu lưu của phong đại, xét cái thành tựu của địa đại, rồi sùng phụng mỗi mỗi cái, nhận những tứ đại kia làm bản nhân và lập nó làm cái nhận hiểu thường trụ, thì người đó sa vào cái chấp “sinh vô sinh”, thành bè bạn với bọn ông Ca Diếp Ba và bọn Bà-la-môn, đem hết thân tâm thờ lửa, thờ nước để cầu ra khỏi sinh tử, mê muội Tính Bồ-đề của Phật, bỏ mất chính tri kiến; ấy gọi là bọn thứ năm chấp trước, phụng thờ, mê tâm theo vật, lập cái nhân mong cầu hư vọng, để cầu cái quả mong mỗi giả dối, tránh xa tính viên thông, đi ngược đạo Niết-bàn, sinh ra giống “diên hóa”.

Trên đã nói, nếu phá thức ấm, thì sáu căn liền có thể đều khai hợp, thanh tịnh thay dùng lẫn nhau. Đây là nói trong các căn thay dùng lẫn nhau. Đã được tùy thuận, tức đối trong chỗ tùy thuận, thấy đây là cảnh duy thức viên dung biến hóa, cho là tất cả tứ đại đều có thể phát sinh biến hóa. Đây cũng do chưa thâm đạt được cội gốc của tính giác, chẳng biết tứ đại chủng tử vọng tưởng sinh, vốn không phải là thường trụ, thì đâu có thể phát sinh ra quả thường trụ, nên nói là chấp “sinh vô sinh”. Bởi người tu tâm,

mà trở lại theo vật để cầu hiệu nghiệm, thật thế đó là chỗ nói lý “điên đảo hóa”.

D6. CHẤP QUY VÔ QUY

Lại thiện nam tử kia, xét cùng tính không của các hành, đã diệt sinh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu nơi cảnh viên minh chấp rỗng không trong viên minh, bác bỏ tiêu diệt các sự vật biến hoá, lấy tính tịch diệt hẳn làm chỗ quy y của mình và quyết định như thế là đúng, thì người đó sa vào cái chấp “quy vô quy”, thành bè bạn của bọn Thuấn-nhã-đa trong Vô Tướng Thiên, mê muội tính Bồ-đề của Phật, bỏ mất chính tri kiến; ấy gọi là bọn thủ sáu, viên thành cái tâm hư dối, lập ra cái quả không vọng, trái xa với tính viên thông, đi ngược với đạo Niết-bàn, sinh ra giống đoạn diệt.

Đây là ở trong cảnh viên minh của thức ám, thấy sinh diệt đã hết, rỗng không, không hình tượng, chấp cái không này làm chỗ quy y, liền muốn sa vào chỗ tiêu diệt sự biến hóa (quần hóa). Quần hóa, nghĩa là căn thân và khí giới. Đây tức là chư Thiên trong tứ không vô tướng. Trở về mà chẳng phải có chỗ trở về, nên gọi là chấp quy vô quy. “Thuấn-nhã-đa” là chỗ

trống không. Chấp không làm Niết-bàn, nên chỉ thành đoạn diệt.

D7. CHẤP THAM PHI THAM

Lại thiện nam tử, xét cùng tính không của các hành, đã diệt sinh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt, nếu nơi cảnh viên thường, củng cố cái thân thường trụ, như tính ấy mãi mãi không suy mất và quyết định như thế là đúng, thì người đó sa vào cái chấp “tham phi tham”, thành bạn bè của A-tử-đà câu trường sinh, mê muội tính Bồ-đề của Phật, bỏ mất chính tri kiến; ấy gọi là bợn thứ bảy, chấp trước cội nguồn mạng căn, lập cái nhân củng cố hư vọng, để đến cái quả kéo dài sự nhọc nhằn, trái xa tính viên thông, đi ngược với đạo Niết-bàn, sinh ra giống “vọng diên” (kéo dài hư dối).

Thức thể viên thường, không phải chân thật thường trụ, do diệt hết hành ám mà hiển bày cái lặng lẽ, hợp với lặng lẽ lầm cho là thường. Đã chẳng phải tỏ ngộ, lại muốn củng cố cái thân đồng nơi tinh viên, tham muốn lưu lại mãi cái hư huyền giả dối, sống lâu nhiều kiếp như số vi trần, nên nói là chấp “tham phi tham”. Nhân củng cố đã vọng, thì quả hưởng

đến cũng nhọc nhằn, thành hư dối, mất chính tri kiến. “A-tu-đà”, Trung Hoa dịch là Vô Tỷ, là tên của một vị tiên thời xưa vậy.

D8. CHẤP CHÂN PHI CHÂN

Lại thiện nam tử kia, xét cùng tính không của các hành, đã diệt sinh diệt, nhưng chưa viên mãn cho tinh diệu của tịch diệt, xét cho các mạng thông lẫn với nhau, muốn giữ lại cái trần lao, sợ nó tiêu hết, khi ấy bèn ngồi cùng hoa sen, hóa ra bảy thứ trân báu rất nhiều, cùng những gái đẹp, buông lung tâm mình và quyết định như thế là đúng, thì người ấy sa vào cái chấp “chân vô chân”, thành bè bạn của bọn Ca-chỉ-ca-la, mê muội tính Bồ-đề, bỏ mất chính tri kiến; ấy gọi là bọn thứ tám, lập cái nhân tà tư, thành cái quả xí trần, trái xa tính viên thông, đi ngược với đạo Niết-bàn, sinh ra giống “Thiên ma”.

Thức là cội gốc của mạng, thông suốt lẫn nhau, có ý liên lạc và giữ gìn, sợ thức diệt hết, thân thọ đều mất, nên chỗ mé diệt này, biến hóa ra nhiều dục trần, lấy đó tự cho là an ổn. Toan muốn trở về chân, mà trái lại cố lưu giữ nơi tục, nên nói là chấp “chân vô chân”. Do cái nhân tà chấp này mà khởi lên những việc trần

*lao. Ca-chỉ-ca-la ở trên đỉnh cội Tự Tại Thiên
Dục giới.*

D9. ĐỊNH TÍNH THANH VĂN

Lại thiện nam tử kia, xét tính không của các hành, đã diệt sinh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nơi thức thể viên minh cội gốc của sinh mạng phân biệt chỗ tinh, chỗ thô quyết đoán chỗ chân chỗ nguy; nơi nhân quả đền đáp nhau, chỉ cầu cảm ứng, trái với đạo Thanh Tịnh, nghĩa là chỉ thấy khổ đế, đoạn tập đế, chứng diệt đế, tu đạo đế; ở nơi diệt đế đã dứt rồi, lại không cầu tiến thêm nữa và quyết định như thế là đúng, thì người đó sa vào định tính Thanh văn, thành bè bạn của hàng Vô Văn, tăng thượng mạn; mê muội tính Bồ-đề của Phật, bỏ mất chín tri kiến; ấy gọi là bợn thứ chính viên mãn tâm tịnh ứng, thành cái quả thú tịch, trái xa với tính viên thông, di ngược với đạo Niết-bàn, sinh ra giống “Triền không”.

Thức là cội gốc của sinh mạng, thể nó tự viên minh, nên nói là mạng minh. Thức viên minh này tự hay phân biệt khổ đế và tập đế của hữu lậu, là thô, là nguy; đạo đế và diệt đế vô

lậu, là tinh, là chân. Do biết cái nhân đoạn, nên thành tựu được quả tu chứng. Nhân cảm quả ứng, đây là định tính Thanh văn. Lại chẳng cầu tiến thêm nữa, đức Như Lai gọi là ngu pháp, cũng gọi là kẻ Tăng thượng mạn. Hai chữ “Triền không”, nghĩa là bị cái không trói buộc, mê trái với bảo giác, đồng với hàng Vô Văn, là kẻ đáng thương xót vậy.

D10. ĐỊNH TÍNH DUYÊN GIÁC

Lại thiện nam tử kia, xét cùng tính không của các hành, đã diệt sinh diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở nơi Tính Giác Minh Thanh Tịnh Viên Dung mà phát minh tính thâm diệu, liền nhận làm Niết-bàn mà không cầu tiến lên nữa, và quyết định như thế là đúng; người đó sa vào hàng Định Tính Bích Chi, thành bè bạn với các vị Duyên giác, Độc Giác, không biết hồi tâm hướng về Đại thừa, mê muội tính Bồ-đề của Phật, bỏ mất chính tri kiến; ấy gọi là bọn thứ mười Viên thành giác tâm vắng lặng, lập ra cái quả trạm minh, trái xa với tính viên thông, đi ngược với đạo Niết-bàn, sinh ra giống giác ngộ viên minh, nhưng không hóa được tính viên.

Hành hết thì thức hiển bày, chỉ một tính giác minh thanh tịnh, tức ngay nơi đây mà an lập Niết-bàn; chẳng biết rằng tính vắng lặng (trạm) vào hợp với tính vắng lặng không phải là Niết-bàn chân thật. Kinh Viên Giác nói, người tâm vắng lặng, gọi đây là tính trạm minh, vì còn sót lại diệu dụng, nên nói rằng giống “chẳng hóa viên”. Các duyên là Duyên giác, Độc luân là định tính Độc giác. Duyên giác là y nơi giáo lý quán các duyên, chỉ rời các pháp duyên sinh giả dối, gọi là giải thoát. Định tính Độc giác, không nương theo lời Phật dạy, chỉ riêng ở nơi núi rừng, quán sự thịnh suy của bốn mùa, liền lập thành Niết-bàn rốt ráo. Kinh thuyết Diệu Pháp quyết định nghiệp chướng nói: Phật nói: “Nếu trong ba cõi có Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương, Sa-môn, Bà-la-môn, đều cùng tu hành làm Thiện tri thức, chỉ trừ hàng Thanh văn chẳng phải Thiện tri thức. Thanh văn, Duyên giác vì chỉ làm lợi ích cho mình, nên khuyến dẫn người mới tu hạnh Bồ-tát xoay về Tiểu thừa. Tất cả người phá giới tà hạnh, chẳng hay chướng ngại đạo Phật, đạo Bồ-tát, nhưng hàng Thanh văn, Duyên giác dùng thế để Vô ngã, lại không có phiền não, vì dùng trí tuệ ấy nên hay khiến cho hàng sơ học Bồ-tát

vào đạo của Thanh văn, mà không phải là hàng Bồ-tát Thiên tri thức vậy”. Lại mười món ma nghiệp trong kinh Hoa Nghiêm, gọi là quên mất tâm Bồ-đề, mà tu các căn lành, ấy là ma nghiệp. Cho đến ưa cầu Nhị thừa, không ưa thọ sinh, chỉ hướng về Niết-bàn, lìa ngũ dục thanh tịnh, ấy cũng là ma nghiệp. Bồ-tát phải gấp xa lìa, siêng năng cầu Phật quả. Do đó nên hàng Thanh văn, Duyên giác cũng thuộc trong số ma vậy.

TIẾT E. KẾT LUẬN VÀ BẢO TRUYỀN DẠY

A-nan, mười thứ Thiên-na như thế, giữa đường hóa điên, nhân nương theo sự mê lầm, trong chỗ chưa đủ, lại nhận là đã chứng đầy đủ, đều do thức ám công dụng tâm giao xen, nên sinh ngôi vị này. Chúng sinh mê muội không biết tự xét, gặp cảnh đó hiện tiền, mỗi mỗi dùng tâm mê lầm ưa thích những tập quán cũ, mà tự dừng nghỉ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo an ổn, tự bảo đã đầy đủ đạo Vô Thượng Bồ-đề, thành tội đại vọng ngữ. Bọn ngoại đạo tà ma, khi nghiệp báo chiêu cảm hết rồi, bị đọa vào ngục vô gián, hàng Thanh văn, Duyên giác thì không tiến thêm được nữa.

Bởi tám thứ mê lầm ở trước, nên sa vào tà ma ngoại đạo, hai thứ ở sau thì an trụ nơi Nhị

thừa. Nếu chỗ thiện nghiệp chiêu cảm đã hết, thì một bên đọa vào con đường địa ngục, một bên tột chỗ không còn tiến thêm nữa, xét rõ nguyên do, đều do chỗ yêu thích cảnh giới hiện tiền của tập khí cũ, liên sinh kiến chấp của ma. Phước tuệ của chúng sinh có giới hạn, nên giữa đường phát điên cuồng. Tri kiến của Như Lai vô biên, tâm phàm phu khó nhận đến rốt ráo, nên phải nhờ bậc Đại Giác thâm gia bị xa khai thị trong Thiên-na, khiến cho hàng sơ tâm, phát minh giác tâm vô thượng, không rơi vào cảnh giới, tùy duyên quán sát, thì dù có hai ba đường tẽ, cũng đâu có thể làm trở ngại cho người chân thật tu hành; chỉ khiến cho không sinh "ái kiến", thì có thể biết, ban đầu và rốt sau không hai vậy.

Trong năm mươi món ám ma, đều do trong Thiên-na, tâm công dụng giao xen, nên ban đầu từ cạn, sau dần đến sâu; trong kinh sắc ám ban đầu vào Thiên-na thì chỉ có thiên cảnh sai biệt, chứ chưa gặp ma khuấy nhiễu. Từ thọ ám về sau, Thiên-na sâu dần, mới có ma sự. Đây là do ma kinh sợ nên khuấy phá người tu thiên định không thể tránh khỏi. Song quán xét chín chắn, với ma cảnh, các ám sau càng thô, Thiên giả nếu thất ý (động niệm), thì càng trở

thành hạ liệt. Lại có chỗ sơ giải nơi sắc ấm ban đầu y cứ văn kinh giải thích, mỗi mỗi đều phát huy kiến tính. Cùng tột đến chỗ tinh vi, chỗ kiến tính đã đến tinh vi, thì Thiên-na lại càng sâu, tính thể tự nhiên ổn đáng. Ngay đó có cảnh ma hiện, cần phải xét chín chắn, chẳng nên xem thấy mà sinh cuồng loạn. Nói năm mươi món Thiên-na sai khác lẫn nhau, thật ra thì gồm cả hai thứ: phát minh sơ tâm và chưa phát minh sơ tâm, nên Thánh ý lẫn vì họ lược nói rõ. Xét về khi phát minh sơ tâm, khi mới vào Thiên-na, thì căn bản trí phải được sáng tỏ. Tông chỉ nhà sơ giải về ý này, đặc biệt y cứ nơi văn kinh, có chỗ vì muốn phát minh, thì đều vạch bày ra tất cả. Bởi hàng sơ tâm, do xem nghĩa mà tình sát, đây là lý do phải rành rõ. Nếu rành rõ nơi sơ tâm, lần lần vào sâu trong thiền định, thì ma sự không khuấy nhiễu, nên ở đây lược bớt; tức là ở trong chỗ nên rành rõ đó, âm thâm mà làm chỗ tiêu dừng. Nếu chưa phát minh sơ tâm, mà chỉ y nơi định để phá ấm, thì bị đắm sâu trong Tam-muội, ắt sinh ra dị kiến. Ma của chính mình và ma bên ngoài, đều ở nơi Thiên-na lần lần vào sâu, thì cảnh giới ma lại càng bày hiện. Nên trong kinh riêng đối với lúc phá các ấm sau, lại càng tăng thêm sự chia chẻ

lừa lọc. Đây vì những người chưa phát minh sơ tâm, khiến cho biết tùy chỗ mà tình sát. Nếu đã phát minh, thì căn bản trí sáng tỏ, sai biệt trí cũng cứu cánh. Ở đây căn cứ nơi người đã phát minh phải lược bớt, nên đối với người chưa phát minh phải nói rõ. Người chỉ thấy nói rành rõ cảnh giới ma thô thiển chồng chất lẫn nhau, mà chẳng biết Thánh ý có những sở thuộc của các ngài. Đến như hàng Nhị thừa khi chưa phá thức ám, chỉ bị hạn chế sự tiến lên, ngoài ra đều là bị trầm luân. Ở đây đâu những người đã phát minh mà còn có đường tẽ, cho đến đối với việc này lẫn xem sẽ tự không nghi vậy.

**CHI 6. TỔNG KẾT ÁM HẾT, THÀNH TỰU ĐƯỢC
KIM CANG, CÀN TUỆ, QUẢ ĐỊA VIÊN MÃN,
DỪNG ĐỂ KHUYÊN TINH TẤN TU HÀNH**

Các ông để tâm giữ gìn đạo của Như Lai nên đem pháp môn này, sau khi tôi diệt độ, truyền dạy cho đời mạt pháp, khiến cho khắp tất cả chúng sinh hiểu rõ nghĩa này, không để cho những ma tà kiến gây ra nạn lớn cho mình, giữ gìn cứu giúp tiêu hết duyên tà, khiến cho thân tâm được vào tri kiến của Phật, từ lúc bắt đầu đến thành tựu, không gặp các đường tẽ.

Đây là do Phật thấy biết, nên phó chúc dặn dò Đại chúng hiện tiền, nên vì đời sau, giữ gìn thân tâm, không để bị sa vào đường tẽ. Lòng từ bi chỉ dạy của đức Như Lai rất thấm thiết. Phàm là người có trách nhiệm với đạo này (đạo Phật), phải nên nhìn lên mà thể nhận vậy.

Pháp môn như thế, các đức Như Lai như số vi trần, trong hàng sa kiếp quá khứ, đều nương theo đây mà tâm khai ngộ đạo Vô Thượng.

Đây là tóm kết năm ám, và đi ngược lại năm mươi lăm ngôi vị để trọng về nơi càn tuệ. Như thế, chính chỉ có pháp môn phá ngũ ám mà các đức Như Lai trong ba đời, không có vị nào không do phá ngũ ám mà chứng quả Vô thượng Bồ-đề; nên vẫn sau mới hiển bày công hiệu khi thức ám diệt hết vậy.

Thức ám nếu hết rồi, thì hiện tiền các căn của ông đều được thay dùng lẫn nhau. Từ chỗ các căn thay dùng lẫn nhau, ông sẽ lên bậc Kim Cang Càn tuệ Bồ-tát cái Tâm Tịnh Diệu Viên Minh, trong ấy hóa ra như mặt trăng báu, hiện trong ngọc lưu ly trong sạch, rồi cứ như thế mà vượt lên Thập tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Tứ Gia

Hạnh Tâm, và Thập Địa Kim Cang của Bồ-tát; tính Đẳng Giác Viên Minh, vào biển Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, viên mãn đạo Bồ-đề, về chỗ vô sở đắc.

Kim Cang Càn tuệ, là do sau khi phá hết thức ám, mới hay chứng nhập, thì trong năm mươi ám đều tùy theo mỗi ám mà thẩm xét, đến khi phá hết thức ám, mới hiện viên mãn. Nên biết càn tuệ địa này, đồng với trong kinh Hoa Nghiêm khi mới phát minh, và chứng quả cứu cánh không khác; nếu có các ngôi vị sau, một thời đều thấu triệt, mà cũng không ngại hành bố (tiệm tu), chẳng nói đốn siêu. Nói đốn siêu ở đây, chính là khi đã phá thức ám, đồng thời chứng ngộ. Hoặc nói, từ ba tiệm thứ đã chứng được càn tuệ, rồi sau mới phá, không lẽ trong ma kiến tinh thô đều có đủ! Tôi cho rằng, trong năm mươi món ám, không luận là trước đã phát minh, hay chưa phát minh, thấy đều là sự sai biệt của cảnh giới Thiên định. Dùng để tiện cho người thực hành pháp tu tâm, hoặc đến khi phá thức ám, cũng không luận là trước đã phát minh, và chưa phát minh đều được đốn siêu; bởi do dụng công cùng tột mà chứng được, không đồng với bậc lợi căn, trực nhận được bản tâm, liền đồng với Phật. Bởi lý tuy đốn ngộ,

nhưng sự phải tiệm tu. Lại thuận theo trải qua các ngôi vị, chỉ khác ở nơi Tạng giáo và Thông giáo, một vị không biết một vị vậy. Tâm được trong sạch sáng suốt viên mãn, đều là nói quả thể (kết quả của tâm thể), phát sinh và hóa hiện ra là trên quả thể mà khởi diệu dụng. Trước nói, mười phương trong suốt, như lưu ly trong sạch, bên trong hàm chứa mặt trăng báu, vẫn là ở trong nhân. Nên chỗ này mới thật chứng quả đức, không riêng có thể dụng vàng ròng thêm sắc, lại tự một phen lật ngược cảnh giới vậy.

“Biển hiện trang nghiêm”, nghĩa là phước đầy đủ. “Viên mãn Bồ-đề”, là Tuệ đầy đủ. “Về chỗ vô sở đắc”, kinh Bát-nhã nói: “Ta ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, thật không có một pháp có thể được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác”. Đến đây có thể biết tất cả chúng sinh, đã chứng Viên giác ấy là lời nói chân, là lời nói thật vậy.

CHI 7. KẾT LUẬN VỀ TU TÂM TRỪ TÀ TUÂN THEO LỜI PHẬT DẠY

Đó là những ma sự vi tế, mà các đức Phật Thế Tôn đời quá khứ trước đã giác ngộ nghiệm xét, và phân tách trong lúc tu chỉ, và tu quán. Nếu khi cảnh ma hiện tiền, ông hay

biết rõ, thì rửa trừ được tâm cấu nhiễm, không mắc vào các tà kiến; ám ma đều tiêu diệt, thiên ma bị đánh tan, đại lực quý thần hoảng hốt chạy trốn, ly vọng lượng không còn sinh ra được, thì đi thẳng đến Bồ-đề không có thiếu sót. Những căn cơ hạ liệt tăng tiến lên, đối với Đại Niết-bàn tâm không mê lầm. Nếu có các chúng sinh ngu độn trong đời mạt pháp chưa biết Thiên-na, không hiểu thuyết pháp, ưa thích tu Tam-muội, ông e mắc vào tà kiến, thì nên nhất tâm khuyên bảo hộ trì thần chú Phật đánh của tôi, nếu không thể tụng được thần chú, thì nên viết trên thiền đường hoặc đeo nơi thân; như thế thì tất cả các ma không thể động đến được. Ông nên kính vâng khuôn phép cuối cùng về đường tu tiến rất ráo của mười phương Như Lai.

Đây là Phật định ninh, lập đi lập lại dạy bảo phải nương nơi chỗ dùng định tuệ bình đẳng, trong nhân của chư Phật trước mà xét rõ những ma sự vi tế, khiến cho ma tự tâm, thiên ma và tất cả ma, quỷ thần đồng thời tiêu diệt, những căn cơ bậc thượng, bậc trung và bậc hạ, đều không lạc vào đường tẽ. Lại vì chúng sinh ngu độn, trong đời mạt pháp về sau ưa thích tu

Tam-muội, e họ mắc vào các tà kiến, Phật còn bảo trì tụng, hoặc biên chép tâm chú dùng để che chở giữ gìn. Lòng từ bi chỉ dạy của đức Như Lai thật rất thâm thiết vậy.



MỤC IX: CHỈ RÕ THỨ LỚP TIÊU DIỆT CÁC ẤM VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CÁC ẤM

ĐOẠN I

THỈNH HỎI CẦU KHAI THỊ

Ông A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy nghe Phật dạy bảo đánh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót, ở trong Đại chúng lại bạch Phật rằng: “Như Phật đã dạy, trong tướng ngũ ấm có năm thứ hư vọng, làm tâm tưởng cội gốc; chúng con bình thường chưa được nhờ đức Như Lai khai thị tỉ mỉ như thế. Lại năm ấy là tiêu trừ một lần, hay theo thứ lớp mà hết? Năm lớp như thế đến đâu làm giới hạn? Cúi mong đức Như Lai mở lòng đại từ làm cho tâm và con mắt của Đại chúng này được trong sáng, để làm đạo nhãn tương lai cho cả chúng sinh trong đời mạt pháp”.

Trước nói năm ấm đều do vọng tưởng làm gốc, nương nơi đó lại khai thị danh mục. Lại hỏi trừ ngũ ấm đốn hay tiệm, và năm biên giới. Nơi đây đã tường tận, thì tâm mắt của hành giả được trong sáng, đối với trong Thiên-na rõ biết rất vi

tế. Ngài Khánh Hỷ có thể gọi là làm thuyên từ cứu giúp chúng sinh, bố thí vô giá, việc làm đó đâu có thể nói hết và dùng thí dụ được!

ĐOẠN II

ĐỨC NHƯ LAI ĐÁP THẮNG

CHI 1. HIỂN BÀY TÍNH CHÂN ĐỂ CHỈ RA VỌNG

Phật bảo ông A-nan: “Tính tinh chân là diệu minh, tính bản giác là viên tịnh, không có để lại sự sinh tử và các trần cấu, cho đến cả hư không cũng đều nhân nơi vọng tưởng mà sinh khởi. Tất cả cái ấy gốc nơi Bản Giác Diệu Minh Chân Tịnh vọng phát sinh ra các khí thế gian, như chàng Diễn-nhã-đạt-đa quên dầu mà nhận bóng. Vọng vốn không có nhân, ở trong vọng tưởng mà lập ra tính nhân duyên. Người mê tính nhân duyên thì gọi là tự nhiên. Cả tính hư không kia còn thật là huyền hóa sinh ra, và nhân duyên, tự nhiên đều là những sự so đo của vọng tâm chúng sinh. A-nan, biết do vọng sinh khởi mà nói nhân duyên vọng, nếu cái vọng vốn là không, thì nhân duyên vọng đó thật không có gì, huống nữa chẳng biết mà cho là tự nhiên. Thế nên đức Như Lai phát minh cho các ông rằng, bản nhân của ngũ ấm, đồng là vọng tưởng.

Tính giác là diệu minh, vốn không có sinh tử cùng với sắc không, để hiểu rõ sinh tử, sắc không ở trên tính giác, không có nhân mà vọng khởi, biết vọng không có nhân, nhân mê mà tự có, thì lập tính nhân duyên đã là hư vọng, lầm cho là tự nhiên lại càng thêm hư vọng, nên nói nhân duyên tự nhiên đều là những sự so đo của vọng tâm chúng sinh. Biết do vọng sinh khởi, là thể của tính giác tri ấy không tính do vọng động phát nghiệp mà có chuyển tướng và hiện tướng. Xét ra giác thể không tính, thì vọng động cũng không thể chuyển tướng, hiện tướng cùng với căn thân, thế giới hiện tiền nơi tâm tự giác là như huyễn, như bóng, nên nói nhân duyên hư vọng, vốn không có gì. Nhân duyên đã không, huống nữa lại có đối đãi mà nói là tự nhiên ư? Càng bảo đảm rằng năm ấm cũng vốn không thật có, đều là do vọng tưởng mà tự có, tự không, nhưng đối với tính Bồ-đề chưa từng dao động vậy.

CHI 2. KHAI THỊ BẢN NHÂN CỦA NĂM ẤM

TIẾT A. BẢN NHÂN CỦA SẮC ẤM

Thân thể của ông, trước kia nhân cái tướng của cha mẹ mà sinh ra. Tâm của ông

nếu không phải là tướng, thì không thể đến trong tướng để truyền mạng. Như trước tôi đã nói, trong tâm tướng vị chua, thì nước bọt trong miệng chảy ra; tâm tướng lên cao, thì lòng bàn chân nghe ghê rợn. Đốc cao không có, vị chua chưa đến, cái thân thể của ông nếu không phải đến cùng loài hư vọng thì làm sao, nhân nghe nói chua, trong miệng nước bọt lại chảy ra, vậy nên biết sắc thân hiện tiền của ông, gọi là vọng tướng kiên cố thứ nhất.

Bởi cha mẹ giao hợp, tinh huyết tiết ra, ấy là do trước từ cái tướng của cha mẹ, tâm ông nếu không có cái tướng đó, thì ắt không thể đến gá trong cái tướng của cha mẹ để truyền mệnh, nghĩa là đồng tướng thành ra ái, ba chỗ hòa hợp mới thành thân này vậy. Thân thể đã từ vọng tướng sinh, thì toàn thể đều thành vọng. Tướng vị chua thì trong miệng chảy ra nước bọt, tướng lên cao thì nơi lòng bàn chân ghê rợn. Đây là để thấy đồng loại hư vọng “vọng tướng kiên cố”, nghĩa là trong cái tướng yêu và ghét, rất là kiên cố; sắc tướng là chất ngại, cũng có nghĩa là “kiên cố”.

TIẾT B. BẢN NHÂN CỦA THỌ ẤM

Tức nơi tâm tướng tượng, việc lên cao

vừa nói ở trước, nó có thể khiến thân ông thật chịu ghê rợn. Do nhân các thọ sinh ra, có thể xúc động sắc thân. Vậy hiện nay hai thứ thọ, thuận thì tăng ích, nghịch thì tổn giảm, cả hai đều hiện đang dong ruổi nơi ông, gọi là vọng tưởng hư minh thứ hai.

Do nhân thật nhận thọ sự ghê rợn, nên biết thọ hay xúc động thân thể. “Nghịch thuận”, tức là hai thọ: khổ và vui. “Hiện đang dong ruổi nơi ông”, cũng là thọ hay xúc động thân thể. “Hư”, nên hay lãnh nạp; “minh”, nên hay rõ biết vị, đều là trạng thái cùng tốt thọ là hư vọng.

TIẾT C. BẢN NHÂN CỦA TƯỞNG ẤM

Do những ý nghĩ sai khiến sắc thân của ông, nếu sắc thân không phải cùng loài, thì thân ông nhân vì theo ý nghĩ sai khiến nhận các thứ hình tượng sinh tâm, chấp nhận các hình tượng phù hợp với ý nghĩ, lúc thức là tâm tưởng, lúc ngủ là chiêm bao. Những vọng tình lay động, tưởng nghĩ của ông đó gọi là vọng tưởng dung thông thứ ba.

Đây là nêu lên sắc thân thường bị niệm lự sai khiến, dùng để hiển bày tưởng ấm dung thông, khắp nơi thân thể, thông cả khi thức, lúc

ngủ, toàn thể là giác tâm do vọng tình mà có giao động. Chúng sinh ở trong mê thật không thể tự giác ngộ.

TIẾT D. BẢN NHÂN CỦA HÀNH ẤM

Lý chuyển hóa không dừng, xoay vần thâm thâm dời đổi, móng tay dài, tóc mọc ra, khí lực tiêu, da mặt nhăn, ngày đêm thay đổi, mà không hề hay biết. A-nan, nếu cái đó không phải là ông, thì làm sao thân ông lại dời đổi; nhưng nếu nó thật là ông, thì làm sao ông lại không hay biết? Vậy các hành mỗi niệm không dừng của ông, gọi là vọng tướng u ẩn thứ tư.

Hành ấm thâm thâm dời đổi, đương nhân không hay biết, như móng tay dài, tóc mọc ra, khí lực tiêu, da mặt nhăn, đều là sự thâm thâm dời đổi trong cái bất giác. Câu "nếu cái đó không phải là ông, thì làm sao thân thể ông lại dời đổi; nhưng nếu nó thật là ông, thì sao ông lại không hay biết?". Chính là hiển bày toàn thể là vọng rất vi tế u ẩn, tự không phải tướng hết, thì rất khó bày lộ ra vậy.

TIẾT E. BẢN NHÂN CỦA THỨC ẤM

Lại chỗ tinh minh đứng lặng không lay

động của ông, gọi là thường còn, thì thân ông không ra ngoài sự thấy, nghe, hay, biết. Nếu nó thật là tính tinh chân, thì không cho huân tập được các điều vọng. Nhân vì các ông trong mấy năm trước, đã từng xem một vật lạ, trải qua nhiều năm không hề nghĩ đến. Về sau bỗng nhiên lại xem thấy vật lạ đó, thì nhớ lại rõ ràng không có thiếu sót. Vậy trong tính tinh minh đứng lặng không lay động ấy, từng niệm, từng niệm chịu sự huân tập không thể tính toán hết được. A-nan, nên biết cái đứng lặng đó không phải thật, như dòng nước chảy nhanh, trông như yên lặng, vì chảy quá nhanh mà không thấy, chứ không phải là không chảy. Nếu cội gốc cái đó không phải là vọng tưởng, thì đâu chịu để cho hư vọng huân tập. Nếu sáu căn của ông chưa được tự tại, chia hợp dùng thay lẫn nhau; thì cái vọng tưởng đó, không lúc nào diệt được. Vậy nên hiện nay cái tập khí quán xuyên tập trung những điều thấy, nghe, hay, biết của ông là cái vọng tưởng điên đảo, vi tế huyền hóa rỗng không thứ năm, trong tính trạm liễu của ông.

Tính tinh minh thường đứng lặng, đây là do đã diệt cái sinh diệt mà thấy như vậy, do có tập khí quán xuyên, nên từng niệm, từng niệm,

chịu huân tập, in tuồng như đứng lặng mà không phải đứng lặng. Xưa đã thấy, nay xem lại, nghiệm biết nhớ ra rõ ràng không sai sót, cái nhớ cũ không thể quên. Đây là nói rõ những ký ức chấp giữ là thuộc về thức tính, không phải sáu căn của ông khai hợp, thì cái vọng tưởng đó, không lúc nào diệt mất. Bởi thức hết rồi sau sáu căn mới khai hợp, chứ không phải sáu căn hợp khai rồi sau sáu thức mới hết. Xét về sáu căn không phải tuyệt đối ngăn cách, vì bị thức phân chia, tức đương khi sinh diệt đã mất, mà những ký ức vi tế còn dính khắn nên nhất định khi thức hết mới viên mãn vậy. Đồng một cái thấy, nghe, hay biết này, nếu chưa trải qua xoay trở về nguồn, tuy hiện tiền có trạm liễu (đứng lặng rõ ràng) mà vẫn còn một phần vọng tưởng, như cách tấm lụa mỏng; nghĩa là tinh tường vi tế vậy.

CHI 3. KHAI THỊ VỀ BIÊN GIỚI CỦA CÁC ẤM

A-nan, năm thứ ấm đó, là do năm thứ vọng tưởng tạo thành.

Nhân vọng mà có các ấm, ấm thọ nơi tướng mà tạo thành. Đây là kết lại năm ấm, mà khởi ra ranh giới của ấm, nơi vẫn sau.

Nay ông muốn biết giới hạn cạn sâu, thì

chỉ sắc và không là biên giới của sắc ấm; chỉ xúc và ly là biên giới của thọ ấm; chỉ nhớ và quên, là biên giới của tưởng ấm; chỉ diệt và sinh, là biên giới của hành ấm, đứng lặng vào hợp với đứng lặng, trở về bờ mé của thức ấm.

Trước đã hỏi năm lớp như thế, đến đâu làm giới hạn. Đây mới đáp giới hạn vậy. Bởi năm ấm không có giới hạn, nhân nhau mà thành giới, như sắc nhân không mà thành biên giới của sắc. Nên biết, nếu sắc thật hết, thì không cũng đều hết; cho đến “cái đứng lặng vào đã hết thì cái hợp với cái đứng lặng cũng hết”. Xét về thức xoay vần sinh diệt, mà vào nơi thể giác đứng lặng sáng suốt, thì vào và hợp đều là biên giới của thức ấm, chứ chẳng phải là thức ấm hết. Do đây mà biết, tính giác diệu minh, chẳng phải chỗ phân biệt mà có thể đến được.

CHI 4. KHAI THỊ CHỨNG NGỘ THÌ DỆP TRỪ ĐỐN TIÊM

Cội nguồn năm ấm này vốn trùng điệp sinh khởi. Sinh, nhân thức ấm mà có, diệt, từ sắc ấm mà trừ; lý thì ngộ liền, nhân cái ngộ đều tiêu; sự không phải trừ liền, theo thứ lớp mới diệt hết.

Mê tàng làm thức mới có tất cả kiến tướng phát sinh; nên nói, sinh nhân thức mà có. Nên biết nhân nơi thức thì tất cả những tướng trong ngoài sinh ra, đều không phân biệt; phân biệt đã không, thì tướng sinh ra cũng theo đó mà diệt; nên nói, diệt từ sắc ấm mà trừ. Thiền giả phát minh tự tâm, thấy tính bản giác chỉ là một tính giác, lại không có việc khác, thì tất cả tính sắc, tức là tính giác, tất cả tính thọ, tưởng, hành, thức, tức là tính giác; chẳng phải sắc, chẳng phải không, chẳng phải xúc, chẳng phải ly, không nhớ, không quên, không sinh, không diệt, không có cái đứng lặng để vào, không có cái hợp với cái đứng lặng, chỉ là một tính giác, bản lai là như vậy, đồng với chưa ngộ, nên nói lý thì ngộ liền, nhân cái ngộ đều tiêu vậy. Song trong kinh Hoa Nghiêm khi mới phát tâm, tức thành chính giác. Hàng Tam Hiền, Thập Thánh, thứ lớp tu chứng, một niệm không sinh, thì biết không phải riêng có; sáu căn thay dùng lẫn nhau, ứng hiện cũng có thời; vật tượng trước mắt, không phải là cảnh giới có thể nghĩ bàn. Nhưng cảnh giới bên ngoài nhiều như cát bụi, phải tin ở trong nhân mà có đối đãi; nghĩa là sự không phải trừ liền, mà phải nhân nơi thứ lớp mới biết vậy.

CHI 5. KẾT LUẬN VÀ BẢO TRUYỀN DẠY

Tôi đã chỉ cho ông về cái gút nơi khăn Kiếp-ba-la có chỗ nào không rõ mà ông phải hỏi lại. Tâm ông cần phải thông suốt về cội gốc vọng tưởng đó để truyền dạy cho người tu hành trong đời mạt pháp sau này, khiến cho họ biết hư vọng mà tự sinh nhàm chán, và biết rõ có Niết-bàn nên không luyến tiếc ba cõi”.

Đây là lời Phật di chúc cho ông A-nan đối với trong các ám mà nhận sâu cội gốc của vọng tưởng, khiến cho tâm được sáng tỏ, để khéo làm tin tức, rồi sau mới đem truyền dạy cho đời mạt pháp, khiến cho thâm đạt cái hư vọng xoay trở lại tính chân thường. Sắc tâm của năm uẩn có chỗ cùng tận, mà nhà lửa trong ba cõi khó an, vốn đã sẵn có Niết-bàn, chớ tùy thuận theo sinh tử!



PHẦN THỨ BA: PHẦN LƯU THÔNG

CHƯƠNG I: LƯU THÔNG CỦA KINH NÀY

MỤC I: ĐƯỢC PHÚC HƠN CẢ

A-nan, nếu như có người đem bảy thứ báu đầy đầy hư không cùng khắp mười phương, dùng dâng lên chư Phật, nhiều như số vi trần, kính thờ cúng dường tâm không lúc nào xao lãng; ý ông nghĩ thế nào, người ấy do nhân duyên cúng Phật như thế, được phước có nhiều chăng?

Ông A-nan thưa: “Hư không không hết, trân bảo không cùng; thuở xưa có chúng sinh cúng Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân còn được vị Chuyển Luân Thánh Vương; huống nữa hiện tiền dùng thất bảo đầy cả hư không, cúng dường khắp cả các cõi Phật, thì dấu cho suy nghĩ cùng tột cả số kiếp còn không thể thấu được; phước ấy làm sao còn lại có bờ bến”.

So lường sự được phước hơn cả, không qua tài sản, phước điền và tâm mà thôi. Nay tài sản đã đầy cả hư không, là tài sản hơn cả không gì hơn. Chư Phật nhiều như số vi trần là phước điền hơn cả không gì hơn. Vô lượng, cúng dường, tâm không lúc nào xao lãng là tâm hơn cả không gì hơn. Do ba cái hơn cả này, thí hết số lượng. Lại dẫn đem bảy đồng tiền cúng Phật, phước báu được làm Chuyển Luân Thánh Vương, là lấy cái kém để so sánh với cái hơn, đều để thấy cái phước kia không thể nói hết vậy.



MỤC II: TIÊU TỘI HƠN CẢ

Phật bảo ông A-nan: “Chư Phật Như Lai lời nói không có hư vọng. Ví như có người gây đủ bốn trọng tội, mười tội Ba-la-di, trong khoảng nháy mắt phải trải qua địa ngục A Tỳ, phương này, phương khác cho đến cùng tột các địa ngục Vô Gian trong mười phương, không nơi nào chẳng trải qua; nếu người đó dùng một niệm, đem pháp môn này ở trong đời mạt pháp khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp, thì tội chướng của người đó liền được tiêu diệt, biến cái nhân khổ trong địa ngục, thành cái nhân cõi nước An Lạc, được phước vượt hơn người làm việc bố thí cúng dường trước kia trăm lần, ngàn lần, ngàn vạn ức lần, như thế cho đến tính toán thí dụ cũng không thể nói hết được.

Đây lại so sánh cái lượng của tội ngũ nghịch, cũng không vượt qua bốn tội trọng và mười tội Ba-la-di. Nếu có một tội này, thì đâu có thể khỏi đọa vào ngục Nê Lê. Một thân hoàn toàn đủ, thì địa ngục A Tỳ đâu có thể cùng tận. Người ấy có thể dùng một niệm đem pháp môn này khai thị cho người chưa học trong đời mạt

pháp, thì tội chướng của người đó liền được tiêu diệt, chuyển nhân khổ làm nhân vui, chuyển tội làm phước, so sánh với người bố thí cúng dường trước, gấp ngàn, gấp vạn ức lần, cho đến không thể nói cho hết. Tóm lại, phước lớn có cùng tội, thì tội nặng trọn cũng cùng tội, mà tâm Phật ở đây, vượt quá hơn hư không, viên dung trong ba đời. Nếu đem kinh chỉ dạy cho người phát minh được căn tính cùng tội, cái nghe, cái không và tâm giác, thì ở đây đâu có tội phước mà có thể ức dương (đề xuống hay đỡ lên). Nên tuy chỉ có một niệm hồi quang, đã đồng với bản đức (được gốc), hướng nữa người ấy lấy chúng sinh làm trách nhiệm chính mình đấy thay!



MỤC III: DỆP TRỪ MA HƠN CẢ

A-nan, nếu có chúng sinh biết tụng kinh này, biết trì thần chú này, nếu như tôi đã nói rộng ra, thì cùng tột các kiếp cũng không thể hết; nương theo lời chỉ dạy của tôi, y theo lời dạy đó mà tu hành thì thẳng đến đạo Bồ-đề, không còn có các ma sự”.

Đây là Phật đĩnh ninh chỉ dạy các lợi ích của người biết tụng kinh, trì chú, mà chung qui chú trọng ở nơi nương theo lời chỉ dạy mà tu hành để khỏi các ma sự. Đây là Như Lai nhắm vào hàng sơ tâm đều là một nhân duyên việc lớn này. Ân lớn của Phật thật khó đền. Phàm là người có tâm đạo phải nên cố gắng.



CHƯƠNG HAI

LƯU THÔNG CHUNG

Phật nói kinh này rồi, các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả loài Trời, Người, loài A-tu-la trong thế gian, các vị Bồ-tát, Nhị thừa, Thánh Tiên, Đồng tử cõi khác và các Đại lực Quỷ Thần mới phát tâm, đều rất vui mừng làm lễ rồi lui.

Kinh Văn Thù Sở Vấn nói: Vui mừng, vâng làm có ba nghĩa: 1/ Người nói thanh tịnh: Không bị chấp trước lợi dưỡng làm nhiễm. 2/ Nghĩa nói ra thanh tịnh: Do biết pháp thể như thật. 3/ Đắc quả thanh tịnh: Tức là nói sự lợi ích vậy.

HẾT

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	5
Lời người dịch	9
Lời tựa I.....	15
Lời tựa II	19
Tổng luận.....	25

QUYỂN NHẤT

ĐỀ MỤC KINH

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHÂN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA CHỮ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LÃNG NGHIÊM TRỰC CHỈ.....	41
---	----

PHẦN THỨ NHẤT - PHẦN TỰA

CHƯƠNG MỘT: TỰA CHUNG - THÔNG LỆ CÁC KINH

1.- Nói về thời gian và nơi chốn.....	45
2.- Nêu bày thính chúng trong Hội.....	46

CHƯƠNG HAI: TỰA RIÊNG - DUYÊN KHỞI

1.- Vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật.....	52
2.- A-nan lần lượt khát thực bị bắt.....	52

3.- Phật bảo ngài Văn Thù đem thần chú đến cứu hộ ông A-nan.....	55
4.- A-nan khóc lóc và hối hận thỉnh Phật dạy phương pháp tu hành.....	56

PHẦN THỨ HAI - PHẦN CHÍNH TÔNG

CHƯƠNG MỘT: CHỈ NGAY CHỖ VIÊN NGỘ

<i>MỤC I: GẶN HỎI CÁI TÂM.....</i>	59
Đoạn I: Nêu nguyên do lưu chuyển và thường trụ.....	59
Chi 1 - GẶn chỗ phát tâm.....	59
Chi 2 - Phân chia chân vọng.....	60
Chi 3 - Dạy trực tâm.....	62
Chi 4 - GẶn hỏi tâm và mắt.....	63
Đoạn II: Chấp tâm ở trong thân.....	65
Chi 1 - Chính chấp trong thân.....	65
Chi 2 - Nêu ra hiện tiền ước định.....	66
Chi 3 - Phật an ủi và giảng rộng.....	67
Chi 4 - GẶn cùng ở trong thân.....	68
Đoạn III: Chấp tâm ở ngoài thân.....	70
Chi 1 - Chấp tâm ở ngoài thân.....	70
Chi 2 - GẶn cùng chẳng phải ngoài thân.....	71
Đoạn IV: Chấp tâm núp trong con mắt.....	72
Chi 1 - Chấp tâm núp trong con mắt.....	72
Chi 2 - GẶn cùng chẳng phải tâm núp trong con mắt.....	73

Đoạn V: Mở nhắm sáng tối	74
Chi 1 - Chính chấp mở nhắm sáng tối.....	74
Chi 2 - Gạn cùng chẳng phải nhắm mở sáng tối	75
Đoạn VI: Tâm tùy chỗ hòa hợp mà có	77
Chi 1 - Chấp tùy chỗ hòa hợp	77
Chi 2 - Gạn cùng chẳng phải tùy chỗ hòa hợp	78
Đoạn VII: Chấp tâm ở chặng giữa.....	81
Chi 1 - Chính chấp tâm ở chặng giữa	81
Chi 2 - Gạn cùng chẳng phải chặng giữa	82
Đoạn VIII: Chấp tất cả không dính mắc.....	85
Chi 1 - Chính chấp không dính mắc	85
Chi 2 - Gạn cùng chẳng phải không dính mắc	86

MỤC II: HIỂN BÀY CĂN VÀ TÍNH THẤY

Đoạn I: Hối hận nghe nhiều, cầu dạy mé chân	89
Đoạn II: Phật phóng hào quang tiêu biểu căn tính tròn sáng	90
Đoạn III: Chỉ hai món căn bản chia riêng mê ngộ	93
Đoạn IV: Nương cái thấy để gạn tâm.....	96
Đoạn V: Chỉ cái hay suy nghĩ có thật thể.....	98
Chi 1 - Bác cái hay suy nghĩ.....	98
Chi 2 - Cầu xin chỉ dạy.....	100
Chi 3 - Chính chỉ toàn tính.....	101
Đoạn VI: Hiển bày tính thấy chẳng phải mắt.....	106
Chi 1 - Trách nghe nhiều.....	106
Chi 2 - Bày chương cầu chỉ dạy.....	107

Chi 3 - Phóng quang tiêu biểu nói Pháp	109
Chi 4 - Chính chỉ cái thấy là tâm	110
- Tiết A. Lấy nắm tay lệ cho cái thấy	110
- Tiết B. Chỉ cái thấy tối không phải không có cái thấy	112
- Tiết C. Dùng đèn để so sánh với con mắt để hiển bày cái thấy	113
* c ₁ . Nghi thấy tối chẳng phải là thấy.....	113
* c ₂ . Dụ tối sáng không khác, chỉ cái thấy là tâm	113
Đoạn VII: Gạn hai nghĩa khách trần, để chỉ ông chủ và hư không hiển bày tính thấy	
Chi 1 - Như Lai hỏi nhân do được ngộ.....	116
Chi 2 - Thuật hai nghĩa ngộ được khách trần....	117
- Tiết A. Thuật lại nghĩa khách.....	117
- Tiết B. Thuật lại nghĩa trần	118
Chi 3 - Lấy cái động tịnh để hiển bày cái thấy	119
_ Tiết A. Tay xòe, nắm để gạn cái thấy thường còn.....	119
_ Tiết B. Phóng quang để hỏi cái thấy không động	120
_ Tiết C. Chính chỉ tính thấy không có động tịnh cơ mở.....	121

QUYỂN HAI

Đoạn VIII: Khai thị tính thấy chẳng diệt.....	125
Chi 1 - Cầu chỉ cái sinh diệt và chẳng sinh diệt	125

Chi 2 - Vua Ba-tư-nặc khả tỉnh.....	126
Chi 3 - Gạn hỏi sự biến đổi trong nhục thân	127
Chi 4 - So sánh nhan sắc lúc trẻ và già.....	128
Chi 5 - Xét sự thâm thâm thay đổi.....	129
Chi 6 - Chính chỉ tính không sinh không diệt ...	131
- Tiết A. Hỏi trong thân cái gì chẳng sinh diệt	131
- Tiết B. Hỏi thấy nước đồng và khác, để nêu ra tính không sinh không diệt	131
* b ₁ - Gạn hỏi khi thấy nước.....	131
* b ₂ - Gạn hỏi thấy nước đồng khác	132
* b ₃ - Riêng gạn hỏi cái thấy đồng khác.....	133
* b ₄ - Chỉ tính thấy không biến đổi.....	133
Đoạn IX: Chỉ cái điên đảo hiện tại.....	135
Chi 1 - Hỏi chỗ sót mất điên đảo	135
Chi 2 - Đức Như Lai chỉ cánh tay để gạn hỏi cái điên đảo	136
Chi 3 - Chính chỉ cái điên đảo	139
Đoạn X: Giản trạch tâm duyên để chỉ tính thấy không chỗ trả về	144
Chi 1 - Trước bày chỗ ngộ chẳng dám tự nhận	144
Chi 2 - Trách nhận ngón tay dùng để giản trạch tâm phân biệt đều có chỗ trả về.....	145
Chi 3 - Chỉ tính thấy không chỗ trả về.....	149
- Tiết A. Hỏi chỗ không trả về.....	149
- Tiết B. Chỉ tính thấy không phải bóng	149

- Tiết C. Nêu tám thứ trần tượng	150
- Tiết D. Chỉ tám thứ trả về	151
- Tiết E. Chính chỉ cái không thể trả về.....	152
Đoạn XI: Lựa riêng trần cảnh để nêu ra tính thấy.....	154
Chi 1 - Vật không phải ta	154
Chi 2 - Hiện bày tính thấy chẳng phải vật	157
Chi 3 - Chỉ rõ vật và ta không lẫn lộn.....	159
Chi 4 - Nghi cái thấy có lớn nhỏ dứt nối.....	161
Chi 5 - Chỉ tiền trần làm ngăn ngại	162
- Tiết A. Dụ đồ vật và hư không.....	162
- Tiết B. Bỏ đồ vật vuông tròn.....	163
Chi 6 - Khai thị về chuyển được vật.....	165

MỤC III: NÊU TÍNH THẤY RA NGOÀI NGHĨA PHẢI VÀ CHẴNG PHẢI

Đoạn I: Nghi cái thấy hiện ở trước mắt	167
Đoạn II: Chỉ ra không có cái gì tức là cái thấy	169
Chi 1 - Nêu tướng để gạn hỏi cái thấy	169
Chi 2 - Đáp không phải cái thấy.....	170
Đoạn III: Chỉ ra không có cái gì ngoài cái thấy.....	172
Chi 1 - Nói cái không phải để đổi lại gạn hỏi cái gì chẳng phải cái thấy	172
Chi 2 - Đáp không cái gì chẳng phải cái thấy...	172
Đoạn IV: Ngài Văn Thù thỉnh Phật phát minh hai nghiã	174
Chi 1 - Đại chúng lo sợ.....	174
Chi 2 - Phật nói lời thật để an ủi.....	175

Chi 3 - Ngài Văn Thù thỉnh Phật phát minh	176
Đoạn V: Chính chỉ cái thấy không có cái "phải" và "chẳng phải"	177
Chi 1 - Hội chung kiến và tướng nguyên là Bồ Đề	177
Chi 2 - Phật dạy Ngài Văn Thù để tiêu biểu không hai tướng	178
Chi 3 - Chính phát minh tính thấy để chỉ ra nghĩa "phải" hay "chẳng phải"	180
MỤC IV: BÁC THUYẾT NHÂN DUYÊN TỰ NHIÊN ĐỂ HIỂN BÀY NHẬN THẤY THẬT TƯỚNG CỦA TÍNH THẤY	
Đoạn I: Nghi tính giác đồng với tự nhiên như thần ngã ...	183
Đoạn II: Chỉ ra chẳng phải tự nhiên	185
Đoạn III: Nghi nhân duyên	187
Đoạn IV: Chỉ ra tính thấy không phải nhân duyên và kết luận tính thấy rời danh tướng	187
Đoạn V: Lại nghi nhân duyên	189
Đoạn VI: Phật lại bác nhân duyên tự nhiên để nêu ra tính thấy rời cả bốn tướng	190
Đoạn VII: Chỉ thẳng thấy được thật tướng của tính thấy .	192
MỤC V: CHỈ RA CÁI THẤY VỌNG ĐỂ HIỂN BÀY CÁI THẤY	
Đoạn I: Thỉnh Phật chỉ dạy nghĩa nhận được tính thấy không phải là cái thấy	199
Đoạn II: Trước khi dạy pháp tổng trì, dặn bảo phải nghe cho chín chắn.....	200
Đoạn III: Chỉ hai thứ vọng thấy.....	201
Chi 1 - Chỉ tướng chung của hai thứ điên đảo...	201

Chi 2 - Chỉ cái thấy sai lầm do nghiệp riêng	202
Chi 3 - Chỉ cái thấy sai lầm do nghiệp chung ...	205
Đoạn IV: So sánh cái thấy hiện tiền để chỉ rõ nhận được tính thấy không phải là cái thấy xa lìa hòa hợp viên mãn đạo Bồ Đề	207
Chi 1 - Dùng nghiệp riêng so sánh cái xem thấy hiện tại để chứng minh nhận thấy tính thấy	207
Chi 2 - Lấy nghiệp chung so với nghiệp riêng, đi đến nhận rõ sự thực trong mười phương ...	211
Chi 3 - Phật bác nghĩa hòa hợp và chẳng hòa hợp	214
- Tiết A. Lập lại nghĩa hòa hợp và chẳng hòa hợp	214
- Tiết B. Bác hòa hợp	215
- Tiết C. Bác chẳng phải hòa hợp	218

**MỤC VI: TÓM THU BỐN KHOA BẢY ĐẠI VỀ NHƯ LAI
TẠNG ĐỂ PHÁT KHỞI CHÂN NGỘ**

Đoạn I: Tóm thu	221
Đoạn II: Thu năm ấm	225
Chi 1 - Thu sắc ấm	225
Chi 2 - Thu thọ ấm	228
Chi 3 - Thu tưởng ấm	229
Chi 4 - Thu hành ấm	230
Chi 5 - Thu thức ấm	232

QUYỂN BA

Đoạn III: Thu lục nhập	235
------------------------------	-----

Chi 1 - Thu nhĩ nhập.....	235
Chi 2 - Thu nhĩ nhập.....	238
Chi 3 - Thu tử nhập.....	239
Chi 4 - Thu thiệt nhập.....	240
Chi 5 - Thu thân nhập.....	242
Chi 6 - Thu ý nhập.....	244
Đoạn IV: Thu mười hai xứ	248
Chi 1 - Thu hai xứ: Nhĩ căn và sắc trần	248
Chi 2 - Thu hai xứ: Nhĩ căn và thanh trần	251
Chi 3 - Thu hai xứ: Tử căn và hương trần	252
Chi 4 - Thu hai xứ: Thiệt căn và vị trần.....	255
Chi 5 - Thu hai xứ: Thân căn và xúc trần	257
Chi 6 - Thu hai xứ: Ý căn và pháp trần.....	258
Đoạn V: Thu mười tám giới	261
Chi 1 - Thu nhĩ thức giới.....	261
Chi 2 - Thu nhĩ thức giới.....	264
Chi 3 - Thu tử thức giới.....	267
Chi 4 - Thu thiệt thức giới	273
Chi 5 - Thu thân thức giới	275
Chi 6 - Thu ý thức giới.....	278
Đoạn VI: Thu bảy đại	282
Chi 1 - Nghi tứ đại hòa hợp, tỉnh Phật khai thị.....	282
Chi 2 - Gồm trách thể tính tứ đại không phải hòa hợp	283
- Tiết A. Trách học nhiều không khéo phân biệt	283

- Tiết B. Phát minh chung tứ đại chẳng phải hòa hợp.....	284
Chi 3 - Thu địa đại.....	286
Chi 4 - Thu hỏa đại.....	290
Chi 5 - Thu thủy đại.....	293
Chi 6 - Thu phong đại.....	296
Chi 7 - Thu không đại.....	299
Chi 8 - Thu kiến đại.....	303
Chi 9 - Thu thức đại.....	309
Đoạn VII: Được chứng ngộ phát nguyện.....	316
Chi 1 - Ông A-nan thuật lại chỗ ngộ.....	316
Chi 2 - Ông A-nan nói kệ và phát nguyện.....	318

QUYỂN BỐN

MỤCVII: CHỈ RÕ VỌNG SINH TIẾP NỐI VÀ CÁC ĐẠI KHÔNG NGẠI NHAU

Đoạn I: Ông Mãn Từ khen ngợi Phật và trình bày chỗ nghi	325
Đoạn II: Thiết lập hai điều nạn vấn	328
Chi 1 - Hỏi về chân tâm thanh tịnh bỗng sinh ..	328
Chi 2 - Hỏi về các đại không trùm khắp.....	328
Đoạn III: Phật hứa sẽ tuyên nói nghĩa thù thắng bảo đại chúng hãy lắng nghe	330
Đoạn IV: Nêu bản tính để chỉ rõ căn nguyên hư dối	332
Chi 1 - Nêu bản tính	332
Chi 2 - Gạn hỏi tính minh làm vọng	334

Đoạn V: Chỉ nguyên nhân có tướng thế giới hư không và chúng sinh	339
Chi 1 - Chỉ nguyên nhân có tướng thế giới	339
Chi 2 - Chỉ nguyên nhân có tướng hư không	340
Chi 3 - Chỉ nguyên nhân có tướng chúng sinh	340
Chi 4 - Tổng kết nguyên nhân có các tướng	340
Đoạn VI: Chỉ ba tướng kết quả tiếp nối	342
Chi 1 - Kết quả tướng thế giới tiếp nối	342
Chi 2 - Tướng kết quả chúng sinh tiếp nối.....	346
Chi 3 - Tướng kết quả nghiệp báo tiếp nối	350
Chi 4 - Tổng kết ba thứ theo thứ lớp đối đời.....	353
Đoạn VII: Thuyết minh giác chẳng sinh mê	356
Chi 1 - Nghi Như Lai đã chứng diệu minh, tại sao thế giới vẫn còn?	356
Chi 2 - Dụ người mê lầm phương hướng khi ngộ chẳng sinh mê	358
Chi 3 - Dụ hoa đốm bệnh nhậm đã trừ hoa chẳng sinh lại	360
Chi 4 - Dụ vàng trong khoáng không xen tạp ...	362
Đoạn VIII: Chỉ bày các đại có thể dung nhau	363
Chi 1 - Lập lại câu hỏi ban đầu	363
Chi 2 - Lấy hư không để thí dụ tàng tính dung nhau	364
Chi 3 - Lấy bảy việc để thí dụ các đại không ngại tàng tính	364
Chi 4 - Dùng thí dụ để so với các pháp.....	366
Chi 5 - Thí dụ tàng tính tùy các tướng hiện	367

**MỤC VIII: CHỈ ĐIỀU MINH HỢP VỚI TẠNG TÍNH, "PHI"
"TỨC" CẢ HAI ĐỀU LY**

Đoạn I: Chỉ trái với giác tính hợp theo trần tướng	370
Đoạn II: Chỉ tính điều minh hợp với Như Lai tạng	371
Đoạn III: Chỉ Như Lai tạng đều "phi" tất cả	373
Đoạn IV: Chỉ Như Lai tạng đều "tức" tất cả	376
Đoạn V: Chỉ ra ngoài các nghĩa "phi", "tức" và phải nhờ đến ngón tay khéo	377
Chi 1 - Ra ngoài các nghĩa "phi" và "tức" là chỗ nhiệm mẫu cùng tột tâm phân biệt	377
Chi 2 - Chỉ tiếng hay phải nhờ ngón tay khéo ..	379

**MỤC IX: CHỈ MÊ VỌNG KHÔNG CÓ NHÂN, HẾT MÊ TỨC LÀ
BỔ ĐỀ**

Đoạn I: Nghi tính giác nhân đâu có vọng	383
Đoạn II: Chỉ mê vốn không nhân	384
Chi 1 - Dụ mê đầu cuồng chạy	384
Chi 2 - Chỉ tính mê tự có, vốn không sót mất ...	385
Đoạn III: Chỉ dứt các duyên thì hết cuồng, tính giác trùm khắp	387
Chi 1 - Chỉ dứt các duyên	387
Chi 2 - Chỉ tính trùm khắp	388
Chi 3 - Thí dụ để tóm kết	389

**MỤC X: LẠI BÁC NGHĨA NHÂN DUYÊN TỰ NHIÊN, ĐỂ
TRÁCH NGHE NHIỀU**

Đoạn I: Phát nghi và hỏi	393
Đoạn II: Gạn hỏi nguyên nhân khởi nghi	395

Đoạn III: Ví dụ cái đầu xưa không mất, để chỉ ra tính cuồng giả dối	395
Chi 1 - Phá tự nhiên	395
Chi 2 - Phá nhân duyên	396
Chi 3 - Phá chung và giải thích cái nghi nhân mê tự có	397
Đoạn IV: Phá nhân duyên tự nhiên dẫn vào Bồ Đề	398
Chi 1 - Phá nhân duyên vào vô công dụng	398
Chi 2 - Phá tự nhiên, thành vô hý luận	399
Chi 3 - Chỉ Bồ Đề khuyên tu và trách nghe nhiều thêm lưu ngại	401

MỤC XI: CHỈ NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

Đoạn I: Thuật lại chỗ ngộ, thỉnh cầu Pháp tu hành	407
Đoạn II: Xét về phát tâm trong lúc tu nhân	410
Chi 1 - Lấy hư không dụ nhân không sinh diệt	410
Chi 2 - Chia ra trong và đục để tiêu biểu tâm tính sáng suốt nhiệm mầu	412
Chi 3 - Khai thị năm trước	414
- Tiết A. Kiếp trước	414
- Tiết B. Kiến trước	415
- Tiết C. Phiền não trước	416
- Tiết D. Chúng sinh trước	416
- Tiết E. Mạng trước	417
Chi 4 - Kết thành cái tâm tu nhân	418
Đoạn III: Xét rõ cội gốc phiền não	423

Chi 1 - Xét chỗ điên đảo của ăn trần.....	423
Chi 2 - Phát minh chúng sinh và thế giới bị ràng buộc hay vượt khỏi.....	425
- Tiết A. Phát minh phương vị thế giới	425
- Tiết B. Chia riêng công đức (công năng) của sáu căn.....	427
* b ₁ . Công năng của nhãn căn	427
* b ₂ . Công năng của nhĩ căn	428
* b ₃ . Công năng của tỷ căn.....	428
* b ₄ . Công năng của thiệt căn.....	429
* b ₅ . Công năng của thân căn	429
* b ₆ . Công năng của ý căn.....	430
- Tiết C. Khiến cho rõ chỗ viên thông và ngăn ngại của sáu căn	430
Chi 3 - Chỉ rõ chỗ hư vọng của sáu căn	433
- Tiết A. Xét sự tích trữ và huân tập trong các căn	433
* a ₁ . Hỏi thế nào là đi sâu vào một căn?.....	433
* a ₂ . Chỉ chỗ đoạn phiền não trong khi tu	434
- Tiết B. Chỉ rõ một, sáu đều hư vọng	435
* b ₁ . Biện minh không phải một, không phải sáu	435
* b ₂ . Dùng hư không để thí dụ cái một cũng không thành	437

- * b₃. Xét về nhân tướng của nhãn căn.....438
- * b₄. Xét về nhân tướng của nhĩ căn.....439
- * b₅. Xét về nhân tướng của tỷ căn.....440
- * b₆. Xét về nhân tướng của thiệt căn.....440
- * b₇. Xét về nhân tướng của thân căn.....441
- * b₈. Xét về nhân tướng của ý căn.....442

- Chi 4 - Chỉ các căn hư vọng không thật thể
để phát minh chân tính viên thoát.....443
- Tiết A. Phát minh cái dính vọng không
thật thể.....443
 - Tiết B. Chỉ bày để phát minh chân tính
viên thoát445
 - Tiết C. Dẫn chứng các căn được
viên thoát446
 - Tiết D. Tóm kết tính viên thoát thành
nhiệm mẫu448

MỤC XII: ĐÁNH CHUÔNG NGHIỆM TÍNH THƯỜNG

- Đoạn I: Nghi căn tính không tự thể.....451
- Chi 1 - Xét về quả vị thể tính thường trụ451
 - Chi 2 - Nghi căn tính không cùng với nhân
giác, thù đáp lẫn nhau.....452
- Đoạn II: Chỉ tính nghe là thường trụ453
- Chi 1 - Trách tâm chẳng tin phục453
 - Chi 2 - Đánh chuông để gạn hỏi tính nghe454
 - Chi 3 - Đánh chuông để gạn hỏi cái tiếng456
 - Chi 4 - Trách cái nghe và tiếng rối loạn457

Chi 5 - Nghiệm xét tiếng chày để trách theo tiếng.....	459
Chi 6 - Tóm kết bỏ cái sinh diệt để hoàn thành tri giác.....	460

QUYỂN NĂM

CHƯƠNG HAI: NƯƠNG CHỖ NGỘ MÀ VIÊN TU

MỤC I: NÊU RA CĂN ĐỂ CHỈ CHỖ MÊ

Đoạn I : Xin khai thị cách mở gút	465
Đoạn II: Mười phương Như Lai phóng hào quang, đồng một lời nêu ra căn	467
Chi 1- Phật phóng hào quang	467
Chi 2 - Khác miệng đồng lời chỉ dạy	468
Đoạn III: Chỉ căn trần dùng để lựa bỏ vọng thức	469
Đoạn IV: Lựa bỏ cái giả dối để hiển bày cái chân thật thanh tịnh.....	471
Đoạn V: Phật nói kệ khen chân vọng không thật tính, theo tính viên thông để trở về bản giác.....	477

MỤC II: CỘT KHĂN ĐỂ CHỈ ĐẦU GÚT

Đoạn I: Thuật chỗ tỏ ngộ	484
Đoạn II: Cầu Phật khai thị thứ lớp mở gút.....	484
Đoạn III: Cột gút cho xem và gạn hỏi đầu gút	486

MỤC III: CHỈ MỞ GÚT TRƯỚC SAU

Đoạn I: Gạn hỏi để chỉ rõ đầu gút.....	491
Đoạn II: Hỏi cách mở gút.....	492

Đoạn III: Dạy trừ lòng gút, vọng hết về chân.....	493
Đoạn IV: Chỉ khi cột có thứ lớp, thì khi mở cũng phải có trước sau	496

MỤC IV: GẶN HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ CHỖ VIÊN THÔNG

Đoạn I: Trình bày chỗ ngộ xin chỉ dạy căn viên thông....	500
Đoạn II: GẶn hỏi trong Đại chúng	501
Đoạn III: Do thanh trần chứng viên thông.....	502
Đoạn IV: Do sắc trần chứng viên thông	505
Đoạn V: Do hương trần chứng viên thông	506
Đoạn VI: Do vị trần chứng viên thông	508
Đoạn VII: Do xúc trần chứng viên thông	510
Đoạn VIII: Do pháp trần chứng viên thông	512
Đoạn IX : Do nhãn căn chứng viên thông	514
Đoạn X : Do nhĩ căn chứng viên thông	515
Đoạn XI: Do thiệt căn chứng viên thông.....	517
Đoạn XII: Do thân căn chứng viên thông.....	519
Đoạn XIII: Do ý căn chứng viên thông	521
Đoạn XIV: Do nhãn thức chứng viên thông	523
Đoạn XV: Do nhĩ thức chứng viên thông	525
Đoạn XVI: Do tỷ thức chứng viên thông.....	527
Đoạn XVII: Do thiệt thức chứng viên thông.....	529
Đoạn XVIII: Do thân thức chứng viên thông	531
Đoạn XIX: Do ý thức chứng viên thông	534
Đoạn XX: Do hỏa đại chứng viên thông	537
Đoạn XXI: Do địa đại chứng viên thông	538
Đoạn XXII: Do thủy đại chứng viên thông.....	542

Đoạn XXIII: Do phong đại chứng viên thông	546
Đoạn XXIV: Do không đại chứng viên thông	548
Đoạn XXV: Do thức đại chứng viên thông	552
Đoạn XXVI: Do kiến đại chứng viên thông	556

QUYỂN SÁU

Đoạn XXVII: Do nhĩ căn chứng viên thông	561
Chi 1 - Thuật lại nhân tu	561
- Tiết A. Gặp Phật vâng lời chỉ dạy	561
- Tiết B. Vâng lời dạy mà thành tựu chứng ngộ	563
Chi 2- Trình bày kết quả tu đức	566
- Tiết A. Được quả đức	566
- Tiết B. Hiện bày diệu dụng	567
* b1. Ba mươi hai ứng thân	567
_ Nêu chung	567
_ Hiện thân các bậc thánh	568
+ Hiện thân Phật	568
+ Hiện thân Độc giác	568
+ Hiện thân Duyên giác	569
+ Hiện thân Thanh văn	569
_ Hiện thân lớn	570
+ Hiện thân Phạm Vương	570
+ Hiện thân Đế Thích	571
+ Hiện thân Trời Tự Tại	571
+ Hiện thân Trời Đại Tự Tại	572
+ Hiện thân Thiên Đại tướng quân	573

+ Hiện thân Trời Tứ Thiên Vương	573
+ Hiện thân Thái Tử Tứ Thiên Vương	573
_ Hiện thân người	574
Hiện thân Nhân Vương	574
Hiện thân Trưởng Giả	575
Hiện thân Cư Sĩ	576
Hiện thân Tể Quan	576
Hiện thân Bà La Môn	577
_ Hiện thân hai chúng xuất gia	578
+ Hiện thân Tỳ-Kheo	578
+ Hiện thân Tỳ- Kheo Ni	578
_ Hiện thân hai chúng tại gia	579
+ Hiện thân Ưu Bà Tắc	579
+ Hiện thân Ưu Bà Di	579
_ Hiện thân nữ chúa	579
_ Hiện Đồng thân	580
+ Hiện thân Đồng nam	580
+ Hiện thân Đồng nữ	580
_ Hiện thân trời và chẳng phải trời	581
_ Hiện thân người và chẳng phải người	585
_ Tổng kết	586
Chi 3 - Do bị ngưỡng bố thí mười bốn món công đức vô úy	587
- Tiết A. Nêu chung	587
- Tiết B. Quán xét âm thanh được giải thoát ...	588
- Tiết C. Vào lửa không cháy	588

- Tiết D. Vào nước không chìm	589
- Tiết E. Vào nước quỷ không bị hại.....	589
- Tiết G. Bị hại đao gãy	589
- Tiết H. Quỷ không thể thấy	590
- Tiết I. Gông cùm không dính	591
- Tiết K. Giặc không thể cướp	592
- Tiết L. Xa lia tham dực	592
- Tiết M. Xa lia sân nhuộm.....	593
- Tiết N. Xa lia si mê tối tăm.....	593
- Tiết O. Cầu con trai được con trai	594
- Tiết P. Cầu con gái được con gái.....	595
- Tiết Q. Trì nhiều danh hiệu vẫn không khác nhau và tóm kết	596
Chi 4 - Bốn đức không thể nghĩ bàn	600
- Tiết A. Nêu chung.....	600
- Tiết B. Hiện đầu tay và mắt.....	600
- Tiết C. Hiện hình tụng chú	602
- Tiết D. Xả thân cầu thương xót	604
- Tiết E. Chỗ mong cầu đều được	604
Chi 5 - Kết luận về viên thông nhĩ căn.....	605

MỤC V: CHỈ CHÍNH CHỖ VIÊN TU

Đoạn I: Phóng hào quang để hiển diễm lành	607
Đoạn II: Phật bảo ngài Văn Thù chọn căn viên thông	609
Đoạn III: Lựa ra những căn không viên thông	610
Chi 1 - Khen ngợi tính giác nguyên là nhiệm mầu để chỉ rõ mê vọng vốn không.....	610

Chi 2 - Nêu rõ phương tiện có mau chậm	614
Chi 3 - Lựa ra sáu trần.....	614
Chi 4 - Lựa ra năm căn	618
Chi 5 - Lựa ra sáu thức	621
Chi 6 - Lựa ra bảy đại.....	625
Đoạn IV: Lựa căn viên thông.....	631
Chi 1 - Hợp với giáo thể cõi Ta-bà.....	631
Chi 2 - Xưng tán đức Quán Thế Âm.....	632
Chi 3 - Xưng tán nhĩ căn.....	634
Chi 4 - Trách nghe nhiều và khuyên tu	637
Chi 5 - Hội các pháp môn trong ba đời, lập lại để chọn lựa phương tiện.....	644
Chi 6 - Lễ Như Lai Tạng cầu gia bị.....	645
Đoạn V: Nghe Pháp được chứng ngộ	649

CHƯƠNG BA: RỘNG ĐỂ LẠI KHUÔN PHÉP TU HÀNH

*MỤC I: NHÂN ÔNG A NAN XIN CỨU ĐỘ ĐỜI VỊ LAI -
PHẬT NÊU CHUNG BA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH.....* 652

*MỤC II: CHỈ BÀY BỐN LỜI DẠY BẢO RÕ RÀNG VÀ
QUYẾT ĐỊNH.....* 655

Đoạn I: Dạy nghĩa quyết định đoạn dâm..... 655

Đoạn II: Dạy nghĩa quyết định đoạn tâm giết hại

Đoạn III: Dạy nghĩa quyết định đoạn tâm trộm cắp..... 664

Đoạn IV: Dạy nghĩa quyết định đoạn tâm nói dối..... 671

QUYỂN BẢY

**MỤC III: PHẬT KHAI THỊ VỀ MẬT GIÁO THẨM GIÚP
NHỮNG NGƯỜI TU HÀNH679**

**MỤC IV: KHAI THỊ NHỮNG PHÉP TẮC LẬP ĐẠO
TRÀNG TU TRÌ**

Đoạn I: Thừa hỏi quy tắc lập đạo tràng.....684

Đoạn II: Khai thị nghi thức kiến đạo tràng.....685

Đoạn III: Khai thị tu trì được chứng690

**MỤC V: TUYÊN NÓI TÂM CHÚ RỘNG KHAI THỊ
NHỮNG LỢI ÍCH**

Đoạn I: Phật phóng quang khắp khai thị693

Đoạn II: Tuyên đọc thần chú Phật Đảnh
Thủ Lăng Nghiêm.....695

Đoạn III: Khai thị về xuất sinh chư Phật hàng ma
và rộng gia bị.....718

Đoạn IV: Khai thị chú tâm nói rộng không cùng tột.....722

Đoạn V: Khai thị sức của thần chú thành tựu được
thế gian và xuất thế gian, thêm trí tuệ,
tiêu nghiệp chướng723

Đoạn VI: Khai thị trì chú được mãn nguyện, sinh chỗ
thù thắng.....730

Đoạn VII: Khai thị chú lực có thể tiêu quốc nạn731

Đoạn VIII: Khai thị để bảo hộ sơ tâm lìa ma chướng
tâm chứng khai ngộ.....733

Đoạn IX: Kim Cang Thiên thần trong Hội phát nguyện
bảo hộ rộng rãi.....737

MỤC VI: KHAI THỊ VỊ TRÍ TU CHỨNG TRƯỚC VÀ SAU

Đoạn I: Ông A-nan thỉnh Phật khai thị về những danh mục thứ bậc tu hành.....	742
Đoạn II: Phật khen và hứa chỉ trước.....	743
Đoạn III: Khai thị hai nhân duyên đảo.....	744
Chi 1 - Nêu chung về nguyên nhân duyên đảo ...	744
Chi 2 - Chúng sinh duyên đảo	747
- Tiết A. Nhân chúng sinh duyên đảo.....	747
- Tiết B. Tướng chúng sinh duyên đảo	748
- Tiết C. Chúng sinh và nghiệp quả	750
Chi 3 - Thế giới duyên đảo.....	750
- Tiết A. Nhân thế giới duyên đảo.....	750
- Tiết B. Tướng thế giới duyên đảo	751
- Tiết C. Sinh loại có sai biệt.....	752
* c ₁ . Tổng nêu mười hai loài	753
* c ₂ . Chia ra và giải thích mười hai loài	753
1. Noãn sinh (loài sinh bằng trứng)	753
2. Thai sinh (loài sinh bằng thai).....	754
3. Thấp sinh (loài sinh nơi ẩm ướt).....	754
4. Hóa sinh (loài hóa sinh)	755
5. Có sắc (loài có hình sắc)	756
6. Không sắc (loài không có hình sắc) .	756
7. Có tướng (loài có tướng).....	757
8. Không tướng (loài không có tướng)..	758
9. Chẳng phải có sắc	758
10. Chẳng phải không sắc	758

11. Chẳng phải có tướng	759
12. Chẳng phải không tướng	760

QUYỂN TÁM

ĐOẠN IV: Kết luận về bản nhân diên đảo, dùng để khởi cái nghĩa thứ lớp tu tập.....	763
Đoạn V: Khai thị ra ba món tiêm thứ.....	764
Chi 1 - Nêu tên chung	764
Chi 2 - Trừ trợ nhân.....	765
- Tiết A. Nói rõ cái ăn là trợ nhân	765
- Tiết B. Chỉ ra ngũ vị tân là lỗi lầm và tai hoạ, khiến đoạn trừ	766
Chi 3 - Gột sạch chính tính	768
- Tiết A. Khuyên đoạn.....	768
- Tiết B. Chỉ dạy thứ lớp đoạn trừ.....	769
- Tiết C. Chỉ bày trừ bỏ triền phược chứng được viên thông.....	769
Chi 4 - Trái với hiện nghiệp	770
- Tiết A. Sáu căn trở về nguồn	770
- Tiết B. Chứng ngộ Pháp vô sinh.....	771
Đoạn VI: An lập các thánh vị.....	772
Chi 1 - Cần tuệ địa	772
Chi 2 - Thập tín	774
Chi 3 - Thập trụ	779
Chi 4 - Thập hạnh.....	784
Chi 5 - Thập hồi hương.....	789
Chi 6 - Tứ gia hạnh.....	795

Chi 7 - Thập địa.....	798
Chi 8 - Kết thúc bằng hai quả vị: Đẳng giác và Diệu giác.....	803

MỤC VII: KẾT CHỈ DẠY TÊN KINH.....810

MỤC VIII: NGHE PHÁP ĐƯỢC TĂNG TIẾN.....814

**CHƯƠNG BỐN: PHÂN BIỆT CHÍN CHẨN NGHIỆP
QUẢ, PHÂN TÍCH KỸ VỀ TÀ MA NGOẠI ĐẠO**

*MỤC I: HỎI VỀ VỌNG TƯỚNG TẬP KHÍ SẴN CÓ,
SINH KHỞI RA LỤC ĐẠO.....816*

*MỤC II: HỎI VỀ VIỆC BÁC KHÔNG NHÂN QUẢ,
BỊ SA VÀO ĐỊA NGỤC VÀ VỀ NGHIỆP CHUNG,
NGHIỆP RIÊNG.....818*

*MỤC III: KHAI THỊ PHẦN TRONG, PHẦN NGOÀI CỦA
CHÚNG SINH*

Đoạn I: Nêu chung.....	821
Đoạn II: Phần trong.....	822
Đoạn III: Phần ngoài.....	823
Đoạn IV: Phân biệt tình, tướng, nặng, nhẹ.....	824
Chi 1 - Thuần tướng.....	824
Chi 2 - Tình ít tướng nhiều.....	825
Chi 3 - Tình tướng đồng nhau.....	826
Chi 4 - Tình nhiều tướng ít.....	826
Chi 5 - Bảy phần tình ba phần tướng.....	827
Chi 6 - Chín phần tình một phần tướng.....	827

Chi 7 - Thuần tình và hủy báng v.v	828
Chi 8 - Kết lại đồng phận nhưng đều chia riêng ...	828

MỤC IV: CHỈ RA MƯỜI TẬP NHÂN, SÁU ĐƯỜNG GIAO BÁO

Đoạn I: Nêu chung danh mục.....	831
Đoạn II: Chính chỉ mười tập nhân	831
Chi 1 - Tập nhân về dâm.....	831
Chi 2 - Tập quán về tham dục	833
Chi 3 - Tập quán về ngã mạn	834
Chi 4 - Tập quán về nóng giận	835
Chi 5 - Tập quán về giả dối.....	835
Chi 6 - Tập quán về dối gạt.....	836
Chi 7 - Tập khí về oán thù.....	837
Chi 8 - Tập quán về ác kiến	838
Chi 9 - Tập quán về vu vạ	839
Chi 10 - Tập quán về kiện thưa	839
Đoạn III: Tóm nêu sáu giao báo	840
Đoạn IV: Khai thị về sáu giao báo.....	841
Chi 1 - Giao báo về thấy	841
Chi 2 - Giao báo về nghe.....	842
Chi 3 - Giao báo về nghĩ	843
Chi 4 - Giao báo về vị	844
Chi 5 - Giao báo về xúc.....	845
Chi 6 - Giao báo về ý nghĩ	847
Đoạn V: Kết luận về tập nhân giao báo, khi hoàn toàn thiếu khuyết và đáp lại nghiệp riêng mà có đồng phần chung.....	848

Đoạn VI: Khai thị các dư báo.....	851
Chi 1 - Nêu chung về quỷ báo.....	851
Chi 2 - Mười thứ quỷ.....	851
Chi 3 - Kết luận về quỷ báo.....	854
Chi 4 - Nêu chung về súc sinh báo.....	854
Chi 5 - Mười chủng loại súc sinh.....	855
Chi 6 - Kết luận súc sinh báo.....	857
Chi 7 - Phạt lặp lại câu hỏi trước, để lặp lại lời chỉ dạy.....	857
Chi 8 - Đến trả lại nợ còn thừa.....	858
Chi 9 - Tìm nhau đền trả nghiệp báo.....	859
Chi 10 - Dư cảm trong nhân đạo.....	860
Chi 11- Kết luận về dư cảm.....	862

MỤC V: TU NHÂN RIÊNG BIỆT, THÀNH QUẢ HƯ VỌNG

Đoạn I: Nêu chung.....	863
Đoạn II: Riêng thành mười thứ tiên.....	863
Đoạn III: Kết luận về tiên đạo.....	867

MỤC VI: CÁC CÔI TRỜI SAI KHÁC

Đoạn I: Dục giới.....	869
Chi 1 - Tứ thiên vương.....	869
Chi 2 - Đạo Lợi thiên.....	870
Chi 3 - Tu Diệm ma thiên.....	870
Chi 4- Đẩu-xuất-đà-thiên.....	871

Chi 5- Lạc biến hóa thiên.....	872
Chi 6- Tha hóa tự tại thiên.....	872
Chi 7- Kết luận về Dục giới	873

QUYỂN CHÍN

Đoạn II: Sắc giới.....	875
Chi 1 - Sơ thiên thiên.....	875
Chi 2 - Nhị thiên thiên.....	878
Chi 3 - Tam thiên thiên	880
Chi 4 - Tứ thiên thiên	882
Chi 5 - Ngũ tịnh cư thiên	886
Chi 6 - Kết luận về sắc giới.....	891
Đoạn III: Vô sắc giới.....	891
Chi 1 - Không xứ- trước lựa chỗ hồi tâm	891
Chi 2 - Thức xứ.....	892
Chi 3 - Vô sở hữu xứ.....	894
Chi 4 - Phi phi tướng xứ.....	895
Chi 5 - Kết luận về tứ không và nói rõ đường tẻ.....	895
Chi 6- Kết luận chung về chư thiên	986
Đoạn IV: Nói thêm chẳng phải trời bốn loài A-tu-la.....	898
 <i>MỤC VII: KHAI THỊ CHỖ HƯ VỌNG CỦA BẢY LOÀI, ĐỂ KHUYÊN TU THEO CHÍNH PHÁP</i>	
Đoạn I: Khai thị chỗ hư vọng	902
Đoạn II: Khai thị về nghiệp nhân.....	903
Đoạn III: Chỉ rõ sự tu hành chân chính.....	904

Đoạn IV: Tổng kết về quả báo đồng phần	904
Đoạn V: Khuyên đoạn trừ	905

MỤC VIII: PHÂN BIỆT CÁC ẤM MA

Đoạn I: Nguyên do khởi ra các ma sự	907
Chi 1 - Không hỏi mà Phật tự nói	907
Chi 2 - Chỉ ma sự khó biết	907
Chi 3 - Răn nhắc được chút ít cho là đã đủ, khuyên vâng nghe lời Phật chỉ dạy	908
Chi 4 - Khai thị thể giác ngộ không hai do vọng khởi mà có thể giới	909
Chi 5 - Khai thị thể giới gốc là giả dối, nếu phát chân thì hư không mất	910
Chi 6 - Khai thị tâm tinh thông ám hợp thiên ma kinh sợ	911
Chi 7 - Tính diệu giác khó động, nhân hủy giới nên bị ngại	912
Đoạn II: Khai thị các ấm ma	914
Chi 1 - Sắc ấm	914
Tiết A. Phạm vi sắc ấm	914
Tiết B. Tướng sắc ấm hết	915
Tiết C. Những cảnh thuộc sắc ấm có sai khác	916
c ₁ . Thân hay làm ngăn ngại	916
c ₂ . Lợm giun sán trong thân thể	917
c ₃ . Nghe nghĩa bí mật từ hư không	918
c ₄ . Phật hiện hoa sen mọc lên	919

c ₅ . Sắc bấu đầy hư không.....	920
c ₆ . Ban đêm đồng như ban ngày	920
c ₇ . Chính xét thân thể không có cảm giác	921
c ₈ . Khắp nơi đều thành cõi Phật.....	922
c ₉ . Ban đêm xem thấy phương xa	923
c ₁₀ . Hình thể thay đổi, thông đạt diệu nghĩa	923
Tiết D. Kết luận khiến truyền bá và chỉ dạy.....	924
Chi 2 - Thọ ấm	925
Tiết A. Phạm vi thọ ấm	925
Tiết B. Tương thọ ấm diệt	926
Tiết C. Cảnh giới thọ ấm sai khác	927
c ₁ . Thấy loài vật sinh thương xót.....	927
c ₂ . Chí dưng mãnh đồng với Phật.....	928
c ₃ . Tâm sinh chìm trong cái nhớ.....	929
c ₄ . Được ít cho là đủ.....	930
c ₅ . Tâm sinh gian nan hiểm trở	931
c ₆ . Tâm vui không thể dừng	932
c ₇ . Khởi đại ngã mạn	933
c ₈ . Tâm sinh khinh an	934
c ₉ . Tâm hướng về đoạn diệt	935
c ₁₀ . Khởi ra yêu thích tham cuồng	937

Tiết D. Kết luận và bảo truyền dạy	938
Chi 3 - Những cảnh thuộc tướng ấm	939
Tiết A. Phạm vi của tướng ấm	939
Tiết B. Tướng tướng ấm hết	940
Tiết C. Cảnh giới tướng ấm có sai khác	941
c ₁ . Tham cầu thiện xảo	941
c ₂ . Tham cầu dạo chơi	943
c ₃ . Tham cầu khế hợp	945
c ₄ . Tham cầu phân biệt chia chẻ	946
c ₅ . Tham cầu thâm cảm	948
c ₆ . Tham cầu tĩnh lặng	950
c ₇ . Tham cầu tức mạng	951
c ₈ . Tham chấp thần lực	953
c ₉ . Tham cầu sâu về không	955
c ₁₀ . Tham cầu sống lâu	957
Tiết D. Khuyên cố gắng truyền bá chỉ dạy	959
Tiết E. Lặp lại để kết luận nguyên nhân của mê	960

QUYỂN MƯỜI

CHI 4 - Những ma sự thuộc hành ấm	963
- Tiết A. Tướng hết tướng thù thắng	963
- Tiết B. Phạm vi hành ấm	964
- Tiết C. Tướng hết của hành ấm	965
- Tiết D. Cảnh giới sai khác của hành ấm	966

* d ₁ . Hai thứ luận vô nhân.....	966
_ Nêu chung.....	966
_ Gốc vốn không nhân.....	967
_ Ngọn cũng không nhân và kết luận...	969
* d ₂ . Bốn cái luận biến thường.....	971
_ Nêu chung.....	971
_ Chấp hai muôn kiếp là thường còn....	971
_ Chấp bốn muôn kiếp là thường.....	972
_ Chấp tám muôn kiếp là thường.....	972
_ Chấp cái không sinh diệt là viên thường và kết luận.....	973
* d ₃ . Luận chấp một phần vô thường, một phần thường.....	974
_ Nêu chung.....	974
_ Chấp ta là thường, vật khác là vô thường.....	974
_ Chấp kiếp hoại, kiếp không hoại.....	975
_ Chấp tính là thường, sinh tử là vô thường.....	976
_ Hành ấm là thường, sắc, thọ, tưởng là vô thường và kết luận.....	976
* d ₄ . Bốn cái luận hữu biên.....	977
_ Nêu chung.....	977
_ Chấp ba đời.....	978
_ Chấp chúng sinh.....	978
_ Chấp tâm tính.....	979
_ Chấp sinh diệt và kết luận.....	980

* d ₅ . Bốn thứ luận càn loạn, bất tử	980
_ Nêu chung	980
_ Chấp tám thứ cũng	981
_ Chỉ đáp là không	982
_ Chỉ đáp là phải	983
_ Đủ cả có không và kết luận	983
* d ₆ . Mười bốn thứ luận hữu tướng	984
_ Nêu chung	984
_ Giải thích	985
+ Cội gốc của chấp	985
+ Chấp riêng	986
+ Kết luận	986
* d ₇ . Tám thứ luận vô tướng	986
_ Nêu chung	986
_ Giải thích	987
+ Cội gốc của cái chấp	987
+ Chấp riêng	988
_ Kết luận	988
* d ₈ . Luận tám thứ phi	989
_ Nêu chung	989
_ Giải thích	989
+ Cội gốc cái chấp	989
+ Chấp riêng	990
_ Kết luận	991
* d ₉ . Bảy thứ luận đoạn diệt	991
_ Nêu chung	991

_ Giải thích.....	992
_ Kết luận	993
* d ₁₀ . Luận năm thứ Niết-bàn hiện có.....	993
_ Nêu chung.....	993
_ Giải thích.....	994
_ Kết luận	995
Tiết E. Kết luận và bảo truyền bá chỉ dạy...	996
Chi 5- Những ma sự thuộc thức ấm	997
- Tiết A. Tướng thù thắng của hành ấm hết.	997
- Tiết B. Phạm vi của thức ấm	999
- Tiết C. Tướng của ấm hết.....	1000
- Tiết D. Cảnh giới của thức có sai khác.....	1001
* d ₁ . chấp nhân sở nhân.....	1001
* d ₂ . Chấp năng phi năng	1003
* d ₃ . Chấp thường phi thường	1004
* d ₄ . Chấp tri vô tri.....	1006
* d ₅ . Chấp sinh vô sinh.....	1007
* d ₆ . Chấp quy vô quy	1009
* d ₇ . Chấp tham phi tham.....	1010
* d ₈ . Chấp chân phi chân.....	1011
* d ₉ . Định tính Thanh văn	1012
* d ₁₀ . Định tính Duyên giác	1013
- Tiết E. Kết luận và bảo truyền dạy	1015

Chi 6- Tổng kết ám hết, thành tựu được Kim cang, Cần tuệ, Quả địa viên mãn, dùng để khuyên tinh tấn tu hành	1018
Chi 7- Kết luận về tu tâm trừ tà tuân theo lời Phật dạy.....	1021

**MỤC IX : CHỈ RÕ THỨ LỚP TIÊU DIỆT CÁC ẤM VÀ GIỚI
HẠN PHẠM VI CÁC ẤM**

Đoạn I: Thỉnh hỏi cầu khai thị.....	1024
Đoạn II: Đức Như Lai đáp thẳng.....	1025
Chi 1 - Hiển bày tính chân để chỉ ra vọng	1025
Chi 2 - Khai thị bản nhân của năm ấm	1026
- Tiết A. Bản nhân của sắc ấm	1026
- Tiết B. Bản nhân của thọ ấm.....	1027
- Tiết C. Bản nhân của tưởng ấm.....	1028
- Tiết D. Bản nhân của hành ấm.....	1029
- Tiết E. Bản nhân của thức ấm	1029
Chi 3 - Khai thị về biên giới của các ấm	1031
Chi 4 -Khai thị chứng ngộ thì dẹp trừ đốn tiệm.....	1032
Chi 5 - Kết luận và bảo truyền dạy	1034

PHẦN THỨ BA - PHẦN LƯU THÔNG

CHƯƠNG MỘT: LƯU THÔNG CỦA KINH NÀY

MỤC I: ĐƯỢC PHÚC HƠN CẢ.....	1035
MỤC II: TIÊU TỘI HƠN CẢ.....	1037

<i>MỤC III: DỆP TRỪ MA HƠN CẢ</i>	1039
CHƯƠNG II: LƯU THÔNG CHUNG	1040